

ĐẶNG TRẦN HUÂN

thành phố buồn thiu



SÁNG TẠO



Thành phố buồn thiu

Đặng Trần Huân



Paris * 07.2025

Bìa : *Hiếu Đệ*
Nguồn : *vietnamvanhien.net*

Thành phố buồn thiu

ĐẶNG TRẦN HUÂN

SÁNG TẠO
Saigon * 1970

MỤC LỤC

1. Háo hức	9
2. Hoa Thịnh Đốn thành phố buồn thiu	31
3. Baltimore đêm thoát y	93
4. Nữ Uớc tạp đa	117
5. Atlanta thủ đô nuôi tiếc	173
6. Cựu Kim Sơn, cửa châu Á	203
7. Chán chường	247

HÁO HỨC

Từ ngày vào lính, Tuấn đã đi đủ loại máy bay, từ Dakota, bà già, Caribou, C.123, tới các trực thăng quả chuối, trực thăng H.34, trực thăng thân chỉ có cái khung không mà Tuấn gọi đùa là trực thăng ở truồng, nhưng chưa bao giờ Tuấn được đi máy bay phản lực. Trông các anh phi công bên Không Quân Việt Nam lái máy bay B.57 hay Lưỡi Kiếm 105, Tuấn thèm quá. Trông những phản lực cơ vận tải khổng lồ của hãng máy bay

Pan Am cất và hạ cánh ở Tân Sơn Nhất, Tuấn cũng thèm quá. Giá mà Tuấn được ngồi trên chiếc máy bay đó xem sao.

Thế mà hôm nay, giờ đây Tuấn đang ngồi chờ tại phòng khách phi cảng quốc tế Tân Sơn Nhất để đáp máy bay phản lực của Mỹ đi du học Hoa Kỳ. Trong cuộc đời trung sĩ, chưa bao giờ chàng vui như thế.

Bảy giờ sáng, Tuấn đã ngồi gọn ghẽ trong chiếc ghế rộng của chiếc Boeing 707, bốn động cơ phản lực của hãng Continental Airline do quân đội Hoa Kỳ thuê, chờ giờ cất cánh.

Phi cơ quân đội mà sang lắm. Chờ máy bay lên hết đường bay, Tuấn mới mở mắt trở lại để quan sát. Lịch sự quá ! Có chiêu đãi viên trắng trẻo, thơm như mít, biểu diễn cách đeo phao, phòng khi máy

bay rớt, Tuấn cũng chẳng thèm nghe. Cô tuy là người Mỹ nhưng nói chắc là không đúng giọng vì tiếng không giống giọng các giáo sư Việt dạy Anh ngữ cho Tuấn. Vả lại Tuấn còn đang bận ngắm nghĩa máy bay. Máy bay Mỹ đủ tiện nghi quá, chu đáo quá ! Trừ một lỗi đi ở giữa, mỗi bên sườn máy bay có đến ba hàng ghế, tất cả đến hai trăm chỗ ngồi. Bấm nút một cái, ghế lật ra sau, có thể ngả đầu lim dim ngủ như nằm ghế bố. Mỗi hàng ghế có đánh số thứ tự 1, 2, 3, 4 mà không có số 13. Thì ra Mỹ cũng tin dị đoan như ông chủ Thủ Đô Tửu Lầu vậy. Trên mỗi ghế có một đôi tất nhỏ, cho khách có thể tháo giày lủng vào chân mình cho đỡ giá. Mỗi ghế còn có một ống nghe để khách cắm vào lỗ tai mà Tuấn chưa hiểu để nghe gì.

Máy bay cất cánh chừng nửa giờ, hai

cô chiêu đãi viên khác đã bắt đầu sửa soạn bữa ăn sáng. Thức ăn thơm tho, sạch sẽ, nồn nà như người séc-via vậy. Cô chiêu đãi viên tóc bạch kim đặt khay thức ăn xuống chiếc bàn nhỏ gắn liền vào ghế trước Tuấn, rồi cất tiếng oanh vàng hỏi :

— Cóp phi, ty, o miêu ? (Cà phê, trà hay sữa ?)

Chà ! Cô này lại nói không đúng giọng Mỹ nữa rồi. Tuy thế, qua dáng điệu, Tuấn biết ngay là cô hỏi uống gì ? Tuấn suy nghĩ một lát. Cà phê ! Cà phê Mỹ dở lắm, cà phê bít tất Chợ Lớn còn ngon hơn ! Trà ! Trà Lipton trong túi vải thì uống sao được !

Tuấn trả lời :

— Miêu ! Tu miêu (Sữa, hai ly !)

Cô chiêu đãi mím cười quay đi. Tuấn nhớ lại lời của người anh vợ khuyến Tuấn trước khi đi : “Cậu có biết tại sao nhiều người đi Mỹ trở về đều mập không ? Tại vì họ uống nhiều sữa. Tôi đã đi tôi biết. Sữa tươi của Mỹ nguyên chất, tươi mà rẻ lắm. Bất cứ lúc nào hể khát, cậu hãy uống sữa thay cho nước !” Tuấn thấy người anh vợ có lý.

Cô chiêu đãi trở lại mang theo hai ly sữa. Tuấn vốn ghét sữa, nhưng hôm nay uống có vẻ ngon lành.

Máy bay vẫn bay trên độ cao chừng sáu hay bảy cây số. Êm quá. Tuấn lấy giấy trải lên bàn ăn viết thư cho vợ, bàn êm không rung động y như ngồi dưới đất. Tàu bay Mỹ có khác.

Nhìn qua cửa sổ, biển ở dưới mắt Tuấn.

Những làn mây trắng không lồ chỉ còn nhỏ như những cục bông gòn bay dưới chân Tuấn. Trên cao, thở hơi nặng nề, nhưng một chút thôi. Và máy bay vẫn bay rất êm như không chuyển động.

Phi cơ bay qua một hòn đảo rất lớn. Mới đầu Tuấn ngỡ là Phi Luật Tân. Nhưng tại sao lại chỉ có một đảo lớn như vậy ? Phi Luật Tân những bảy ngàn đảo cơ mà. Mà sao đi lâu thế mới tới Phi Luật Tân ?

Mười giờ, phi cơ hạ cánh trên đảo Xung Thăng. Khi đó Tuấn mới biết hòn đảo lúc nầy là Đài Loan. Sương mù dày đặc, gió rét căm căm, Tuấn theo các hành khách khác vào phòng ăn, phòng khách phi trường Kadena ngắm các gian hàng bán đồ kỷ niệm do các cô gái Phù Tang trông nom.

Mười một giờ, máy bay cất cánh rời Xung Thắng. Bữa ăn trưa được dọn ra : xúp gà, trái cây đủ thứ, xúc xích, xà lách, sạch sẽ và vệ sinh. Tuấn đói lắm, ăn thật nhanh và cảm thấy còn hơi thiếu. Cô chiêu đãi viên liếc thấy ông khách đã xong, dừng lại, cất giọng oanh vàng :

— Cóp phi, ty, o miêu ?

Không nghĩ ngợi, Tuấn trả lời ngay :

— Miêu, tu miêu ! (Sữa, hai ly !)

Ăn uống xong xuôi, Tuấn bật ghế ngã ra phía sau, ưỡn bụng lim dim mắt ngủ, như một chính khách chờ thời. Trong khi Tuấn mơ màng, Tuấn vẫn nghe thấy từ các hàng ghế trên tiếng cô chiêu đãi ca điệp khúc “Cóp phi, ty, o miêu” ! Lúc Tuấn tỉnh dậy, đồng hồ chỉ ba giờ chiều, giờ Sài Gòn. Nhưng nhìn ra trời đã xẩm

tối vì phi cơ bay về hướng Đông. Tuấn thấy một « nhu cầu » đòi hỏi nơi bụng. Chàng đứng dậy đi về phía đuôi phi cơ tìm phòng rửa mặt. Và Tuấn phát giác ra một bình sữa tươi lớn ở phía đuôi phi cơ với nhiều ly giấy sạch sẽ. Giải quyết nhu cầu nơi bụng xong xuôi, Tuấn lấy ly bấm nút uống liền ba ly sữa cho mát ruột. Trời đã tối hẳn. Tuấn để đồng hồ chỉ ba giờ chiều như nuốt tiếc quê hương.

Bữa ăn tối xong, chương trình giải trí trên máy bay bắt đầu với một phim của hãng Warner Bros. Cứ cách một ghế lại có một màn ảnh nhỏ trên thân máy bay, nhỏ và xinh như một chiếc vô tuyến truyền hình mười hai inch. Lúc này Tuấn mới biết tác dụng của chiếc ống nghe. Người khách ngồi cạnh Tuấn là một thiếu úy Mỹ mãn hạn chiến đấu tại Việt Nam đang trên đường về. Vui mừng quá

chẳng mà y cứ kể chuyện liến thoắng với Tuấn. Anh chàng này nói khó nghe quá. Chắc cũng không đúng giọng Mỹ. Các tài tử trên màn ảnh đang trở tài cờ bạc bịp. Cuốn phim quá tồi, làm nhiều người không chú ý mà chỉ bật đèn nhỏ đọc báo. Tuấn lại bực dọc thêm về sự liến thoắng của anh bạn Mỹ lảng giềng. Chàng bèn cầm ống nghe vào tai rồi tắt máy nhưng mắt vẫn chăm chú lên màn ảnh để trốn chuyện anh bạn đồng hành nói sai giọng.

Đồng hồ Tuấn chỉ năm giờ chiều. Lúc đó đã là một giờ đêm trên khoảng không gian này. Phim đã hết. Đèn tắt, máy bay đi trong đêm, nhưng Tuấn vẫn không thể ngủ được vì mới là buổi chiều ở Sài Gòn.

Tuấn thấy ngâm ngâm đau bụng.

Chàng đứng dậy, lần mò trong ánh sáng mờ đi ra phía sau. Ủa sao mình ăn chất đặc nhiều thế mà lại tháo dạ nhỉ ? Hay là tại sữa tươi ! Tuấn trở lại ghế, lim dim mắt cố ngủ để tập quen với thời khắc mới nhưng không được vì chỉ một giờ sau chàng lại thấy ngấm ngấm đau bụng nữa.

Máy bay hạ cánh ở phi trường quân sự Travis (gần Cựu Kim Sơn) lúc đồng hồ tay của Tuấn chỉ chín giờ tối, giờ Sài Gòn. Tuấn nhìn đồng hồ ở phi trường thấy chỉ năm giờ và trời đã tảng sáng. Đây đã là đất Mỹ, giờ Việt Nam và giờ Mỹ ở phía Tây này cách nhau tám tiếng, và ngày cũng lùi hai mươi bốn giờ.

Té ra máy bay cất cánh ở Sài Gòn lúc bảy giờ sáng ngày 2 tháng 2 thì khi tới đây vẫn là ngày 2 tháng 2 nhưng mới có năm giờ sáng. Lợi một ngày, mà cũng

thiệt một ngày : Lợi thời gian, thiệt lương bổng vì phụ cấp du học tính theo ngày.

Tuấn xếp hàng theo thứ tự trình giấy tiêm, giấy thông hành, phim phổi và chờ khám hành lý. Hành lý vút từ trên máy bay xuống lộn bậy chất đống ở một góc phòng. Không biên nhận, không thứ tự. Cứ việc tới tìm rồi nhận ra va-li của mình thì xách lấy mang lại phòng ngoài cho nhân viên hữu trách khám xét. Khi Tuấn tìm thấy va-li của chàng thì hỡi ôi, chiếc quai đã bị gãy tung. Có một chiếc quai để xách mà gãy có khác chi chiếc chai thủng đáy, chiếc quần không giải rút. Tuấn chỉ còn cách vác chiếc va-li khổng lồ lên vai như bao gạo tiến ra phòng ngoài để chờ tới lượt.

Lao động quá sức, Tuấn lại cảm thấy nhu cầu đòi hỏi nơi bụng. Tuấn cắn răng kiềm chế. Hành lý mang vào đất Mỹ rất

dễ dàng. Có thể nói cái gì cũng lọt trừ một vài thứ thức ăn hoặc những thứ đồ chế hóa không tên mà người Mỹ ngờ là thức ăn thiếu vệ sinh. Những thứ đó bị tịch thu ngay tại phi trường. Khách Việt Nam ứa nước mắt nhớ quê hương khi thấy chai nước mắm hoặc hũ mắm nằm trên đường đi vào thùng rác.

Đồ đạc khám xong, Tuấn vút bịch va-li xuống, không cần đóng lại, ù té chạy như người ma đuổi. Phi trường rộng quá, tìm tới mười phút mới thấy nhà vệ sinh. Nhưng vẫn còn kịp thời. Năm phút sau, Tuấn trở lại chỗ va-li, mặt mày vui vẻ, miệng huýt sáo, yêu đời.

Chặng đường của Tuấn chưa hết vì nơi chàng tới học ở gần bờ Đại Tây Dương, phía Đông nước Mỹ. Nên tối hôm đó Tuấn vẫn còn được đi tàu bay.

Chàng tới phi trường dân sự Cựu Kim Sơn lúc mười giờ đêm để đáp máy bay phản lực đi Atlanta. Chắc nước Mỹ xài toàn máy bay phản lực. Phi trường Cựu Kim Sơn rộng quá lớ ngỡ chắc lạc mất. Mười giờ rưỡi máy bay cất cánh. Tuấn đi theo hành lang số 4 vì trên vé máy bay của hãng Delta bán cho chàng có ghi rõ cổng số 4. Nhưng hết cổng số 4 rồi lên máy bay nào, màu gì, số máy, không thấy ai chỉ dẫn cho Tuấn cả. Chỉ có tiếng nói trên chiếc micro ồ ồ sai giọng Mỹ thì ai mà hiểu. Tuấn đang hoang mang đi trong hành lang tòa nhà rộng lớn theo những người đi trước thì đã thấy một cô chiêu đãi viên giơ tay chỉ lối. Tuấn bước qua mặt nàng, đi qua một hành lang hẹp như đường hầm dài chừng bốn thước thì đã thấy vào trong thân máy bay. Trời ơi ! Thế này thì làm sao lạc ! Máy bay đồ sát tận hiên. Quả là phi trường quốc tế.

Tuấn ngồi yên chỗ một lát, máy bay cất cánh. Móc ở chiếc túi sau ghế trước lấy ra mấy tấm carte postale, Tuấn biết mình đang ngồi trên chiếc phản lực cơ DC.8. Tuy ghế không có số nhưng hành khách nhả nhận nhường nhau. Mấy cô chiêu đãi viên mang kẹo bánh tới cho hành khách. Cô tóc nâu dừng trước mặt Tuấn :

— Cóp phi, ty, o miêu ?

Tuấn lắc đầu lia lịa :

— Nô ! Nô miêu ! (Không, không uống sữa).

Cô gặng lại :

— Cóp phi, o ty ? (Cà phê hay trà ?).

— Nô ! Nô ! (Không, không).

Như con chim bị tên sợ cây cong,

Tuấn xoa tay dữ dội. Và có lẽ sự hiện diện của cô chiêu đãi dù rất đẹp này, gọi cho bộ máy tiêu hóa của Tuấn một dĩ vãng nào đó, nên Tuấn lại thấy ngâm ngâm đau bụng. Tuấn lảng lạng đứng dậy xin lỗi ông khách ngồi ngoài để đi ra phía đuôi máy bay.

Phi cơ vẫn bay trong đêm tối. Tới hai giờ rưỡi sáng, phi cơ hạ cánh ở phi trường Atlanta. Tuấn lại một lần nữa vận đồng hồ tăng lên thành năm giờ rưỡi sáng. Chiếc phản lực cơ đồ sộ đỗ lại chừng nửa giờ rồi lại bay đi. Tuấn nhìn theo luyến tiếc, thán phục sự chu đáo của hãng máy bay Delta, thán phục những tiện nghi đầy đủ trên chiếc phản lực cơ DC.8.

Tuấn phải chờ tới bây giờ để sang một phi cơ khác rời Atlanta đi Augusta, chặng cuối của chàng. Hành lý của Tuấn đã được nhân viên hãng hàng không

chuyển sang máy bay liên tỉnh. Chắc là chu đáo lắm. Hãng dân sự này có vẻ khá. Va-li của chàng chắc không thể gãy quai vì còn quai dâu mà gãy.

Để chắc ăn, Tuấn lần mò ra phía cuối nhà ngơ ngác tìm kiếm những căn phòng có lavabo, có vẽ đầu đàn ông hoặc đầu đàn bà nơi cửa.

Tuấn bước ra sân phi trường. Chỉ có một chiếc máy bay ngoài sân, chiếc Martin 404 của hãng Piedmont. Chiếc máy bay thô lỗ, sơn loang lổ cũ kỹ, hành khách lên máy bay bằng cửa ở đuôi, giống như cửa Caribou hay C.123 mở ra khi chở đồ. Tuấn chưa bao giờ trông thấy kiểu máy bay nào như thế. Lúc này, Tuấn thấy hãng Air Việt Nam của nước mình lại khá !

Hành khách lên máy bay lửa thừa hơn chục mạng. Cánh cửa khép lại, phi cơ nổ máy. Hai cánh quạt quay tròn mấy vòng rồi đứng khựng. Phi cơ lại rú lên lần thứ hai. Máy kêu hừng hực như chó dại. Hai cánh quạt quay tít nhiều vòng, tiếng máy rú to hơn nhưng cánh quạt lại đột nhiên ngừng như vấp phải vật gì. Một vài hành khách ngó qua cửa có vẻ lo lắng. Tiếng máy rú lên lần thứ ba. Một tiếng nổ chát chúa phát ra phía dưới như tiếng xe Honda kẹt pô. Cô gái Mỹ ngồi chung hàng ghế với Tuấn tròn mắt, giờ hai tay lên ra vẻ sợ hãi. Nhưng lần này cánh quạt quay đều và phi cơ từ từ rời phi đạo.

Trời đã sáng rõ, cô chiêu đãi viên lực lưỡng cứng cỏi như đàn ông tới từng ghế hỏi khách muốn dùng bánh hay cà phê.

Mỗi lần biết ý khách, cô lại trở về phòng nhỏ gần ca-bin cầm ra một chiếc bánh hay một ly cà phê trên tay, không có mâm. Tuấn nhớ tới các nàng áo xanh của Air Việt Nam và lúc này mới thấy rằng Air Việt Nam của mình khá quá ! Nhưng khi nghĩ thế thì đã muộn rồi !

Cô chiêu đãi tới trước mặt Tuấn :

— Cóp phí, ty, o miêu ?

— Cho tôi cà phê đặc.

Lát sau cô trở ra tay cầm miếng bánh, tay cầm ly sữa chìa ra phía Tuấn. Chàng cắn nhẩn :

— Tôi kêu cà phê sao cô lại cho sữa ?

Cô chiêu đãi tướng đàn ông trả lời một câu dài. Chắc lại nói sai giọng Mỹ. Tuấn đành cầm ly sữa và quay lại hỏi anh bạn đồng hương ở ghế sau :

— Nó nói gì mà cậu nghe rõ không, Đạt !

Đạt lém lỉnh cười :

— Nó bảo : “Xin anh thứ lỗi cho vì hăng em nghèo” !

Tuấn không nói gì, quay lại. Chàng thấy âm ỉ đau bụng. Chàng đi về phía phòng rửa mặt. Cửa đóng vì bên trong có người. Chàng chờ tới năm phút vẫn chưa thấy cửa mở đành quay lại ghế ôm bụng nén cơn đau. Nghĩ tới sữa, Tuấn rùng mình.

Cơn đau bụng nguôi dần. Tuấn lim dim mắt thiu thiu ngủ vì giờ này là đêm Sài Gòn.

Tuấn mơ màng nghĩ tới chân trời xa lạ. Rồi ngủ thiếp đi. Trong cơn mơ Tuấn thấy từng đàn bò cái nối đuôi nhau, từng

thùng sữa tươi chống chất. Tuấn sợ run lên, rùng mình tỉnh dậy giữa cơn đau bụng quặn quại. Tuấn mở choàng mắt, loanh quanh nhìn, thì đã thấy cô chiêu đã đứng trước mặt cười duyên hỏi Tuấn :

— Cóp phi, ty, o miêu ?

tháng ba 1967

HOA THỊNH ĐỐN THÀNH PHỐ BUỒN THIÊU

Nơi tôi một thành phố lớn tại Mỹ, người ta thường hay tưởng tượng tới những nhà máy san sát, khói bốc mịt mù, tới những nhà chọc trời cao vút, ngửa mặt lên mới nhìn thấy mây.

Trường hợp thủ đô Hoa Kỳ không thế. Nhà tại Hoa Thịnh Đốn không cao trên mười hai tầng. Phố xá không có nhà máy san sát. Vì thế người Hoa Thịnh Đốn thường tự hào về vẻ thơ mộng của

thành phố của họ với sông Potomac, với hồ Tidal ngay gần bờ sông và nhất là với những hàng cây anh đào bao quanh hồ này. Hằng năm cứ mỗi khi tới mùa hoa nở, Hoa Thịnh Đốn lại tổ chức ngày hội anh đào. Trai thanh gái lịch từ các tiểu bang lân cận, có khi từ các thành phố cách xa Hoa Thịnh Đốn hàng vài ngàn cây số cũng kéo nhau về thủ đô dự hội.

Tiếc thay thời gian anh đào nở thường không kéo dài quá nửa tháng và khi tôi tới thăm Hoa Thịnh Đốn lần thứ nhất thì hoa đã tàn hơn tuần lễ. Tôi lang thang dưới những rặng anh đào không hoa, mua những tấm ảnh chụp nơi này để tưởng tượng cảnh thơ mộng của thủ đô nước Mỹ hơn một tuần lễ trước. Tưởng tượng tới những thiếu nữ vận quần đùi xẻ ống, những cặp uyên ương mà con ương mặc mini jupe cao hai tấc trên đầu gối

ôm nhau đi dưới bóng cây. Tưởng tượng tới những vòm anh đào hồng rực tươi mát bao quanh hồ tạo thành hai màu ưu thắng : màu hồng của hoa và màu xanh của nước. Màu xanh của lá đã biến mất khi hoa nở, và màu trắng của một vài cây anh đào trắng mọc lẻ loi giữa màu hồng không nhiều lắm nên nhìn xa không thấy rõ sự tương phản. Nhưng nếu tới gần ta mới thấy cái tinh nghịch của anh chuyên viên trồng cây khi tạo lập thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Có lẽ anh ta cũng giàu óc trào phúng lắm khi cố ý xen kẽ vài cây hoa trắng trong một dãy hoa dài hàng cây số toàn hồng. Để du khách tấm tắc nhìn cây hoa trắng như khi gặp một kiều nữ nhận ca cá lặn mím một nụ cười tươi tắn lộ hai hàm răng trắng muốt, đều đặn nhưng sún ngay trước cửa.

Tuy vậy, dù vào lúc không hoa, khu vực hồ Tidal vẫn là nơi thơ mộng nhất của thành phố này. Đây là một khu vườn cỏ rộng bát ngát với các dinh thự và đài kỷ niệm chính của thành phố như đài kỷ niệm tổng thống Lincoln, đài kỷ niệm Jefferson, tháp Washington, tòa Bạch Ốc và điện Capitol.

Tháp Washington là kiến trúc điển hình của thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Rất nhiều công viên tại khắp nước Mỹ dựa theo kiểu tháp này để xây những tháp tương tự nhưng thấp và nhỏ hơn.

Tháp Washington không phải là một kiến trúc cầu kỳ. Đây chỉ là một cây cột vuông, nhỏ dần ở phía trên với ngọn hình kim tự tháp. Nhưng tháp nổi tiếng chính vì cái giản dị mà vĩ đại của nó. Với mỗi cạnh dài mười lăm thước dưới đây,

tháp cao gần hai trăm thước là kiến trúc cao nhất Hoa Thịnh Đốn.

Sau khi trả mười xu, tôi bước vào lòng tháp xếp hàng chờ thang máy để lên ngọn tháp. Tiếng một thiếu nữ từ chiếc micro vô hình đâu đó giảng công danh sự nghiệp của vị tổng thống đầu tiên của cô, cùng những chi tiết liên quan tới tháp kỷ niệm này bằng một giọng trong trẻo đầm ấm. Cô cũng không quên nhắc nhở du khách nếu muốn tập thể thao có quyền lên đỉnh tháp bằng cách đi bộ leo hết 898 bậc thang thường mà khỏi dùng thang máy. Tuy cô nhắc thế và thời gian lên bằng thang máy cũng lâu hơn một phút nhưng không có du khách nào sử dụng thang thường, mà vẫn kiên nhẫn xếp hàng chờ đợi. Để rồi lên tới đỉnh chen nhau đưa mắt qua hai lỗ cửa sổ to bằng bàn tay nhìn toàn cảnh thành phố

một lát rồi lại xếp hàng chờ lượt xuống.

Lần này thì thỉnh thoảng cũng có cặp trai gái xuống bằng thang thường để kéo dài thời gian gần nhau. Và biết đâu họ chẳng trách thầm nhà kiến trúc Robert Mills sao quá hà tiện mà không tăng số bậc thang lên 900 cho gọn và họ được gần nhau thêm hai bậc nữa trong lòng tháp âm u.

✱

Tôi thông thả tiếp tục dạo bộ trên vườn cỏ rộng bát ngát xung quanh tháp dưới bóng những cây anh đào lớn. Những con sóc nhỏ nhảy chơi chơi trên cỏ. Từng đàn bồ câu bay chập chờn xung quanh khách bộ hành. Có những cặp trai gái không chú ý tới phong cảnh nên thơ ấy mà chỉ chú ý tới nhau. Họ dìu nhau dưới bóng mát thỉnh thoảng ngừng lại

ôm ghì nhau, hôn môi nhau rồi lại tiếp tục đi. Con đường trên vườn cỏ là một đường tròn nên đi mãi mãi không bao giờ hết.

Những cô gái nhỏ tuổi hơn, nghĩa là khoảng mười, mười một chưa có bạn trai để cặp kè thì ngồi xuống cỏ giỡn với bồ câu và sóc. Những con vật này rất dạn, vì có lẽ từ trước tới nay chưa ai bắt chúng cả. Tôi nghĩ giá công viên này chuyển được về Sài Gòn thì chắc những con sóc xinh xắn ấy sẽ được tư hữu hóa về các nhà riêng với sợi dây nhỏ buộc nơi chân để làm trò chơi cho con cháu nhà mình. Và những con bồ câu hiền lành khờ khạo kia chắc sẽ bị vỗ như vỗ ngóe để biến thành các món hầm, món rút xương, món rô-ti thơm phức, mỗi lần ăn nước mắt, nước mũi chảy ra ràn rụa.

✱

Đúng giờ hẹn, Vinh lái xe đến trước đài kỷ niệm Lincoln đón tôi. Ô-tô không được phép đậu trên con đường này nên khi vừa thấy chiếc xe nhỏ mang bảng số với mẫu tự DPL từ xa tôi biết ngay là xe anh nên sẵn sàng đứng sát lề đường để có thể bước lên thật mau khi anh ghé.

Thắc mắc về những mẫu tự DPL của ngoại giao đoàn, tôi hỏi Vinh :

— Xe hơi bên này rẻ sao anh không mua một chiếc mà phải đi công xa tòa đại sứ ?

— Không ! Xe này của tôi đấy chứ ! Tôi mua lại của người bạn hai trăm đô la. Nếu mua xe mới khoảng bảy trăm là đã được thứ xe khá tốt có thể trả góp mỗi tháng vài chục đô la. Nhưng tôi mua cái này khoảng ba chục ngàn Việt Nam. Mà

xe còn mới vì chủ của nó dùng chưa đầy một năm.

— Xe riêng của anh sao anh có quyền dùng bằng số DPL ?

— Bên này tất cả các xe hơi của các sứ quán ngoại quốc hoặc xe riêng của nhân viên sứ quán đều được dùng bằng số ngoại giao.

— Dùng bằng số đó lợi gì không ?

Vinh cười :

— Lợi lắm chứ. Những người sử dụng xe DPL được coi như khách của Bộ Ngoại Giao Mỹ. Ví dụ anh vi phạm luật lưu thông nào đó, cảnh sát sẽ biên số xe gửi giấy phạt. Mình có thiện chí thì nộp; nếu quá hạn mình không nộp phạt thì cảnh sát sẽ gửi giấy phạt khác tới Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ để Bộ Ngoại Giao

nộp phạt cho các quý khách.

Tôi mỉm cười hỏi anh :

— Thế từ khi mua xe này, Bộ Ngoại Giao Mỹ đã nộp phạt cho anh bao nhiêu lần rồi ?

Vinh lắc đầu lia lịa :

— Đâu có ! Ai mà lại làm thế !

Anh lái xe chậm chậm qua các thắng cảnh chính của thành phố Hoa Thịnh Đốn rồi tới đường R, con đường của ngoại giao đoàn. Hầu như tất cả trụ sở ngoại giao của các quốc gia trên thế giới đều tọa lạc trên con đường vắng và buồn này. Anh ghé tòa đại sứ Việt Nam chừng mười phút rồi trở ra đưa tôi tới trung tâm thành phố. Cũng như hầu hết các thành phố lớn tại Hoa Kỳ, hệ thống đường xá tại Hoa Thịnh Đốn phức tạp, xe cộ lưu

thông phải triệt để tuân theo các bảng chỉ dẫn hay dấu hiệu trên đường. Cũng vì thế có những địa điểm ta trông thấy rất gần ngay trước mắt đi bộ có thể tới nhanh chóng nhưng nếu đi xe hơi sẽ mất một thời gian lâu hơn vì phải theo các đường vòng hay đường hầm, cầu cạn để xe cộ khỏi chờ nhau ở ngã tư.

Tôi hỏi Vinh :

— Khi bắt đầu mua xe, anh có lúng túng với đường xá ở đây không ?

— Lúng túng lắm. Nhưng bây giờ thì quen rồi. Khi mới mua xe, ngoài giờ làm việc, ăn uống xong là tôi lại lên xe lái lung tung trong thành phố để cho thuộc đường. Có hôm từ nhà đến tòa đại sứ tôi đi mất một tiếng đồng hồ mới tìm ra con đường đúng. Tòa đại sứ mở cửa chín giờ. Tôi bắt đầu đi làm từ tám giờ nhưng tôi

cũng phải dặn anh em trong sở nếu tới giờ tôi chưa tới được thì cũng yên chí đừng lo tôi bị tai nạn hoặc đừng gọi điện thoại về nhà vì chắc chắn khi đó tôi còn đang lang thang trên đường thiên lý.

Nói xong Vinh nhìn sang phía trái chỉ cho tôi một dãy xe buýt đậu bên lề đường :

— Đường xá rắc rối và thiếu chỗ đậu xe nên có nhiều người Mỹ có xe riêng mà họ vẫn đi làm bằng xe buýt cho tiện.

Vinh hăm bớt ga. Chiếc xe từ từ tiến tới khu dành cho xe đậu. Anh bước xuống móc túi lấy tiền kim khí bỏ vào chiếc đồng hồ tự động gắn trên một cột sắt ngay trước mũi xe, giải thích :

— Ở chỗ này chỉ có quyền đậu xe trong nửa giờ và phải trả mười xu. Quá

giờ ấn định, mà mình chưa trở lại lấy xe, mặt đồng hồ sẽ hiện lên chữ « hết giờ » và cảnh sát đi qua trông thấy sẽ gửi giấy phạt mình.

Vinh và tôi thủng thẳng đi bộ trên mấy phố chính. Vừa đi anh vừa giảng giải về đặc điểm của từng phố và kể những kinh nghiệm của anh sau hơn một năm sống tại Hoa Thịnh Đốn như mua hàng ở các khu mãi dịch (shopping center) ngoại ô rẻ hơn trên phố, người ngoại quốc không nên đi chơi đêm ở các đường vắng như đường T,U,V, hay gặp Mỹ đen bắt lương v.v...

Khác Nữ Ước đa số phố xá đều đặt tên bằng số, tại Hoa Thịnh Đốn trừ vài phố có tên còn tất cả phố ngang mang tên mẫu tự A.B.C.D. và các phố dọc mang số thứ tự 1, 2, 3, 4... Lấy điện Capitol làm trung tâm, thành phố được chia

ra bốn khu vực, và vì thế các phố đều có thể trùng tên nhau như hai đường A, hai đường B, hay hai đường 1 đường 2. Rồi để phân biệt cho khỏi lộn, trên các biển lại phải ghi thêm vị trí của con đường. Du khách đừng lạ khi thấy các biển tên ghi những hàng chữ đường K Tây Bắc, đường L Tây Nam hoặc đường 24 Đông Bắc. Và cũng đừng lạ nữa khi thấy một con đường mang tên đường 25 Tây Bắc mà không có con đường 25 ở phía Tây Nam. Vì Hoa thịnh Đồn là thành phố có cách phân chia cho ta tưởng rằng nó là một thành phố vuông nhưng trên thực tế lại là một thị trấn méo, tròn thành ba góc.

Khu sầm uất của Hoa Thịnh Đồn thu hẹp trong mấy con đường từ F tới H và từ 7 tới 12.

Đường F với rất nhiều tiệm giày khiến cho ta nhớ tới đường Lê Thánh Tôn Sài Gòn, quãng từ Tự Do tới chợ Bến Thành. Đường được phân đôi bởi một bờ hè cao ở chính giữa, hai bên bờ hè trồng những dãy đèn tròn trắng đục thỉnh thoảng điểm một quầy hàng xinh xắn.

Đường H cũng không vui vẻ hơn các đường khác là bao nhưng có vẻ Á Đông với mấy tiệm ăn Trung Hoa mang tên Chop Suey, Joy Inn, China Doll, và một vài tiệm chạp phô nhỏ có bán hương nến, tàu vị yếu, nước mắt Hồng Kông. Cũng tại khu Trung Hoa nhỏ bé này lạc lõng những tiệm quá hẹp lối ba thước bề ngang cao không đầy hai thước làm cho những nhà bên cạnh dù chỉ có mười tầng bỗng trở nên cao ngất.

Những tiệm bách hóa Garfinkle's, Hecht's và Woodward là những tiệm lớn nhứt Hoa Thịnh Đốn đều ở trên đường F và G.

Vinh và tôi ngừng ở lại đầu đường quan sát mấy chú Mỹ đánh giầy đang mời khách ngay trên vỉa hè, trong khi chờ đèn xanh báo hiệu được phép qua đường. Vài giây sau, các đèn đỏ ở bốn góc ngã tư bật lên đồng loạt cùng một lúc với các hàng chữ « cho đi » dành cho khách bộ hành. Từ bốn ngã đường các xe tự động đều dừng lại. Do đó bộ hành đứng ở một góc đường có quyền đi thẳng, đi ngang hoặc đi sang góc đường đối diện bằng hướng chéo.

Chúng tôi đi bộ một lát tới tiệm Woodward. Tiệm rất lớn gồm hai buyn-đỉnh cao tám tầng mỗi buyn-đỉnh chiếm trọn một khu vực bao vây bởi bốn con đường.

Vào tiệm, khách có thể tùy sở thích sử dụng thang máy hoặc thang cuốn để lên tới tầng lầu chót hoặc xuống tận gian hàng dưới hầm. Khách hàng cũng có thể đi từ buyn-đỉnh Bắc sang buyn-đỉnh Nam một cách vô tình khi qua gian hàng dưới hầm mà không hề bước ra cửa để qua đường.

Tuy tiệm Woodward lớn như vậy và gian hàng tầng dưới thường thường là gian hàng có nhiều người chiếu cố nhất cũng chỉ lựa thưa khách mặc dù là ngày cuối tuần. Lên tới tầng cao nhất của tiệm này thì còn buồn tẻ nữa. Một vài khách hàng cứ việc lặng lẽ len lỏi giữa những dãy đồ gỗ bàn ghế, tranh ảnh để ngắm nghía như tại một phòng triển lãm trong khi người bán hàng ngồi ở một góc lơ đãng suy tư.

✱

Rời tiệm Woodward, Vinh lái xe mời tôi về nhà anh ở Arlington, một thị trấn thuộc tiểu bang Virginia. Arlington là nơi có nhiều thắng cảnh như đài kỷ niệm Iwo Jima, mộ cố tổng thống Kennedy v.v... và tuy thuộc tiểu bang Virginia thật, nhưng người ta thường coi Arlington như ngoại ô của Hoa Thịnh Đốn vì nó chỉ ngăn cách với thủ đô Hoa Kỳ bởi con sông Potomac.

Trong khi xe tiến lên cầu tôi mơ màng ngắm cảnh trí rất nên thơ lúc chiều tà. Xa xa, thỉnh thoảng một chiếc phản lực cơ khổng lồ từ từ cất cánh ở phi trường quốc tế bên kia sông vẽ lên nền trời vàng úa những vệt khói đen dài. Trên mặt sông lấp lánh phản chiếu ánh nắng chiều, từng đàn vịt trời bơi lội tung

tăng làm cho ta quên đi hiện đang sống giữa một thủ đô cơ khí.

Vinh nhìn theo tầm mắt tôi và như đoán được ý nghĩ của tôi. Anh nói :

— Anh khoái đàn vịt đó lắm phải không ? Ít khi ở một thị trấn Mỹ mà có những sinh vật sống trong cảnh thiên nhiên như thế trừ thành phố này.

Rồi anh đổi giọng cười vui vẻ :

— Trông thấy đàn vịt anh có thèm tiết canh vịt không ? Chắc có chứ hả ? Ở Mỹ làm gì có món đó. Và cũng vì thế mà một ông thượng sĩ làm ở tòa đại sứ mình xuýt ra cò bỏt đấy.

Qua làn khói thuốc, Vinh kể tiếp :

— Anh đã biết là gà vịt bên này họ đều làm bằng máy sẵn sàng rồi để tủ lạnh

bán cho dân chúng chứ gì. Ông thượng sĩ chắc nhớ nhà, nhớ rau húng quế, thêm tiết canh vịt quá và không biết xoay đầu được một con vịt sống mang về đóng cửa thật kỹ buộc cổ không cho con vịt kêu sợ hàng xóm biết, rồi cắt tiết làm món tiết canh như ý muốn. Chẳng may khi ăn uống xong dọn dẹp vụng về làm sao ông để vãi một ít lông vịt ở cửa khiến gia đình Mỹ hàng xóm chú ý và báo cảnh sát tới lập biên bản về tội ăn uống mất vệ sinh.

Anh chép miệng :

— Người Mỹ không thể nào quan niệm nổi việc mình tự cắt tiết một con gà hay con vịt trong nhà là một việc có vệ sinh, mà họ chỉ tin được ở những thức ăn đã làm từ các xưởng của các hãng chuyên môn.

Tôi gật đầu đồng ý với anh. Chính tôi cũng đã từng chứng kiến những việc bảo vệ vệ sinh đến vô lý của người Hoa Kỳ trên đất nước họ. Tại các phi trường quốc tế người Mỹ không cho nhập nội những thứ thực phẩm lạ mà họ không hiểu rõ đã được chế hóa ra sao. Người Mỹ không thể hiểu nổi tại sao người Việt lại có thể dùng chung một chén nước mắm trong một bữa ăn trong khi người Mỹ dùng hai tay cầm thịt gà và mút năm ngón tay một cách say sưa thì không sao cả.

Giữa biên giới hai tiểu bang của chính nước Mỹ — Arizona và California — cũng có những nhân viên vệ sinh kiểm soát thực phẩm. Những trái cam, trái táo rất tươi, thơm do hành khách mang từ Arizona đều được lệnh phải vứt bỏ trước khi xe qua cầu sang California. Chắc hẳn

nhà cầm quyền California cho rằng chỉ có trái cây của tiểu bang mình là hợp vệ sinh còn trái cây ở các nơi khác đều có thể gây bệnh hoạn hủy diệt sự sinh tồn của dân chúng tiểu bang.

Chiếc xe của Vinh đã từ từ đỗ lại trước một buyn-đỉnh rất cao. Ở Arlington có nhiều nhà kiến trúc tân kỳ và cao hơn nhà ở Hoa Thịnh Đốn. Không phải dân Hoa Thịnh Đốn không có khả năng xây những nhà cao, nhưng vì nhà cầm quyền thủ đô Mỹ cấm không cho phép nhà nào được cất cao quá mười hai tầng để bảo vệ giá trị độc tôn cho hai công trình kiến trúc cao nhất thủ đô là điện Capitol và tháp Washington.

Chúng tôi đẩy cửa bước vào phòng đã ngửi thấy mùi nước mắm thơm sực nức. Chị Vinh đã làm xong món phở, dọn bát đũa trên bàn. Tuy không thơm

ngon như phở gà Trương Tấn Bửu, tuy không có nước mỡ dàn dụa vì bát quá đầy một cách thô bỉ như phở Tàu Bay, những bát phở do chị Vinh nấu lấy đã làm cho tôi nhớ nhà tha thiết.

Nhìn bàn ghế, giường phản kê trong nhà Vinh đều là đồ Việt Nam tôi rất ngạc nhiên nhưng anh đã giải thích cho tôi là anh không mua đồ gỗ bên Mỹ vì đồ làm bằng tay rất đắt và mỗi nhân viên tòa đại sứ được phép gửi một ngàn cân hành lý miễn phí từ Việt Nam sang, nên anh đã mang theo đủ các đồ dùng cần thiết.

Để đùa Vinh sau khi ăn hết bát phở thứ hai với nước mắm Phú Quốc và chanh màu xanh (chanh chính cống Mỹ màu vàng), tôi nói :

— Chị Vinh cho ăn một bữa ăn ngon quá. Nhưng tôi vẫn còn thèm một món

chắc là chị không thể nào có được.

— Món gì anh thử nói xem.

— Mắm tôm.

Chị Vinh phá lên cười và đứng ngay dậy tiến về bếp. Lát sau chị cầm ra một chai mắm tôm chính cống đặt lên bàn ăn. Tôi hỏi Vinh :

— Anh giấu cách nào mà qua được lưới kiểm soát của phi trường Cựu Kim Sơn ?

Vinh nháy con mắt trái, trả lời :

– Bí mật nhà nghề.

Tôi không nói gì nhưng bốn tiếng « va-li ngoại giao » đột nhiên lớn vồn trong óc tôi một cách tức cười.

✱

Ngày hôm sau một số du học sinh thuộc các nước đồng minh của Hoa Kỳ trong đó có tôi được hướng dẫn thăm một số công thự như tòa Bạch Ốc, điện Capitol, Ngũ Giác Đài.

Điện Capitol là dinh thự đẹp nhất nổi tiếng thế giới và cũng được nhiều du khách viếng nhất của thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Hai cơ cấu căn bản của nền lập pháp Hoa Kỳ là thượng và hạ viện mỗi viện chiếm một buyn-đỉnh thấp mỗi bên. Vòm chính giữa cao, đẹp, hùng vĩ nhưng lại không dùng vào việc gì liên quan tới lập pháp mà để không để du khách vào chơi.

Bước vào bên trong vòm điện Capitol người ta chú ý ngay tới cách trang trí điện này bằng rất nhiều tác phẩm điêu khắc và tranh vẽ. Đứng dưới ngửa mặt lên nhìn là những tranh nhiều màu vẽ

ngay trên tường ; vòng tròn cao chót vót gần đỉnh vòm cũng được tạo bằng những hình chạm nổi màu ngà. Các hành lang dẫn từ vòm chính sang các phòng hội nghị cũng treo la liệt những tranh không còn một chỗ trống. Có những bức tranh to phủ kín cả một khoảng tường. Bức tranh ở phía hành lang sang hạ viện rách một đường dài nhưng chưa được vá và tô lại mà chỉ được dán đè chỗ rách bằng một giải băng keo xanh lá cây dài hơn một thước với chiều ngang lối hai mươi phân.

Viên trung tá Mỹ hướng dẫn chúng tôi lên lầu dự thính một buổi họp khoáng đại của thượng viện.

Mỗi nghị sĩ đều có văn phòng riêng đặt tại một buyn-đinh đối diện điện Capitol. Các vị đại diện dân dùng xe điện ngầm di chuyển từ văn phòng sang hội

trường điện Capitol, để tránh băng qua đường phiền phức tuy rằng thứ xe điện liên lạc giữa hai công thự rất nhỏ chỉ chở mỗi chuyến độ mười người.

Chúng tôi tới cửa phòng dự thính thì một cảnh sát viên to lớn vận sắc phục yêu cầu mọi người bỏ máy ảnh lại ngoài cửa. Các bạn tôi nghe theo xếp máy thành đống ngay trên bàn ngoài cửa.

Tôi nói với người cảnh sát :

— Tôi hứa sẽ không chụp ảnh, vậy tôi có thể mang máy vào trong chứ.

Người cảnh sát lắc đầu. Tôi nhớ tới những cảnh đàn áp phóng viên nhiếp ảnh tại Sài Gòn khi họ muốn thu hình những cảnh biểu tình chống chính phủ, thu hình những vụ tự thiêu trong những ngày trước chính biến 1-11-63,

hay những cảnh đàn áp ký giả dưới thời chính phủ Trần Văn Hương, Nhưng ở đây, giữa thủ đô Hoa Kỳ này hội trường thượng viện đâu có phải là diễn đàn của những người chuyên môn xuống đường phản chiến và những khóa sinh du học được Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội Hoa Kỳ tuyên bố là khách của quân đội Mỹ thì đâu có sợ họ mang theo máy ảnh có plastic bên trong.

Tôi nói với người cảnh sát :

— Nếu không được phép mang máy ảnh vào thì tôi ở ngoài, không dự thính phiên họp nữa.

Người cảnh sát đáp :

— Cái đó là quyền của ông.

Tôi đứng ngoài hành lang, ngắm nghía thêm các bức tranh trang trí trên

tường chờ các bạn tôi vì tôi biết họ chỉ ở trong chừng hai mươi phút là cùng. Nhưng viên trung tá hướng dẫn quá khẩn cấp và tinh nhanh nên dù rằng phải hướng dẫn hơn năm mươi người thuộc mười lăm quốc tịch nhưng cũng nhận ra sự vắng mặt của tôi. Chỉ năm phút sau ông đã bước ra ngoài tìm và vội vã hỏi tôi có gặp điều gì trở ngại. Tôi trả lời là muốn quan sát thêm ở bên ngoài trước khi vào trong. Và không để cho viên sĩ quan hướng dẫn biết những chuyện vừa xảy ra, tôi tươi cười đặt máy ảnh xuống bàn rồi cùng viên trung tá bước vào ngồi trên hai ghế trống gần cửa.

Ghế dành cho các dự thính viên được kê trên ban công xây vòng tròn theo tường. Phía từng dưới các nghị sĩ họp mặt khá đông đủ. Một ông lên thuyết trình một vấn đề đang dở. Khi ông dứt

lời một số bạn đồng viện ngồi phía bên hữu vỗ tay rào rào, các nghị sĩ ngồi bên trái im lặng không tỏ thái độ gì.

Tôi cúi xuống ngắm nghía toàn cảnh hội trường, đưa mắt theo dõi nét mặt và dáng điệu vị nghị sĩ vừa đăng đàn, rồi đưa mắt ngắm nghía mấy cô nữ sinh da đen ngồi bên hàng ghế dự thính ở ban công đối diện.

Tôi rút bút nguyên tử và sổ tay để ghi một vài cảm tưởng mới nảy ra trong óc tôi lúc đó. Nhưng vừa viết được vài chữ, thì có người vỗ lên vai tôi. Tôi quay đầu lại đã thấy người cảnh sát viên khi nãy đứng sừng sững sau lưng. Y mỉm cười và nói :

— Cấm ghi chép khi dự phiên họp của nghị viện.

Tôi gấp sổ tay, cất bút vào túi áo ngực rồi quay sang nói với viên trung tá :

— Trường hợp các kỹ giả vào đây cũng bị cấm ghi chép thì làm sao họ làm việc ?

— Các kỹ giả đã có khu ghế dành riêng và khu đó không cấm ghi chép.

Tôi không biết nói gì thêm đành ngồi im lặng xem các vị đại diện tiểu bang thảo luận, không phải để nghe họ nói những gì mà chỉ để quan sát dáng điệu họ thôi vì với trình độ Anh ngữ ăn đong làm sao mà nghe hiểu được.

Khi thính giác đã không phải làm việc bao nhiêu thì thị giác tha hồ tăng gia hoạt động. Tôi quan sát tỉ mỉ từ chùm đèn, chiếc bục thuyết trình đến thái độ hay phản ứng của từng vị nghị sĩ ngồi

bên dưới một cách rất yên chí vì thấy viên cảnh sát vẫn đứng bên cửa chứ không tiến tới gần để ngăn cản tôi ngắm nghía.

Sau khi dự thánh cả hai phiên họp thượng và hạ viện mỗi nơi chừng mười lăm phút, chúng tôi rời điện Capitol sang viếng trụ sở Tối Cao Pháp Viện, một tòa nhà kiến trúc rất công phu với những chiếc cột khổng lồ lối ba mét đường kính, những tấm cửa sắt đúc nguyên miếng nặng nề và những bức tường hay nền nhà ghép bằng những phiến đá hoa chữ nhật rất lớn, bề ngang mỗi miếng ít nhất cũng tới ba, bốn thước.

✱

Đã thăm điện Capitol và Tối Cao Pháp Viện, du khách sẽ thất vọng khi

tới tòa Bạch Ốc vì nhà này sẽ trở nên bé nhỏ tầm thường. Bước vào tầng dưới tòa Bạch Ốc một lần nữa ta lại thấy người Mỹ thích chơi tranh. Các phòng ngoại giao, phòng đĩa đều treo la liệt những tranh sơn dầu đủ cỡ. Trong không khí âm u của phòng đĩa bức tranh cao ba thước vẽ chân dung bà tổng thống Coolidge đứng bên con chó trắng khiến ta quên chú ý tới hàng dãy tủ bày đủ loại chén cốc của các vị nguyên thủ quốc gia gửi tặng. Bát đĩa nhiều thế nên những chiếc gạt tàn thuốc lá đều bị loại trừ. Đó đây, chỉ có một vài chiếc bát cổ được bày ngay ngắn trên bàn, trong bát còn vương vất những mẫu tàn thuốc, những que diêm đã cháy đen.

Lầu hai tòa Bạch Ốc, tương đối sáng hơn tầng dưới gồm các phòng tiếp khách, phòng ăn mang những tên có màu sắc

như Lục Cung, Thanh Cung, Bích Cung và Hoàng Cung. Ba phòng đầu cũng treo la liệt những tranh dầu, tranh chín vị tổng thống nổi tiếng của Mỹ, tranh gia đình Kennedy. Phòng ăn màu vàng ít tranh nhất chỉ có ba bức và một bình phong sơn mài mang từ Đài Loan tới.

Cuộc viếng thăm tòa Bạch Ốc chấm dứt ở lầu hai, vì tầng thứ ba là nơi làm việc của tổng thống Mỹ và các văn phòng của ông.

Chúng tôi vòng xuống đưa mắt nhìn về phía công viên trước mặt. Một vài bà già ngồi im lặng sưởi nắng mai trên ghế xi măng trong khi những con sóc nhanh nhẹn nhảy trên cỏ đùa rỡ với từng đàn bồ câu. Ngay trên lễ con đường trước tòa Bạch Ốc, một người đàn ông vận quần màu xám và sơ mi trắng vai vác một cây thánh giá lớn với hàng chữ « Peace on

Earth » (Hòa bình trên thế gian) đi đi lại lại dưới trụ sở hành pháp để lôi kéo sự chú ý của khách qua đường. Nhưng khách qua đường lúc nào cũng vội vã, vẫn thản nhiên đi không mấy để ý tới hình thức phản đối chiến tranh của người đàn ông cô đơn ấy.

Rời tòa Bạch Ốc chúng tôi được dẫn ra ngoài thành phố thăm Ngũ Giác Đài — một công thự mà ai cũng tưởng là một tòa nhà cao vòi vọi tượng trưng cho khí thế chiến tranh nếu chưa được trông thấy hình ảnh hay nghe kể bao giờ.

Khi xe hơi qua cổng sắt lăn bánh vào khu vực Bộ Quốc Phòng, được người hướng dẫn giới thiệu chúng tôi mới biết là đã tới Ngũ Giác Đài. Kiến trúc này chỉ cao năm tầng nên nó bị chìm đắm trước những tòa nhà khác cao hơn nhiều lần và vì không có vẻ gì đặc biệt bên ngoài

nên nhiều người đi từ phía Nam trở lên để vào Hoa Thịnh Đốn đều không biết rằng đã đi ngang qua tòa Ngũ Giác.

Tuy nhiên khi bước vào trong mới thấy Ngũ Giác Đài to rộng bát ngát, với hàng trăm văn phòng của Bộ Quốc Phòng, Bộ Tổng Tham Mưu, các Bộ Tư Lệnh quân binh chủng Mỹ. Số nhân viên làm việc trong Ngũ Giác Đài sắp sỉ hai mươi bảy ngàn người. Vì thế ở từng dưới cùng có một khu mãi dịch gồm đủ các tiệm như văn phòng các hãng hàng không, ngân hàng, hỏa xa, tiệm sách, tiệm ăn, tiệm tạp hóa.

Đi trên các hành lang người ta thấy trên tường treo la liệt các tranh vẽ; hành lang khu vực văn phòng tham mưu trưởng có trên một trăm bức tranh vẽ các hoạt động của quân đội Mỹ từ năm 1774 tới những hình ảnh chiến tranh Việt

Nam vào năm 1964; hành lang khu Hải Quân cũng có hàng trăm tranh vẽ chân dung lớn nhỏ các anh hùng dưới nước, hoặc Thủy Quân Lục Chiến, khu Không Quân dĩ nhiên là những bức tranh về các loại phi cơ.

Thỉnh thoảng, chúng tôi lại né tránh một chiếc xe ba bánh chạy trong hành lang : đó là xe của bưu tín viên chuyển công văn giấy tờ giữa các văn phòng.

Xem mãi các tranh ảnh trong Ngũ Giác Đài cũng không còn gì thú vị, chúng tôi trở về khách sạn Ambassador vào lúc xế chiều.

✱

Buổi tối chúng tôi được tự do tìm nơi giải trí theo ý muốn. Lúc này mới là

lúc mỗi người thi thử những sở trường của mình để làm sao có thể trong một đêm biết được thật nhiều thú hay lạ của thủ đô nước người mà tốn kém ít và các bạn mình lại không biết nổi.

Ăn chiều xong, chúng tôi phân tán ra từng toán nhỏ hai hay ba người để thi hành những chương trình riêng của toán. Trang, Phú và Hòa đi bộ ra bến xe buýt kiểm xe đi Baltimore vì đêm trước họ mắc bận thăm mấy nhà người quen. Hải và Thuận kêu tắc xi tới thăm tướng Nguyễn Chánh Thi ở đường R vì họ là nhân viên cũ. Phong, Thái và Hiền nháy nhau đi bộ về hướng Bắc có vẻ bí mật. Nhưng tôi biết chắc họ rủ nhau tới đường 6, nơi có một thanh lâu của gái Mỹ trắng chuyên tiếp khách ngoại quốc với một giá biểu lẻ loi là 13 Mỹ kim.

Truy và Kha không đi đâu cả. Hai

anh ở lại khách sạn vì mới làm quen được mấy cô nữ sinh viên đại học Michigan cũng vừa tới thăm Hoa Thịnh Đốn được hai ngày cùng ở khách sạn này. Họ nói chuyện lúi rúi với nhau, chụp ảnh chung với nhau trông mà sốt ruột. Tối nay chờ các bạn đi chơi hết rồi, Kha và Truy sẽ mời hai cô đi khiêu vũ.

Không có mục gì nhất định, Hoàn và tôi đi bách bộ trên mấy phố lớn quan sát Hoa Thịnh Đốn về đêm. Chúng tôi vận áo sơ mi cho mát và bột trịnh trọng mặc dầu đa số người Mỹ ở đây vẫn mặc com lê.

Chúng tôi đi qua một hộp đêm trên đường K. Mấy bức ảnh lớn in hình các thiếu nữ ở trần làm chúng tôi dừng lại vì chúng tôi đã biết ở Hoa Thịnh Đốn các vũ nữ không được phép trình diễn thoát y như ở Baltimore.

Tôi nhìn vào trong. Dưới ánh sáng xanh đỏ mập mờ, trong tiếng nhạc đậm đặc và khói thuốc bốc lên mờ ảo, khán giả thuộc nhiều thành phần đang say sưa nhìn lên sân khấu khuất, ly rượu hoặc bia để trên bàn trước mặt còn đầy chưa cạn. Mấy cô chiêu đãi trẻ măng chạy lăng xăng từ bàn nọ sang bàn kia. Họ mặc bikini để lộ những đôi tay và các mảng da bụng, lưng trắng nõn. Những cặp đùi đáng lẽ hấp dẫn nhất, nhưng có lẽ sợ các khách say quờ quạng sai chỗ, nên đều được bảo vệ bởi những đôi vớ dài từ gót chân tới bụng, những loại vớ đan bằng sợi đen nhưng thưa như mắt võng. Tôi sức nhớ tới một vài thiếu nữ Sài Gòn có lần đã mua được thứ tất này từ Mỹ vận với duýp và đi xe Honda dạo phố như một thứ y phục dạ vũ.

Hoàn kéo tay tôi giục đi. Qua một

hộp đêm khác, năm sáu vũ nữ vận bikini nhảy múa ngay trên một bục phía ngoài tiệm giáp bờ hè. Một vài khách không tiền cứ việc đứng ngoài đường ngắm nghĩa gỡ, mấy ông già không chịu nổi, muốn biết bên trong còn có gì hấp dẫn hơn, bèn bước vào trong quán.

*

Đi bộ mãi mỗi chân, chúng tôi đi vào một rạp chiếu bóng vừa nghỉ xả hơi vừa xem một phim cao bồi cũ. Mười một giờ khuya, khi trở về khách sạn các bạn tôi nhiều người chưa về. Chỉ mới có Lâm và Đăng đang đứng ngơ ngác trước cửa. Lâm hỏi :

— Đi đâu về thế chúng mày ?

— Xi nê.

— Gà chết ! Đi Hoa Thịnh Đốn mà rúc đầu vào xi nê ! Đi tìm xem có gì mùi mẫn không chứ.

Cả bọn bốn người chúng tôi lại ra đường, với mục đích đi tìm khu ăn chơi của thủ đô Mỹ. Chúng tôi nghe nói muốn kiếm các thương nữ nên tiếp xúc với những tài xế tắc xi, các bồi khách sạn. Nhưng qua ba ngày sống tại Hoa Thịnh Đốn chúng tôi chưa gặp một trường hợp nào.

Lang thang trên vài phố vắng, chúng tôi gặp Thuận một người đã lên chơi Hoa Thịnh Đốn nhiều lần. Chúng tôi hỏi ý kiến anh thì anh cười ha hả :

— Không kiếm được à ! Tới số 723 đường 6 chưa ?

Đặng trả lời :

— Rồi. Nhưng mấy con Mỹ hôm nay ở đây già quá. Đàn anh có biết chỗ nào khác trứ danh hơn không ?

Thuận ngẫm nghĩa bọn tôi một lát rồi nói :

— Các cậu thích chơi Mỹ đen không ? Thấy nói khu đen có vẻ bất lương nhưng nếu mình đông thám hiểm một lần cho biết tội chúng đâu dám làm gì !

Chúng tôi nhìn Thuận : anh ta có một thân hình cao lớn, đồ sộ, nét mặt đầy sương gió. Chúng tôi tin vào anh và đồng ý bầu anh làm lãnh tụ.

Cả bọn đi bộ ra đầu đường L. Tới một quãng vắng chúng tôi thấy một người Mỹ da đen, đội chiếc mũ phớt lệch trên đầu, nháy mắt. Biết là ma cô, Thuận và tôi tiến lên gặp anh ta. Người Mỹ đen ra hiệu cho

chúng tôi theo anh tới một quãng tối để tránh sự nhòm ngó của cảnh sát. Khi cả ba dừng lại người Mỹ hất hàm :

— Các ông đi chơi không ?

Thuận gật đầu và hỏi lại :

— Ở đâu ? Đen hay trắng ?

— Vừa đen vừa trắng.

Sau một hồi thương lượng, người Mỹ da đen bảo chúng tôi đưa cho y hai đô la y sẽ cho địa chỉ. Chúng tôi bảo y kêu tắc-xi dẫn chúng tôi đến nơi nhưng y không đồng ý. Tôi nghĩ tới chuyện nhiều du khách ngoại quốc đã bị bọn ma cô lừa kiểu này bèn bảo Thuận :

— Điều này không xuôi đâu.

Thuận và tôi từ già người da đen đang quay trở lại chỗ cũ thì Đăng đã chạy

về phía chúng tôi :

— Thế nào ? Xong chưa ?

— Nó bảo đưa tiền trước cho nó rồi nó cho địa chỉ mình kêu tắc xi tới.

— Đen hay trắng.

— Cả đen lẫn trắng.

Đang reo lên :

— Nếu đen thì nói gì ! Đầu đường 12 kia có một con co vằm lằm nó có xe đang hòang mời bọn này chưa thèm.

— Sao không cứ đi thử xem.

Chúng tôi lại đầu đường 12. Lâm và người thiếu nữ da đen đang đứng nói chuyện trong một khoảng đường ít ánh sáng. Thiếu nữ không đen lắm và nhan sắc cũng khá mặn mòi. Nhưng khi tôi

hỏi nhà và xe của cô đâu, thì thiếu nữ trả lời nếu đồng ý sẽ kêu hai tắc-xi. Thì ra anh bạn của tôi không hiểu nghe tiếng Mỹ ra sao đã hiểu lầm là cô gái ăn sương này có xe riêng.

Bàn tán với nhau một lúc, chúng tôi lại đi về phía đầu đường. Tên ma cô da đen vẫn lang thang ở chỗ cũ như có vẻ chờ đợi. Thuận tới nói chuyện với y một lúc lâu và kết cục y bằng lòng cho địa chỉ và giao hẹn phải trả hai đô la cho người đàn bà có tên là Nancy tại đó để cô ta chuyển lại cho y.

Chúng tôi chào người da đen rồi kêu tắc xi. Tắc xi ở đây có thể chở bốn người và cứ tính mỗi đầu người sáu cắc một cuộc trong thành phố bất kỳ dài ngắn. Chúng tôi ngừng xe ở cuối đường T, rồi thủng thẳng đi bộ tìm số nhà mà tên ma cô đã ghi trên mảnh giấy nhỏ. Đó là một

tòa nhà bốn tầng rộng trông không có vẻ là một thanh lâu. Hai người đàn bà và một người đàn ông da đen ngồi trên trụ cửa cạnh cổng ra vào đang rủ rủ nói chuyện.

Chúng tôi đi qua lại căn nhà hai ba lượt để quan sát nhưng chưa dám hỏi. Mãi sau, Lâm tới gần người đàn ông hỏi thăm Nancy. Hắn lắc đầu không biết. Lâm chìa mảnh giấy nhỏ ra. Hai người đàn bà cầm lấy chuyển tay nhau xem, rồi trả lại cho Lâm và cũng lắc đầu.

Thuận bảo tôi :

— Đấy cậu xem. Nếu mình đưa trước cho nó hai đôn thì có phải mất toi rồi không ? Thôi, địa chỉ này ma thì mình tự tìm lấy vậy. Khu này thì thiếu gì !

Chúng tôi theo Thuận tới đường

11, đi một quãng rồi rẽ lên đường U, đường 12 và đường V. Khu này phần lớn là người da đen ở. Nhà cửa to nhưng không cao (chỉ 3 hay 4 tầng) và tối tăm. Tường không tô xi măng hay quét vôi mà vẫn để nguyên vết gạch xây màu nâu xám xỉn như tường những bức thành cổ. Phần nhiều là nhà ở, không có tiệm buôn. Đêm đã khuya nhưng nhiều nhà vẫn còn mở cửa và từng tốp người ngồi ở lối ra vào tán gẫu.

Quãng giữa đường V cảnh trục lạc bắt đầu hiện ra một cách công khai. Chỗ này một vài cô gái đen đứng lấp ló trong khoảng tối ăn mặc diêm dúa thỉnh thoảng giơ tay vẫy khách qua đường. Chỗ kia một hai cô khác mặc mini duýp đi nghênh ngang trên hè huýt gió. Trước cửa một tiệm ăn bình dân vài thanh niên da đen ôm đàn đứng trên hè ca hát. Bên

họ là những thiếu nữ, mới trông đã biết ngay là gái ăn sương, vào độ từ 18 tới 22 tuổi.

Trở lại góc đường 11 và đường T, chúng tôi gặp hai thiếu nữ da đen mảnh dẻ, trông nét mặt còn trẻ và không phong sương lắm. Họ chào chúng tôi và nói :

— Đi chơi không ?

Đặng gật đầu và hỏi giá. Một cô ra hiệu cho chúng tôi đi theo. Rẽ sang đường T ở một quãng tối, cô duýp xám cho biết giá là hai mươi đô la. Đặng lắc đầu. Lâm đề nghị kêu tắc xi đưa họ về một khách sạn nào xa khu vực đó cho bảo đảm nhưng họ không thuận. Họ chỉ bằng lòng tiếp khách ở nhà của họ ở đường T. Đặng và tôi còn ngần ngừ vì e ngại lọt vào ổ cướp giật thì Thuận đã nói :

— Tớ cũng không thích chơi bọn này. Nhưng có lẽ mình nên theo chúng nó xem có sang hơn Ngã Ba Chú Ía nhà mình không? Bọn mình đông sợ gì. Chia đôi, hai đứa đứng ngoài đường hai đứa vào trong bố bảo chúng nó cũng không dám giở trò.

Nghe Thuận nói cũng xuôi tai. Chúng tôi đồng ý đi theo hai thiếu nữ da mầu. Tới trước căn nhà lầu thứ tư Thuận, Lâm theo hai thiếu nữ vào trong. Đứng ở ngoài đường làm nhiệm vụ canh gác và báo động nếu lâu không thấy chúng tôi ra. Qua hai phòng ngoài tới đầu một hành lang tôi thấy một người Mỹ da đen cao lớn lực lưỡng đứng ở đó mắt lừ lừ nhìn chúng tôi. Chúng tôi qua mặt anh ta đi vào trong. Tôi thấy hơi ớn ở xương sống khi nghĩ tới số vốn dành dụm tất cả còn bốn tờ giấy một trăm đô la để trong

vi chưa kịp gửi ở nhà vì khi đi chơi tôi không hề có ý định phiêu lưu ở những nơi anh chị này. Nhưng khi nhìn thân hình to lớn của Thuận và nét mặt đầy đặn của Đăng tôi hơi yên chí.

Cuối hành lang là một dãy phòng, nhiều phòng cửa chỉ khép hờ. Liếc vào trong, dù tối mờ mờ, ta cũng trong thấy hình dáng những người đàn ông đàn bà đang làm tình một cách tự nhiên. Tôi vững bụng trở lại và bắt đầu tin rằng đây là một ổ nhện thực sự và người hộ pháp da đen đứng ở đầu hành lang chỉ là người bảo vệ các em trước những khách hàng thô bạo chứ không phải là một kẻ cướp giật khách hàng.

Hai thiếu nữ đưa chúng tôi tới một phòng khách mời ngồi ở sa lông. Vừa lúc đó, một người Mỹ da trắng và một cô da đen từ trong buồng bên cạnh bước ra.

Người thiếu nữ tóc còn rối bởi tay kéo phéc ma tuya cho kín ngực. Người da trắng ở trần, sơ mi vắt trên vai, vừa tiến ra phòng khách vừa thắt dây lưng. Hấn trông thấy chúng tôi bèn reo lên :

— Việt Nam hả ? Oeo khờm ! Tôi cũng mới ở Pleiku về đây hơn một tháng !

Bị hỏi đột ngột, bọn tôi chưa biết trả lời sao, thì hấn đã nói tiếp trước khi rời phòng khách :

— Ở đây an ninh và các em tốt lắm. Đừng lo ngại gì. Chúc các ông may mắn nhé !

Hấn rời khỏi phòng đi ra hành lang. Người ta cứ bảo người Mỹ kỳ thị dân da màu lắm. Hôm nay tôi đã chứng kiến một cảnh trái ngược. Người Mỹ mới viễn

chinh trở về này bình dân lắm đấy chứ. Trông mặt mũi cũng đẹp trai và trẻ trung như thế chả lẽ hán không kiếm được một người bạn gái da trắng nào để ân ái hay sao ?

Ngồi bàn tản với nhau một lúc chúng tôi đứng dậy đi ra. Hai thiếu nữ Mỹ đen tần ngần tiếc rẻ. Họ tiễn chúng tôi và nói nhỏ nhẹ một cách ngậm ngùi :

— Sao ? Sao các ông không ở lại. Các ông chê chúng tôi hả ?

Ra tới đường kể chuyện cho Đăng nghe anh có vẻ tiếc rẻ không được vào chúng kiến. Trời đã khuya tắc xi cũng thừa hót. Chúng tôi đi bộ theo đường 11 trở về khách sạn. Dọc đường nhiều gái ăn sương chặn chúng tôi lại mời chào.

Tới gần đường S, một người đa đen

trông có vẻ lương thiện chào chúng tôi và nói :

— Các ông kiểm chỗ chơi hả ! Tôi không là ma cô nhưng thấy các ông là người ngoại quốc có vẻ bờ ngỡ dễ bị lừa lắm. Tôi giới thiệu cô này rất tử tế.

Nói rồi hần vẩy tay gọi ruột thiếu nữ đang đứng cách đó chừng mười thước.

— Clara !

Thiếu nữ đi tới. Người đàn ông giới thiệu cô ta với chúng tôi, rồi chào bỏ đi. Tôi ngắm kỹ người con gái da đen. Nàng cao lớn lực lưỡng nhưng thân hình cân đối đều đặn chỏ không béo, nét mặt dễ thương, nước da bánh mật.

Đặng hỏi địa điểm được biết là cô có nhà gần đấy. Thuận hỏi giá, cô gái trả lời gọn :

— Bảy đô la.

Thuận hất hàm :

— Rẻ đấy ! Cậu nào chịu không ?

Rồi anh hỏi lại cô gái :

— Cô có một mình bọn tôi bốn người thì làm sao ?

— Được ! Tôi chịu cả bốn người mà.

Trời đã quá khuya. Đa số chúng tôi đều có vẻ mệt mỏi chán nản không hăng hái như lúc mới đi. Thuận ngẫm nghĩ một lát rồi chê cô gái to con quá. Đăng nói giá gái trắng thì bao nhiêu tiền cũng chịu. Còn tôi, suốt từ khi rời Sài Gòn sang đây lúc nào cũng nhớ tới Sâm, người tình mà tôi yêu nảo nùng và cay đắng hiện mang thai sắp tới ngày sinh đang mong mỏi tôi ở quê nhà, nên tôi không thiết tha

gì chuyện trả thù dân tộc. Quan sát khu Chủ Ái Hoa Thịnh Đốn coi như đã đủ nên không phiêu lưu thêm. Chỉ có Lâm, muốn thử một cô gái đen xem mặt ngang mũi dọc nó ra sao nhưng thấy mọi người đều lảng ra anh đành phục tùng đa số.

*

Về tới khách sạn, đồng hồ chỉ một giờ sáng nhưng nhiều bạn của chúng tôi cũng chưa về. Sau khi vào quán cà phê uống mỗi người ly sữa, chúng tôi chia tay về phòng.

Hoàn và tôi cùng ở trên lầu 7. Khi đi qua phòng Kha, Hoàn nắm tay tôi dừng lại vì thấy phòng Kha còn đèn sáng. Có một thiếu nữ Mỹ nói chuyện thì thầm như rên rĩ bên trong Nghe giọng nói và

hơi thở, cùng lồm bồm câu được câu chẳng, tôi đoán thiếu nữ đang nói chuyện yêu đương.

Hoàn và tôi tiến về cuối hành lang, phía phòng chúng tôi. Anh thở dài chép miệng :

— Đi cả đêm mệt xác mà chẳng nước mẹ gì cả. Thua thằng Kha hết.

Tôi nói theo, tiếng nói trong đêm khuya :

— Đúng ! Thằng Kha đáng là bậc sư. Mới có ba ngày mà bắt được nữ sinh viên da trắng vào phòng suốt đêm nói chuyện anh anh em em em thì chúng mình chỉ đáng học trò nó thật.

Tôi mở khóa đẩy cửa bước vào phòng, bật đèn. Cởi quần áo leo lên giường, tôi thao thức khá lâu không ngủ được.

Tôi tưởng tượng tới đêm khiêu vũ của Kha và Truy với hai thiếu nữ trẻ măng lòng thấy buồn pha đôi chút hờn ghen. Tôi bật máy thu thanh trên đầu giường : tiếng nhạc tôn giáo vào lúc khuya không làm cho tôi hào hứng. Tôi quay trái bật vô tuyến truyền hình. Màn ảnh nhỏ sáng dần, sáng dần. Một thiếu nữ chưa tới tuổi thành niên hiện rõ trên màn ảnh. Nàng ôm ghì lấy một thanh niên cùng tuổi, trong khi miệng nói như rên rĩ : “Em yêu anh ! Em yêu anh !”

Tôi thở phào nhẹ nhõm. Thì ra tiếng nói tôi nghe trong phòng Kha vẫn chỉ là tiếng cô gái trên ti vi, phần chương trình phim dài. Tôi tắt máy nhắm mắt thoải mái. Chỉ lát sau tôi ngủ thiếp đi.

★

Trưa hôm sau chúng tôi rời Hoa Thịnh Đốn trở về miền Nam. Trên chiếc xe buýt có gắn máy lạnh của hãng Greyhound, tất cả chúng tôi đều bấm nút cho ghế ngả về phía sau để lim dim ngủ bù lại mấy ngày mệt nhọc vì các chương trình cá nhân và chương trình chính thức.

Tôi lật cuốn du lịch của một hãng hàng không đọc lại chương nói về thủ đô Hoa Kỳ, xem tôi còn bỏ sót thắng cảnh nổi tiếng nào không. Tôi liếc thấy trên một trang sách có câu nhiều du khách cho Hoa Thịnh Đốn là một thành phố buồn.

Tôi nhắm mắt suy nghĩ tới câu trong sách và những điều tôi chứng kiến. Tôi thấy Hoa Thịnh Đốn, thành phố đứng vào hàng thứ 9 của nước Mỹ có 60% là người da đen này là một thành phố sạch

sẽ dân chúng thực thà, hiếu khách hơn nhiều thành phố Mỹ khác.

So với những thành phố lớn ở Việt Nam, những thành phố Quezon, Manila hay Baguio ở Phi Luật Tân mà tôi có dịp lưu lại khá lâu thì Hoa Thịnh Đốn kể là một thành phố lớn và vui.

Nhưng nếu ta yêu thích những thị trấn kỹ nghệ đồ sộ nhà cửa cao vút, dân chúng tấp nập ồn ào như tại các thành phố Нью Уорк, Detroit, Chicago thì quả thực Hoa Thịnh Đốn chỉ là một thành phố buồn thiu.

tháng chạp 1967

BALTIMORE

ĐÊM THOÁT Y

Tôi bước vào phòng ăn của khách sạn thì đã đông lắm rồi. Nhìn trước sau, tôi thấy phía trái có một bàn hai ghế nhưng mới có một người ngồi, một thanh niên da vàng mũi thấp, dáng người nhỏ nhắn vận bộ com-lê xám. Tối Hoa Thịnh Đốn đã hai ngày gặp toàn người da đen và trắng, hôm nay thấy một người Á châu, tôi hơi mừng hy vọng gặp người đồng hương. Tôi tới bên bàn anh ta hỏi :

— Anh là người Việt ?

Anh lắc đầu cười trả lời bằng tiếng Anh. Anh ta người Thái Lan. Anh mời tôi ngồi xuống chiếc ghế trống. Sau vài câu xã giao, biết lý lịch của nhau câu chuyện giữa chúng tôi bắt đầu thân mật. Ít ra thì người Thái với mình cũng còn gần gũi nhau hơn. Lúc ăn gần xong — Pavatarong, tên anh bạn Thái — hỏi tôi :

— Anh đi Baltimore chưa ?

— Chưa !

Pavatarong đứng dậy bảo tôi :

— Nên đi đi ! Tới Hoa Thịnh Đốn mà chưa đi Baltimore kể như là chưa đi đâu cả.

Tôi trả lời :

— Mai tôi sẽ đi.

Anh bạn bắt tay tôi cầm mảnh giấy tính tiền tiến về chỗ thu ngân.

Trước khi tới Mỹ tôi đã nghe nhiều người nói về Baltimore, thành phố thoát y của Hoa Kỳ. Tôi đã định tới đó đêm thứ hai sau ngày tới thủ đô Hoa Kỳ nhưng vì mắc vài chuyện riêng nên chưa đi kịp.

*

Chiều hôm sau, tôi ra bến xe buýt lấy vé đi Baltimore. Thành phố này cách Hoa Thịnh Đốn ba mươi chín dặm, nghĩa là khoảng sáu mươi cây số. Đường xá tốt xe chạy nhanh nên chỉ khoảng bốn mươi lăm phút sau xe đã vượt khỏi quăng rẽ vào đường hầm và Baltimore đã ẩn hiện trước mắt tôi.

Trời xẩm tối. Tôi bắt đầu vào thành

phố. Nhà sửa cũ kỹ nhóp nhúa phần lớn xây bằng gạch đỏ loang lở rêu mốc. Toàn cảnh rất nhỏ bé có lẽ chỉ rộng hơn Nha Trang. Tòa nhà cao nhất lối mười lăm tầng cao hơn nhà ở Hoa Thịnh Đốn như ngự trị trên thành phố bản thủ này.

Tôi nhìn lên chiếc đồng hồ bốn mặt đặt trên ngọn tháp nhà cao thứ hai của thành phố. Đồng hồ chỉ tám giờ rưỡi. Sở dĩ giờ đó mặt trời chưa lặn hẳn vì về mùa nóng người Mỹ thường vặn đồng hồ nhanh thêm một giờ nói là để tiết kiệm. Tôi đi bách bộ trên mấy con đường ngang. Phố xá nhỏ bé tối tăm, bản thủ, phần nhiều là nhà ở không xứng với một thành phố nổi tiếng. Tôi đã nghĩ sở dĩ Baltimore được nhiều người biết tới ngang với Las Vegas, thành phố cờ bạc của tiểu bang Nevada chỉ vì Baltimore quá gần Hoa Thịnh Đốn. Đã tới Hoa Thịnh Đốn

có thể tới Baltimore một cách dễ dàng. Xe buýt nối liền hai thành phố chạy suốt ngày đêm và giá vé đi về chỉ có ba đô la, một giá rẻ với mức sống của người Hoa Kỳ tuy không rẻ với người Việt Nam.

Tôi rẽ vào phố chính con đường mang ngay tên thành phố, đường E. Baltimore.

Một cảnh trí sầm uất, rực rỡ, náo nhiệt hiện ra trước mắt tôi. Hai bên hè phố người đi lại chen chúc ồn ào. Khác hẳn cảnh đìu hiu tăm tối trên các phố ngang. Trời đã tối : đèn nê-ông đủ màu nhấp nháy trước các cửa hiệu, dưới nhà và trên lầu. Con đường trung tâm thành phố dài hun hút chan hòa ánh sáng.

Những ngọn đèn màu uốn thành hình những thiếu nữ khỏa thân khoe các đường cong xanh đỏ bằng điện khí.

Trên lầu một hộp đêm hình một thiếu nữ khỏa thân cao chừng bốn thước uốn bằng bóng điện xanh dương cứ vài giây lại uốn mình về phía trước do sự tính toán trước của anh thợ điện đa tình.

Các cửa hàng hai bên phố chính người ra vào tấp nập. Có những tiệm ăn bình dân Mỹ đen và trắng chen vai nhau ngồi trước quầy hàng uống sữa hay ăn bánh mì xúc xích. Những hộp đêm nằm san sát, nối tiếp nhau mang những tên kêu gọi tương tự như Vệ Nữ Diễn Hành, Kiêu Nữ Khỏa Thân, Hoan Lạc v.v... (All Girl Show, Nude Girl Revue, Gayety...). Bước vào phòng vé một hộp đêm ta thấy trang trí bên ngoài giản dị. Không nhiều màu, không nhiều bích chương quảng cáo. Trên dãy tường cũ kỹ chỉ có những hình thiếu nữ không xiêm áo lớn bằng hai ba người thật.

Xen kẽ những hộp đêm còn có những tiệm sáng sủa với đèn không mầu. Đó là các tiệm sách to rộng, với các biển hàng ghi hai chữ thư quán rất lớn, có thể trông thấy từ xa. Khách bộ hành, đã bực bội vì không khí hành lạc của con đường E. Baltimore có thể thở dài khoan khoái vì nghĩ rằng sự hiện diện của vài thư quán tại đây có thể thăng bằng hóa mức sống vì ít ra thì Baltimore cũng có người còn lưu tâm đến văn hóa.

Tôi gần một tiệm sách, trong óc tôi tưởng tượng đến những tác phẩm mới nhất của các văn hào Hoa Kỳ như Steinbeck, Salinger, Hemingway mà vì đường xá xa xôi chưa thấy bày bán tại các thư quán Xuân Thu, Nguyễn Trung hay Khai Trí.

Tôi vừa định bước vào tiệm thì người chủ gơ tay toan ngăn lại vì tiệm sách

cầm khách hành dưới mười tám tuổi. Sau có lẽ ông sức nhớ người Á châu tuy thân hình nhỏ nhắn có khuôn mặt trẻ nhu thanh niên Mỹ nhưng thực ra có thể là những bậc trung niên nên y rút tay lại để tôi vào tiệm tự do.

Ngay trên mặt tủ thứ nhất gần cửa vào là tờ quảng cáo bản phim lửa thể 8 ly. Trong tiệm la liệt sách báo hình ảnh đủ loại. Sát tường phía trong là dãy tạp chí, những tạp chí mang những tên ta chưa hề nghe bao giờ như Sundeck, Jay-bird Journal, Girls four Seasons. Tất cả tạp chí này đều in offset nhiều màu trên giấy láng, dày lối năm, sáu chục trang cỡ tờ Điện Ảnh. Giá bán từ hai tới năm đô la mỗi cuốn. Bên trong, hầu hết in hình ảnh những thiếu nữ, thanh niên và cả bô lão hai giới phô trương tất cả những đường nét và bộ phận cần thiết của thân

thể con người có khi trình bày có nghệ thuật có khi không.

Và tất cả những nhân vật có hình ảnh trong tạp chí đều sống gần thiên nhiên như A Đam, Ê Và thuở trước. Những tờ tạp chí Playboy giá chín mươi lăm xu, ấn bản mới nhất trong tháng trở nên quá yếu đuối, e dè trước thế giới tạp chí ở đây.

Hai tủ dài bên hông dành riêng cho sách, cũng là những sách đầy hình ảnh, trình bày diêm dúa. Bên trong cũng có văn chương một thử văn chương Baltimore. Sách nổi đuôi san sát trên kệ, cuốn nào cũng dày dặn, thơm tho xinh xẻo. Nhưng ta chớ hoài công tìm tên sách quen thuộc dù rằng những sách đã từng ra tòa vì bị lên án dâm ô như Lady Chatterley's Lover của D.H. Lawrence, đã nổi tiếng hằng bao nhiêu thế kỷ như Fanny

Hill của John Cleland, hay các tác phẩm sôi nổi của nhà văn đương thời Henry Miller. Các tác giả này dù nổi tiếng cũng đành nhường bước cho các tiểu thuyết gia táo bạo và vô danh của thế hệ « hôm nay » bày bán tại Baltimore. Tủ kính gần cửa ra vào nhất của bất cứ tiệm sách nào ở đây cũng là tủ hấp dẫn nhất dành để bày hình ảnh. Hàng trăm xấp ảnh cỡ carte postale đen trắng in hình tố nữ Hoa Kỳ bày hàng trong tủ. Khách có thể lấy ra từng xấp chọn lựa ngắm như đi kiếm vợ. Nếu ưng khách trả một đô la để đổi lấy một xấp gồm mười hai tấm. Để giấu kỹ dưới đáy va-li khi về tới phi trường Tân Sơn Nhất, rồi để giấu kỹ trong ngăn kéo tránh con mắt tò mò của bà vợ chỉ biết tảo tần thờ chồng nuôi con hay cô em gái đang tuổi dậy thì.

Nhưng những ảnh hấp dẫn nhất

có lẽ là ảnh màu bày trong tủ nơi trang trọng nhất trong tiệm. Tủ được khóa kỹ khách chỉ có thể nhìn qua kính. Nếu khách muốn xem, chủ tiệm lấy ra một xấp nhưng cũng đã bọc kín trong giấy bóng. Khách chỉ có thể ngắm nghía tấm hình thứ nhất xếp ở trên. Những ảnh dưới đẹp xấu ra sao không ai biết trừ ông chủ. Nếu khách muốn thì trả năm đô la rồi mới có quyền lấy hàng xé ra coi. Có thể tấm hình ngoài rất đẹp mà các hình bên trong xấu hay trái lại. Trường hợp này may rủi không thể lựa chọn.

Rời tiệm sách, tôi lướt qua mấy rạp trình diễn vũ thoát y. Những thanh niên bán vé đầu đội nón vẽ hình gái lõa thể chạy ồ ra đường mời khách vào mua vé xem tại rạp mình, chân tay hoa lên miệng tíu tíu : “Come on ! Come on !” (Vào đây ! Vào đây !)

Tôi bước vào phòng vẽ rạp Gayely Theatre. Rạp cũ kỹ dơ bẩn. Trên tường sơ sài vài hình thiếu nữ uốn éo. Tôi móc túi lấy ba đô la mua vé rồi bước qua cửa vào trong rạp. Người soát vé, bấm đèn nhìn vé của tôi rồi hỏi ngay :

— Tip ! Tip ! Tip !

Y muốn xin tiền puộc bo. Tôi đưa hai mươi lăm xu. Y dẫn vào tới gần sân khấu rọi đèn chỉ cho tôi lên cầu thang. Ở chân cầu thang, một người Mỹ khác chờ tôi tới gần và lại hỏi ngay :

— Tip ! Tip ! Tip !

Tôi đưa thêm hai mươi lăm xu nữa. Y chỉ lối cho tôi lên gác rồi đi làm nhiệm vụ. Tuy giá ba đô la vé thượng hạng nhưng chỗ ngồi là một khoảng chuồng gà ở lầu hai. Tôi hỏi mấy người bên cạnh thì họ cho biết tuy giá ba đô la là cao nhất

được niêm yết ngoài phòng vé nhưng khách có thể trả bốn đô la và sẽ được xếp một chỗ ở dưới nhà, trên nguyên tắc chỉ có hai đô la bảy mươi lăm xu.

Lúc tôi ngồi yên chỗ, nhìn đồng hồ thấy kim chỉ 22 giờ 35. Xuất hát thứ ba trong ngày đã bắt đầu từ 22 giờ. Trên sân khấu một thiếu nữ mặc duýp hồng, một ông chánh án già có tật nặng tai và một bị cáo trạc bốn mươi lăm tuổi có đôi ria ghi-đông cuộc đang tiếp tục trình diễn vở hài kịch Vụ Án Ngoại Tình. Có lúc tả lại cảnh người chồng bị bắt quả tang trên giường hành lạc với tình nhân, người vợ đã không ngần ngại cười hô hố xuất trình trước khán giả tấm ga giải giường rộng màu trắng đục với những vết hoen ố loang lổ ngay chính giữa. Khán giả cũng lấy làm bằng lòng lắm về những hành động kiểu đó của diễn viên.

Vở kịch chấm dứt, mấy ngọn đèn lớn được tắt bớt, màn buông xuống. Chỉ còn một chiếc đèn chiếu rọi một khoảng sáng tròn đường kính hai thước trên tấm màn nhung đỏ. Màn tách ra làm hai mảnh kéo sang hai bên. Một thiếu nữ thân hình nẩy nở hiện trên sân khấu múa theo điệu nhạc. Người thiếu nữ uốn éo thân mình chạy ra phía phải, lùi sang phía trái, lúc tiến trước lúc quay sau lần lần cởi bỏ những xiêm áo rườm rà.

Khán giả chăm chú theo dõi. Một vài người đưa ống nhòm lên mắt như muốn thu hình ảnh di động lại gần. Tuy xuất hát đã kéo dài gần một giờ rồi nhưng người xem chưa hết hai phần ba số ghế. Thanh niên đi xem không nhiều lắm, mà phần lớn là những người tuổi trung tuần hay xấp xỉ năm mươi. Lác đác trên hàng ghế cuối có một vài người đàn bà đã già

cặp kè bên chồng. Ý hẳn mấy bà đi xem không phải với mục đích ngắm nghía đường nét của các thiếu nữ đang xuân mà đi chỉ để canh phòng và kìm hãm các đức ông chồng bằng cái nhan sắc đã tàn phai của mình.

Rạp hát sơ sài, cũ kỹ không trang trí trừ một vài tượng thần vệ nữ được bày ngay trên cột. Mấy hàng chuồng gà làm nhô ra trên ban công lầu hai và lầu ba với ghế thô sơ, xộc xệch. Trông cảnh bên trong rạp, ta nhớ tới những rạp hát bội cổ lỗ nhất của Sài Gòn, Hà Nội. Khác với các hộp đêm có các thiếu nữ mang rượu tới từng bàn, ở đây khán giả chỉ lấy vé để xem trình diễn như khi xem kịch. Nếu khán giả cao hứng muốn uống có thể rời bỏ chỗ xuống lầu dưới hầm với các chiêu đãi viên và với giá đặc biệt cao hơn.

Trên sân khấu người thiếu nữ thân hình nẩy nở vẫn múa theo điệu đàn. Trên mình nàng chỉ còn hai mảnh bikini như khi tắm biển. Một ngọn đèn tắt thêm. Ánh sáng trên sân khấu mờ ảo, thiếu nữ quay mặt vào trong lấy tay bứt mạnh ngang sườn. Khi nàng quay mặt trở ra thì tòa thiên nhiên lồ lộ mảnh coóc-xê treo lủng lẳng bên nách, chiếc quần lót chỉ buộc ở một bên đùi. Nàng tiếp tục múa may trong ánh đèn màu.

Tiếng nhạc dội lên. Thiếu nữ cúi chào và đi lẩn vào phía sau cánh gà trong tiếng vỗ tay rào rào. Màn buông xuống rồi lại kéo lên để tiếp tục với các điệu vũ khác kêu gọi hấp dẫn hơn. Có lúc vũ nữ đã trình bày những động tác uốn éo, kích thích uốn lên cong xuống, rên rỉ như cảnh giao hoan đơn phương, tưởng

tượng. Cứ hai màn vũ thoát y lại tới một màn hài kịch.

Nghĩ tới hình ảnh người con gái phô bày đầy đủ những đường nét của con người trước công chúng nhưng chân còn đi dép và hai mảnh vải còn buộc không đúng chỗ, tôi hỏi người Mỹ ngồi phía bên trái :

— Này anh ! Tôi xem vũ ở một vài thành phố khác thì các vũ nữ đều phải mặc bikini, dù là thứ nhỏ nhất. Nếu không sẽ bị cảnh sát bắt, tại sao ở đây lại có thể tự do hơn ?

Người bạn Mỹ cười :

— Ở tiểu bang Maryland này khác ! Vũ thoát y lòng dòng kiện cáo cả hai chục năm rồi đấy. Trong luật tiểu bang có ấn định cho phép các rạp được tổ chức

nhảy thoát y nhưng ít nhất phải còn lại hai mảnh vải nhỏ che thân mà không được khỏa thân hoàn toàn. Nhưng luật không ấn định rõ hai mảnh vải còn lại để che thân là che ở chỗ nào ; che ở bụng hay ở đầu gối cũng là che thân. Vì vậy khi bị đưa ra tòa luật sư của bị cáo đã cãi như vậy. Và tới nay vụ án vẫn còn chưa ngã ngũ.

Tôi ngẫm nghĩ không biết nên tin anh bạn Mỹ hay anh ta chỉ là một kẻ có óc khôi hài. Tôi nói thêm :

— Nếu vậy cô con gái kia rồi đây cứ để lỏa lồ thân thể chỉ quấn một miếng vải trên đầu, một miếng ở gót chân rồi ra trình diễn cũng là hợp pháp hay sao ?

Người bạn Mỹ nhún vai :

— Maybe ! (Có thể !)

Rồi anh nói nhỏ bên tai tôi :

— Anh biết tên tiểu bang này chứ !

— Maryland ! Mary là tên người con gái, land là đất. Đất của nàng Mary mà, cho nên đừng đem luật pháp tới đây.

✱

Đèn bật sáng. Người thiếu nữ đã vào trong hậu trường. Tiếng xướng ngôn viên báo mười phút giải lao. Khán giả lục tục đứng dậy kéo nhau về phía phòng rửa mặt. Tôi vươn vai và đụng phải một khán giả ngồi phía sau. Quay lại toan xin lỗi, tôi nhận ra anh bạn Thái Lan Pava-tarong. Tôi ngạc nhiên hỏi :

— Anh lại đi xem nữa ?

— Vâng ! Hôm tôi mới tới tôi đi xem ngay nhưng vào lầm phải một rạp chỉ trình bày vũ với vũ nữ mặc bikini. Cũng như ở Hoa Thịnh Đốn thôi ! Hôm nay gặp anh bạn Mỹ dẫn tới đây mới thấy Baltimore đặc biệt hơn.

Anh bạn Thái giới thiệu, tôi bắt tay người thanh niên Mỹ đạo mạo sau đôi kính trắng, trán hói trông đáng dấp như một bác sĩ. Thì ra hôm nọ gặp tôi, anh Pavatorong cũng chưa hề xem thoát y vũ. Tôi hỏi :

— Tôi tưởng ở Baltimore thì tất cả các rạp đều trình bày vũ thoát y giống nhau chứ.

Anh bạn Thái lắc đầu :

— Không phải ! Vì thế mà tôi đã bị lừa một lần rồi.

Đèn điện tắt dần. Đèn chiếu lại dọi một khoảng sáng tròn lên màn nhung cùng với tiếng nhạc gần sân khấu. Khán giả chăm chú nhìn lên. Những chuyện riêng tư đều tạm ngừng.

✱

Đã quá nửa đêm. Đường E. Baltimore vẫn rầm rập người đi lại. Một vài người say lái đảo trên hè phố. Trong các tiệm sách lác đác người vào giở tạp chí coi hình miễn phí rồi lại ra không. Ở những phố ngang tối tăm một vài thiếu nữ đứng phát phơ chờ đợi. Một vài tốp đàn ông la cà tới gần thiếu nữ nói chuyện xì xồ. Lúc ẩn lúc hiện như bóng ma.

Anh Pavatarong và tôi lên chiếc xe Volkswagen của người bạn Mỹ từ từ tới

phố chính. Ra tới xa lộ, không khí mát rượi thoải mái tôi như quên hẳn cảnh sống cuồng nhiệt của Baltimore. Trên xa lộ với hai đường song song xe hơi vẫn nối đuôi nhau lăn bánh vun vút. Những xe đi ngược chiều từ Hoa Thịnh Đốn lên bật đèn sáng thành dòng suối đèn vàng dài dằng dặc. Những xe từ Baltimore hay Nữ Uớc trở về nối nhau với những đèn đỏ chiếu hậu. Trên đường, hai dòng suối vàng, đỏ chảy thành hai chiều xuôi ngược.

Anh Pavatarong tựa đầu lên thành ghế lim dim ngủ. Tôi mở mắt lơ đãng nhìn cảnh đêm qua khung cửa nhỏ. Anh bạn Mỹ chăm chú trên tay lái, vầng trán hói lấp lánh khi gặp ánh đèn, mắt lơ đãng sau cặp kính.

Chúng tôi đi theo dòng suối đỏ để
trở về thủ đô Hoa Kỳ.

tháng năm 1967

NỮU ƯỚC TẠP ĐA

Từ phía Nam đi lên khi tới tiểu bang New Jersey, một tiểu bang giáp giới tiểu bang Nữ Ước, phong cảnh đã thay đổi hẳn. Xa lộ được mở rộng thêm ra, nhiều đèn điện thấp sáng hai bên lề khác hẳn ở những tiểu bang phía dưới đều không có đèn lề. Hai bên đường không còn những đôi thông, những rừng thưa hay ruộng hẹp, như quãng đường từ Hoa Thịnh Đốn đi lên bằng qua các tiểu bang Maryland, Delaware.

Nhìn sang phải hay trái, không còn một bóng cây, mà chỉ thấy sắt và thép ngổn ngang. Những xưởng lọc dầu khói bốc lên mờ mịt bầu trời. Những cột dây điện chằng chịt, những cầu sắt dài vun vút cầu nọ chồng lên cầu kia, những dây thép gai lờm chớm bao bọc khu kỹ nghệ tạo nên một phong cảnh hãi hùng, mênh mông. Chỉ còn đoạn xa lộ thẳng tắp cắt đôi khu kỹ nghệ với những đoàn xe hơi nối tiếp như giũ được sinh khí.

Chiếc xe nhỏ chở chúng tôi lăn bánh trên một quãng đường dốc. Nữ Ước đã hiện trước mặt với tòa nhà chọc trời Empire State Building cao vọi vọi. Anh bạn Mỹ tay phải cầm vô lăng tay trái móc túi như có vẻ tìm tiền. Tôi đưa anh năm cắc và hỏi :

— Lại thuế đường hả ?

Anh gạt đầu nhưng từ chối năm
cắc của tôi :

— Ở đây, thuê một đồng bảy mươi
lăm.

Chiếc xe từ từ dừng lại cửa tò vò đặt
giữa xa lộ. Resnikoff thò tay qua cửa xe
trả thuế rồi rút ga. Chừng mười lăm phút
sau anh lại dướn người lên định móc túi
lấy tiền. Tỏi chìa ra năm cắc. Lần này anh
cầm tiền và nói :

— Chúng ta sắp qua đường hầm
sang thành phố Nữ Ước.

Xe leo lên chiếc cầu cạn uốn cong,
vượt qua mấy chiếc cầu cạn khác chui
ngang ở tầng dưới, có lúc băng qua mấy
chiếc cầu cạn với mấy chòi thu thuế.
Đường hầm chui dưới đáy sông ngăn
cách tiểu bang New Jersey và đảo Man-

hattan, khu phố sầm uất nhất của thành phố Нью Уớc. Đường hầm gồm ba lối ra vào riêng rẽ đi một chiều mỗi lối dành cho hai hàng xe song song. Đường hầm khá dài, hai mặt tường và trần đều lát đá hoa và có đèn sáng suốt ngày đêm.

Chui ra khỏi cửa hầm, chúng tôi bắt đầu vào đường 42, một trong những đường chính. Nhà cửa cao ngất ngủ, trước mắt những tòa nhà vuông vắn như những hộp diêm xếp chồng lên nhau với hàng trăm ngàn cửa sổ khoảng cách đều đặn và đóng kín. Đa số nhà cửa đều cao ba hay bốn chục tầng nên khó có thể phân biệt tòa nhà cao nhất. Khi còn cách xa Нью Уớc lối 20 dặm, tòa nhà Empire State Building với 102 tầng lầu nổi bật giữa các kiến trúc đồ sộ khác trên đảo Manhattan. Các nhà khác đều thấp bé li ti bên cạnh tòa nhà cao vòi vọi

này. Nhưng khi đã đặt chân vào chính Nữu Ước với mắt thường Empire State Building đã mất giá trị độc tôn của nó. Ngửa mặt nhìn lên nó vẫn cao nhưng ta không thấy cao hơn tòa nhà RCA, Sixty Wall Tower, Chrysler và những nhà khác là bao nhiêu. Tòa buyn-đỉnh của hãng hàng không Pan Am với một lối kiến trúc tân kỳ trông đồ sộ hơn và ồn ào hơn với chiếc nóc là một phi trường cứ ba giờ lại có hai chiếc trực thăng sơn đỏ cất cánh để chở du khách lên mây quan sát toàn cảnh thành phố.

Nhưng nếu không dùng máy bay, tòa nhà Empire State Building vẫn là nơi lý tưởng để quan sát Nữu Ước.



Cho tới nay Empire State Building, nằm sừng sững ở góc đường 5 và 34 với bốn trăm bốn mươi tám thước từ nền tới nóc vẫn là tòa nhà chọc trời cao nhất thế giới, đã tiếp đón trên ba chục triệu du khách trong số có cả các vua chúa

Anh quốc, Thái Lan, Thụy Điển, Hy Lạp v.v... Trả một đô la rưỡi tiền vào cửa, du khách được hướng dẫn lên từng lầu thứ tám mươi sáu để có thể ngắm xa tới tám mươi cây số, tới tận các tiểu bang lân cận như Pennsylvania, Connecticut hay Massachusetts nếu gặp ngày trời trong sáng.

Du khách có thể lên điểm cao nhất của Nữu Ước, tại từng lầu một trăm lẻ hai, nơi thiết lập những cột ăng-ten vô tuyến truyền hình để nhận và phát hình cho các đài trong khu vực bốn tiểu bang. Ở đây hệ thống dẫn nước đã đảo lộn vì thùng chứa nước không đặt ở một điểm cao nhất như thường lệ nhưng để dưới thấp và nước vẫn được cung cấp đầy đủ.

★

Sau khi dẫn tôi đến thuê một căn phòng nhỏ ở khách sạn Paramount, anh bạn Mỹ bắt tay từ biệt tôi về thăm cha mẹ ở Newburgh cách Нью Уорк lối một trăm cây số. Anh hẹn thứ bảy sẽ trở lại đón tôi đi thăm vài thắng cảnh.

Tôi dùng thang máy lên phòng ở tầng thứ mười bốn. Tới cửa tôi đã thấy bồi phòng mang chiếc giỏ xách tay của tôi để đó từ bao giờ. Giá tiền khách sạn ở Нью Уорк rất cao. Phòng một người ở rẻ nhất cũng phải hai chục đô la một đêm, nhưng phòng nào cũng đều có điện thoại, vô tuyến truyền hình, máy thu thanh, buồng tắm riêng. Tuy nhiên khách bình dân có thể ngủ đêm ở Нью Уорк với một giá rất rẻ tại khách sạn YMCA đường ba mươi bốn, do Hiệp Hội Thanh Niên Cơ Đốc quản trị.

Khách sạn này cũng rất lớn có hàng

ngàn phòng đều nhỏ, đồ đạc sơ sài, không có cầu tiêu, phòng tắm riêng, nhưng giá thay đổi từ ba tới năm đô la một đêm. Những khách trọ dưới ba mươi lăm tuổi còn được hưởng một giá hạ hơn nữa. Tôi cởi bỏ bộ com-lê để mặc sơ-mi trần chuẩn bị đi chơi phố. Tôi thấy mặc như vậy đỡ trịnh trọng, thoải mái hơn. Và lại dân Nữ Ước có vẻ xô bồ chứ không trưởng giả như tại Hoa Thịnh Đốn. Tôi treo áo lên mắc và chợt để ý tới một tờ giấy nhỏ dán trên tường nhắc nhở khách hàng về đạo luật của tiểu bang Nữ Ước áp dụng hình phạt năm ngàn đô la và năm năm tù ở với người nào vứt rác qua cửa sổ.

Tôi thùng thảng đi bộ tới khu Time Square khu phố sầm uất của đảo Manhattan. Khu này bao gồm từ đường Broadway tới đường số 7 và từ đường 42

tới đường 49. Tại Nữ Ước phố xá rất nhiều, nên chỉ có một vài phố có tên còn tất cả đều mang số thứ tự sát nhau cho dễ kiểm. Gần 800 phố mang số và có những phố dài hàng hai chục cây số nên để định hướng một căn nhà trên một con đường nào đó thường thường trên bản đồ có một ít ám số để có thể tính ra căn nhà mình muốn kiếm ở giữa những đường nào trong khu phố đó. Một vài nhà chọc trời đắp ngay số nhà cao lối vài ba thước trên từng lầu chót ai cũng có thể nhìn thấy khi còn xa chừng một cây số hay vài trăm thước.

Vai trò danh nhân ở Nữ Ước đã bị mờ nhạt. Giá cứ lấy tên các danh nhân để đặt tên đường phố chắc sẽ gây lúng túng cả cho kẻ tìm đường lẫn cả kẻ tìm danh nhân. Vì với chưa đầy hai trăm năm lịch sử, với những nguồn gốc tạp đa

từ bốn phương trời di cư tới đây, kiếm đâu ra một lúc cả ngàn danh nhân để viết lên bảng sắt dựng bên lề đường khắp cả năm quận Manhattan, Bronx, Brooklyn, Richmond và Queens thuộc thị trấn Nữ Ước bây giờ.

Tôi lững thững đi bộ trên đường Broadway. Người đi lại hai bên hè phố đông nghẹt. Chả biết họ đi đâu ? Người sang cũng nhiều, kẻ hèn cũng lắm. Thỉnh thoảng có thể gặp một người Mỹ da trắng bóc, quần áo cũng khá bảnh bao, nhưng chân mang đôi dép cao su hiện ngang đi giữa hè phố như chỗ không người. Tới ngã tư, đèn tự động bật lên hàng chữ “cho đi” hoặc “đừng đi” để hướng dẫn khách bộ hành. Nhưng nhiều khi đèn hiệu bật rõ ràng hai chữ “đừng đi”, khách vẫn thản nhiên bước xuống đường băng qua như không có chuyện gì vậy.

Người lái xe ở Nữ Ước cũng tôn trọng luật đi đường một cách tương đối mà thôi. Đôi khi đèn đỏ bật, xe hơi vẫn băng qua như để ganh đua với khách bộ hành không tôn trọng bảng “dừng đi”. Ở một vài con đường nhỏ, thỉnh thoảng một hai chiếc xe đạp nghênh ngang hai chiếc ghi đông dài như cày tôm hay một hai chiếc Honda 50 đỏ choét thản nhiên chạy song song với xe hơi, đôi khi chạy ngược chiều như đùa rỡn.

Broadway là con đường của rạp chiếu bóng và các tiệm bách hóa. Các rạp chiếu bóng sang trọng với giá vé bốn hay năm đô la, chiếu toàn phim danh tiếng vừa quay xong xen lẫn các rạp chỉ chiếu phim khóa thân, giá vé hạ hơn và luôn luôn chiếu hai phim với các tên tài tử và hãng phim lạ hoắc chưa bao giờ nghe thấy.

Tôi bước vào một tiệm bán đồ kỷ niệm ngắm nghía các gạt tàn thuốc lá chạm hình Empire State Building và tượng Thần Tự Do nhỏ xíu do người Nhật chế tạo để bán tại đây. Người bán hàng tới gần tôi hỏi :

— Ông mua thứ chi ?

— Để tôi xem một lát đã.

Người bán hàng quay hỏi một người Mỹ khác vào sau tôi :

— Ông cũng xem đấy hả ?

— Phải !

Hắn tiến ra phía một người Mỹ thứ hai :

— Ông cũng ngắm nghía thôi chứ ?

— Phải.

Hắn ngửa mặt lên trời tỏ vẻ thất vọng, huýt sáo dài một tiếng, rồi bỏ các khách hàng đi thẳng vào phía trong.

Tôi lựa chọn một lúc rồi cầm lên một trái cầu thủy tinh trong có nước và chạm nổi những tòa nhà chọc trời của thành phố Nữ Ước, trái cầu chế tại Hương Cảng giá bán bảy mươi chín xu. Tôi mang trái cầu lại kết trả tiền. Người thu ngân lấy một đô la năm xu. Tôi hỏi lại sự thắc mắc của tôi, người thu ngân không đáp mà chỉ tay vào một tấm bảng khuất phía trong ghi giá biểu thuế năm phần trăm của tiểu bang Nữ Ước. Ở đây thuế cao hơn các tiểu bang khác hai phần trăm, nhưng như vậy nhà hàng chỉ có thể tính một đô la hai xu thôi, vì người Mỹ rất sòng phẳng trong chuyện này dù là một xu nhỏ. Muốn biết Nữ Ước có gì lạ hơn nơi khác tôi hỏi thêm :

— Thuế năm phần trăm thì của tôi cũng chỉ có một đô la hai xu thôi chứ ?

Người thu ngân « ồ, ồ » mấy tiếng và không trả lời câu tôi hỏi. Tôi cầm trái cầu ra gần tới cửa, một thanh niên vừa bước vào đập khế vào tay tôi hỏi nhỏ :

— Ông mua kính không ? Rẻ lắm.

Đồng thời y chìa một cặp kính Rayban cho tôi thấy. Tôi lắc đầu. Y hỏi thêm câu nữa nhỏ hơn.

— Mua ảnh khỏa thân không ?
Màu !

Tôi lại lắc đầu đi ra đường.

Trời đã về chiều. Đường xá càng đông thêm. Người đi lại chen chúc nhau, gấp mấy lần đường Lê Lợi, Sài Gòn vào những chiều thứ bảy. Có những người

đàn ông com-lê tề chỉnh, bộ vệ như chính khách ngậm píp ngang môi, có những cô thiếu nữ kiều diễm choàng khăn lông trên cổ, chen chúc giữa đám khách bộ hành nghèo nàn, áo quần xốc xếch.

Phố xá Нью Ước cũng có nhiều sắc thái giống Sài Gòn. Đường Lafayette không tráng nhựa mà lát gạch như sân khiến tôi nhớ tới quãng đường lát gạch bên hông ty bưu điện Chợ Lớn.

Đường Canal với đủ các hàng tạp hóa, chai lọ, đồ sắt bày bán ngoài hè. Người đi bộ len lỏi giữa những sạp hàng. Một vài bà nội trợ Mỹ đẩy con trên xe lom khom chọn đồ dưới đường càng làm cho vỉa hè thêm nghẹt. Quãng đường này thật giống các hè đường Đồng Khánh, Lê Lợi trong những ngày giáp Tết. Đường Avenue of the Americas có vẻ là một con đường ngoại giao với quốc hiệu của các

nước Mỹ châu sơn thật mỹ thuật trên các biển tròn nửa thước đường kính trồng đều đặn và thường trực ở hai bên lề, kể cả quốc hiệu Hoa Kỳ và Cuba. Nhưng đi gần tới đầu con đường ngoại giao này thì tính chất ngoại giao đã mất. Các hàng bán chợ trời tạp phẩm và quần áo lại hiện ra tràn ngập hai vĩa hè như trên đường Canal.

Giống các thành phố khác tại Mỹ, Nữ Ước cũng có những tiệm bách hóa khổng lồ như Gimbels, Macy's, Saks, Sears. Những tiệm này buôn bán đứng đắn, lịch sự nhưng giá thường cao.

Tôi bước vào tiệm Macy's, một nhà hàng được kể là lớn nhất Nữ Ước. Buyn-đinh của Macy's chiếm trọn một khu bao bọc bởi bốn con đường. Cửa hàng cao chín tầng lên xuống bằng thang máy và thang cuốn. Tầng dưới cùng bán đồ

trang sức, quần áo tạp phẩm khách hàng chen chúc nhau lựa đồ. Tầng thứ hai và thứ ba dành bán quần áo đàn bà, trẻ con đã may sẵn đủ màu sắc sặc sỡ, tầng thứ tư bán quần áo đàn ông. Các tầng cao hơn bán máy móc, đồ làm bếp, sách, đồ trang trí. Tầng cuối cùng bao giờ cũng là tầng bán bàn ghế. Cũng như hầu hết các tiệm lớn tại Hoa Kỳ, nhà hàng Macy's cũng chịu chung một định luật những hàng bán trên lầu cao bao giờ cũng vắng khách.

Macy's đóng cửa sáu giờ chiều. Tôi rời tiệm này đi khách bộ trên các đường số 5,7,42 v.v... để quan sát các tiệm khác nhỏ hơn. Trên những con đường sầm uất nhất của Nữ Ước, các tiệm phần nhiều nhỏ, chỉ bán lẻ ở tầng dưới. Hàng hóa xô bồ, giá cả không nhất định, những tấm giấy quảng cáo đại hạ giá viết tay nhiều

màu cài la liệt trên các món hàng trong tủ như muốn bao trùm lẫn át chính món hàng. Khách có cảm tưởng như đang đi trên quăng sầm uất nhất của đường Võ Di Nguy, Phú Nhuận.

Trên thực tế, Nữ Ước là trung tâm tài chính và kỹ nghệ của Hoa Kỳ, cơ sở đầu não của các hãng thương mại lớn đều đặt ở thành phố này nhưng không đặt tại các phố chính mà nằm trong những buyn-đinh lớn, hàng họ chất trong kho để bán buôn đi các nơi, nên ta không thể thấy cái vĩ đại của nền thương mại Nữ Ước nếu chỉ đi lướt qua các tiệm nhỏ, trên các phố đông người.

Trời tối dần, người đi lại càng lúc càng đông. Đường số 7 và đường Broadway, những đường của trà đình tửu quán, ồn ào, rục rờ với những ngọn đèn quảng cáo muôn màu, tiếng nhạc quyến

rũ, Đây, trước cửa Metropole Cafe mấy cô gái go go girl thân hình nở nang đều đặn, da trắng như sữa, trên mình chỉ còn hai mảnh vải che thân nhún nhảy múa may ngay trên bục phía ngoài tiệm. Trong tiệm khách sang ngồi uống rượu ngắm đèn non. Ngoài đường khách bình dân cũng dừng lại quan sát miễn phí để khổ các cảnh sát viên chốc chốc lại phải tới mời họ đi nơi khác khỏi cản trở lưu thông.

Sau một ngày hoạt động mấy phố đông lại dơ bẩn hơn nhiều. Giấy vụn, tàn thuốc, vỏ đồ hộp rải rác trên hè đường, Lẫn lộn trong rác rưởi thỉnh thoảng có một tờ truyền đơn chống chiến tranh Việt Nam hoặc đĩa đảo chính phủ Johnson phát xít.

Nếu ai đã đi trên những phố sạch sẽ ở Hoa Thịnh Đốn hay Cựu Kim Sơn sẽ

bỡ ngỡ trước sự dơ bẩn của Nữ Ước. Nhìn cảnh phố đêm Nữ Ước, tôi sực nhớ tới đạo luật cấm vứt rác qua cửa sổ của tiểu bang này.

Luật nghiêm khắc thế mà sao vẫn có người vứt rác ra đường. Hay là vứt qua cửa sổ thì cấm, còn vứt xuống đường là một hình thái của tự do dân chủ.

Tôi dừng trước rạp chiếu bóng Bryant, đường 42. Tấm bảng quảng cáo ghi 2 phim tối nay The Orgy of the Golden Nudes và Strange Compulsion. Một phim màu, một phim đen chung một chương trình, nhưng giá rẻ chỉ có hai đô là nghĩa là rẻ hơn những phim đứng đắn nửa tiền. Tôi trả tiền rồi bước vào trong rạp. Người xem thưa thớt, có lẽ người Mỹ không mấy thích thủ loại phim khỏa thân nửa vời này. Các tài tử trong phim cũng nhiều nàng đẹp lắm, phim cũng có

cốt truyện đàng hoàng, có tình tiết, tâm lý, triết lý đủ cả, thỉnh thoảng điểm một vài xen cho tài tử coi bỏ hết quần áo rất hợp tình hợp lý và cũng quay nghiêng ngửa để khán giả không sao thấy được phía trước phần dưới nửa thân.

Trong rạp đèn đỏ được thắp thường trực kể cả lúc chiếu phim và lúc nào cũng có một cảnh sát viên, có lẽ một cảnh sát viên mẫn cảm nhất. Y luôn luôn đi đi lại lại rọi đèn yêu cầu khán giả ngồi ngay ngắn, yêu cầu không gác chân lên ghế trước hoặc mời khán giả ghiền thuốc lá tới một khu ghế dành riêng cho những khán giả hút thuốc trong rạp.

Tôi bỏ dở cuốn phim thứ hai, bước ra đường, vừa ra khỏi rạp vài bước, một người Mỹ trạc ba mươi tuổi chặn ngang trước mặt nói lí nhí một câu nho nhỏ. Tôi sực nhớ tới lời mấy người bạn Mỹ

dặn tôi trước khi đi rằng khi tới Nữ Ước nên đề phòng du đảng hoặc những phần tử chống chiến tranh gây rắc rối. Tôi chột dạ, nhưng nhìn phố xá thấy còn rất đông người, nên bình tĩnh ngay và hỏi hản :

— Anh muốn gì ?

— Ông có tiền cho xin mười xu.

Tôi móc túi lấy một đồng các chìa ra. Thanh niên cầm lấy bỏ túi, cảm ơn tôi rồi quay đi ngay.

Đã gần mười hai giờ đêm nhưng hầu hết các tiệm còn mở cửa. Các hàng tạp hóa, nhưng tiệm sách chuyên bán sách báo và ảnh khỏa thân, các tiệm vải, các tiệm bán đồ kỷ niệm v.v... Riêng các tiệm ăn mở cửa tới bốn giờ sáng. Trên đường số 9, các tiệm bán trái cây tươi bày hoa

quả choán hết vỉa hè và níu kéo khách hàng ỏi ỏi.

Những trái dưa hấu không lồ hai Mỹ kim một quả, những trái đào to bằng nắm tay, những trái xoài xanh và tím với cam táo, dâu, anh đào ganh đua phô màu sắc dưới ánh đèn khuya.

Người đi lại ngoài phố vẫn đông đặc, chen chúc nhau, không hiểu họ đổ xô ra đường làm gì mà nhiều thế? Tôi liếc mắt nhìn vào những tiệm thực phẩm ở hai bên đường số 9.

Sau sáu tháng sống ở Hoa Kỳ đi qua nhiều thị trấn thuộc mười sáu tiểu bang kể cả tiểu bang New Orleans là nơi nhiều người Pháp ở — đây là lần thứ nhất tôi trông thấy những tiệm bán bánh mì dài, thứ bánh mì giống bánh Micheau tại Sài Gòn, loại bánh rắn khác hẳn thứ bánh

vuông mềm người Mỹ ăn ngon lành hàng ngày và người Việt thì dù đã đói bảy ngày cũng phải nhắm mắt mới có thể nuốt trôi. Tôi trở về khách sạn lúc một giờ đêm. Đứng trên cửa sổ tầng lầu thứ mười bốn, tôi nhìn xuống khu phố chính chan hòa ánh sáng, xe cộ vẫn chạy ngang dọc vun vút, người đi lại vẫn chen chúc, nhỏ xíu như những chuột đêm.

✱

Đúng hẹn sáng thứ bảy anh Resnikoff lái xe dẫn Kaye Rowell, vợ chưa cưới của anh tới khách sạn tìm tôi để đưa đi thăm một vài nơi quanh thành phố.

Anh đề nghị đưa tôi ra bến lấy vé tàu Circle Lines đi vòng đảo Manhattan ngắm thành phố trong ba giờ rưỡi. Tôi

không đồng ý chương trình hời hợt ấy và đòi anh đưa đi một vài nơi điển hình của Nữ Uớc nhưng xem kỹ càng đến nơi đến chốn.

Vừa lên xe, Resnikoff rú ga theo mấy con đường nhỏ len bên cạnh cầu cạn tới công viên Battery trên bờ sông Hudson. Trong khi anh đang tìm chỗ đậu xe, tôi tới phòng vé lấy ba vé để chờ xuống tàu Miss Liberty sang đảo Tự Do. Nửa giờ mới có một chuyến. Chúng tôi trở lại công viên. Resnikoff nhăn nhó hỏi tôi :

— Tại sao anh lại lấy vé cho chúng tôi ?

— Thì cũng được chứ sao ?

Anh vẫn nhăn nhó tỏ vẻ không hiểu :

— Anh phải giải thích cho tôi biết tại

sao anh không lấy vé riêng anh mà anh lại trả tiền cho cả chúng tôi ?

Người Mỹ trong những cuộc đi chơi chung thường rất sòng phẳng trong các chi tiêu riêng. Tôi đã từng thấy trong một tiệm ăn, bốn người bạn Mỹ tính toán phần ăn của mình rõ ràng từng xu lẻ để góp cho một người đem trả tại kết tuy rằng họ có thể puốc-bova cho bồi một hay hai đô la. Người Mỹ rất lạ lùng thấy người Á châu khi đi chơi đông chỉ có một người bỏ tiền ra trả. Biết vậy tôi trả lời đùa anh bạn :

— Thì tôi xếp hàng buôn vé ra đây bán lại cho anh chị mà.

Resnikoff hớn hở ra mặt. Anh móc túi lấy ra một đô la tám cắc đưa cho tôi :

— Ủ có thể chứ !

Tôi lắc đầu :

— Đùa anh đấy. Tôi thết anh chị mà. Khi nào anh sang Việt Nam thì thết lại tôi, có sao.

Resnikoff bấy giờ mới hiểu. Anh cất tiền vào túi, nhưng có vẻ không vui. Trong lúc chờ tàu trở lại tôi đưa mắt nhìn lên vườn Battery. Hã còn sớm, nhưng đã có nhiều người ngồi nghỉ mát trong công viên. Những chiếc ghế gỗ ghép dài chừng mười thước mỗi cái kê rải rác dưới bóng sồi. Chim bồ câu từng đàn bay chập chờn trên cỏ. Buổi chiều công viên chắc đông lắm. Kể ra ở đây mà có một công viên rộng gần bờ sông cũng là một sự hiếm hoi vậy.

Tàu Miss Liberty đã cập bến. Chúng tôi xếp hàng theo những người tới trước, rồi trèo lên boong. Mười phút sau, tượng

Thần Tự Do đã sừng sững trước mặt tôi trên hòn đảo nhỏ giữa sông. Nếu chỉ nhìn trong ảnh, hoặc xem chiếu bóng ta không thể hình dung được sự vĩ đại của bức tượng. Đứng trên đảo ta cảm thấy bức tượng cao vòi vọi trên đầu và con người trở nên bé nhỏ. Tượng màu xanh lá cây dựng trên một bệ lớn xây bằng đá xám cả tượng và bệ cao gần một trăm thước. Hàng ngày người tới thăm tượng Thần Tự Do đông như hội. Họ đi vòng quanh đảo chụp hình tượng để kỷ niệm. Chỉ tiếc rằng tượng không dựng chính giữa đảo, nên đứng trên đảo không thể nào chụp ảnh được trọn vẹn bức tượng phía trước mặt mà chỉ có thể chụp sau lưng. Cũng do phía sau lưng, du khách vào trong lòng bệ đá để chờ lượt thang máy lên đầu tượng, rồi qua các cửa sổ ở vành nón tượng du khách ngắm nhìn phong cảnh sông nước dưới tầm mắt.

Bên trong tượng không có máy lạnh nhưng không khí mát rượi vì khí đá. Về mùa đông, bên trong tượng lạnh buốt như băng.



Sau khi trở lại chỗ gửi xe hơi, tôi đề nghị Resnikoff dẫn tôi thăm viện bảo tàng Guggenheim. Anh giở bản đồ tìm hướng rồi lái xe theo đường số 5 đi về Bronx. Xe đi chậm chậm vòng quanh công viên Trung Ương, một công viên rộng bát ngát ngay trung tâm đảo Manhattan.

Trong công viên có núi, có sở thú, viện bảo tàng, có đường xe hơi chạy giữa các cây cổ thụ.. Hết công viên xe đi qua một khu nghèo nàn tuy nhà cửa vẫn cao bát ngát. Những người da đen đứng ngơ ngẩn trước các căn nhà, trẻ em da đen đùa nghịch ồn ào, đôi khi đuổi nhau chạy ủa ra đường nhựa. Tôi biết đó là khu Harlem. Xe vòng lại phía bên này công viên Trung Ương rồi dừng trước viện bảo tàng.



Đây là một kiến trúc mới của kiến

trúc sư nổi danh Mỹ quốc Frank Lloyd Wright. Tòa nhà không cao lắm nhưng xây theo hình xoáy tròn ốc nên trông có vẻ lạ lùng. Chúng tôi trả tiền vé vào cửa, giá nửa Mỹ kim mỗi người, rồi dùng thang máy lên tầng cao nhất. Từ đó chúng tôi vòng theo bức tường xoáy tròn ốc để đi xuống tới đất lần lượt ngắm nghía các tác phẩm mà người Mỹ cho là đáng tiền đáng cửa. Mấy vòng trên là những xác chim, bướm hoặc một vài sinh vật nhỏ đã được khử trùng đóng khung treo trên tường. Mấy vòng phía dưới dành trưng bày các họa phẩm của các họa phải mới. Tôi ngắm nghía trên trăm bức tranh thấy toàn hình kỷ hà với những màu sắc xám đen hay nâu tro, không một sinh vật hay một bóng người trong tranh, không một màu tươi nào như xanh, đỏ, hồng được sử dụng. Xuống tới tầng dưới là một gian bán carte postale in lại những bức tranh

cũ hoặc đang triển lãm với giá đắt gấp bốn lần những carte postale phong cảnh bán ngoài phố.

Tôi chán nản bước ra khỏi phòng tranh. Resnikoff và Kaye đi sau tôi về mặt không vui hơn. Tôi hỏi :

— Ông Wright đã chi hàng triệu Mỹ kim để xây bảo tàng viện này phải không anh ?

— Phải.

— Anh có thích những tranh bày trong đó không ?

Resnikoff chưa kịp nói gì, Kaye đã trả lời thay :

— Ông ta điên mà. Bỏ ra hàng triệu đô la xây nhà để chứa mấy con bướm chết.

Rời viện bảo tàng, Resnikoff lái xe vòng các phố lớn, rồi dừng trước cửa trụ sở Liên Hiệp Quốc. Anh và Kaye ở gần Nữ Ước tuy đi Nữ Ước nhiều nhưng chưa vào trụ sở Liên Hiệp Quốc bao giờ. Kaye uể oải hỏi chồng chưa cưới :

— Trong đó có gì lạ không anh ?

— Vào đó được hướng dẫn đi thăm một vài văn phòng trụ sở trong vòng một giờ rồi em có thể tự ý đi thăm nhà bưu điện Liên Hiệp Quốc nơi duy nhất trên thế giới phát hành loại tem này, phòng bán đồ kỷ niệm, tiệm sách Liên Hiệp Quốc.

— Họ bán gì trong tiệm sách ấy ?

— Sách và tạp chí viết bằng nhiều thứ tiếng trên thế giới. Em cũng có thể mua bản hiến chương Liên Hiệp Quốc

hoặc sách liệt kê các hoạt động của Liên Hiệp Quốc.

Kaye nhìn mặt có vẻ chán ngấy những thử đó, như có thể sẽ chán ngấy anh chồng chưa cưới này sau vài năm chung sống. Tôi cũng không thấy có chút hào hứng nào khi nghĩ lại sắp bước vào thăm một cơ sở chính quyền dù là chính quyền quốc tế. Tôi ngược nhìn tòa nhà ba mươi chín tầng kiến trúc bằng thủy tinh và cẩm thạch sừng sững bên bờ sông như một bao thuốc lá khổng lồ, tòa nhà mà ngày nào cũng có trên mười ngàn người ra vào tấp nập. Bốn ngàn người trong số đó là nhân viên thuộc các văn phòng, còn bảy ngàn người còn lại là những kẻ hiếu kỳ vui vẻ trả một đô la hai mươi lăm xu để bước vào nhà nhìn ngó, rồi lại đi ra.



Đứng ngắm bên ngoài trụ sở Liên Hiệp Quốc một lúc, chúng tôi đồng ý trở về khu Trung Hoa của thành phố Нью Уорк. Khu Trung Hoa ở đây nhỏ bé, chỉ gồm một vài phố ngắn kém xa khu Trung Hoa ở Cựu Kim Sơn. Chúng tôi vào một tủu lầu lớn nhất tại khu này, ăn một bữa ăn Á Đông, rồi chia tay.

Tôi trở về khách sạn. Kaye quẹt diêm châm một điếu thuốc lá nũng nịu lên xe bắt Resnikoff đưa về. Chẳng biết họ có trở về Newburgh hay là thoát được tôi họ vẫn còn lẫn lẩn trong cái thành phố

xa hoa và vĩ đại này để tìm thiên đường riêng của họ.

✱

Chín giờ sáng. Tôi vận sơ mi cộc tay ra phố, đứng ngơ ngác ở góc đường chưa biết đi đâu. Giờ này các tiệm còn đóng kín cửa, đường xá còn vắng vẻ vì Nữ Ước ngủ trưa lắm. Tôi lại góc đường 8 và 34 bỏ ba mươi lăm xu mua một tờ The New York Times rồi lững thững bước xuống một bến xe điện ngầm gần nhất. Mỗi trạm xe điện ngầm đều rất rộng rãi có tiệm ăn, có cửa hàng hàng hoàng. Sau khi ngắm nghía các hàng chán mắt, ta cứ việc theo mũi tên để tới phòng vé bỏ ra hai mươi xu mua miếng đồng nhỏ hình tròn thay cho vé. Sau khi bỏ miếng đồng nhỏ vào lỗ hổng trên thanh sắt

chấn ngang, tôi đẩy thanh sắt bước vào phía trong chờ xe tới. Hai đường xe song song trước mặt tôi, một lối đi một lối về, đường nào cũng làm sâu dưới lòng đất chừng nửa thước. Phía trái tôi còn một lối nữa dẫn xuống một hầm sâu hơn, dưới đó có hai đường xe khác, và có thể có hai đường hầm khác nữa sâu hơn tạo thành một tầng hầm thứ ba.

Nữ Ước có ba hãng xe điện ngầm gồm các đường chằng chịt khắp các quận tạo thành một thế giới dưới lòng đất. Trên các nhà chọc trời, người Nữ Ước sống như chim, thì ở đây họ sống như chuột, những con chuột vội vã, hấp tấp và bình dân. Quả vậy, với hai mươi xu bạn bước vào thế giới của lòng đất, bạn có thể đổi hết xe này sang xe khác đi suốt ngày đêm không phải trả thêm tiền.

Trong khi chờ xe, hành khách có thể

tới những máy bán son phấn, bán kẹo, bán thuốc lá, bán kem, đặt rải rác trong khu vực này, bỏ vào năm hoặc mười xu để chọn thứ đồ mình thích khỏi mất công mà cả.

Tiếng xe điện chuyển rầm rầm từ phía xa. Dưới chân tôi mọi vật rung chuyển như động đất. Có lẽ còn hai ba đoàn xe chạy ở các tầng dưới nữa nên mới rung chuyển mạnh mẽ như vậy.

Đoàn xe ba toa lớn như ô-tô ray ở Việt Nam dừng lại, các cửa tự động mở. Sàn xe và nơi hành khách đứng bên lề mặt vừa vặn bằng nhau. Toa xe rất nhiều cửa, cứ khoảng hai thước lại có một cửa nên khách ra vào rất nhanh chóng. Xe dừng độ vài giây, các cửa tự động đóng lại, xe lại vun vút chạy trong hầm tối. Xe chạy rất nhanh, chạy như điên như cuồng, mỗi lần đậu thẳng rít kêu rợn óc.

Tôi có cảm tưởng ngồi trong một hỏa tiễn chắc cũng không giống như thế vì hỏa tiễn đi trong không gian vô tận không cho ta một cảm giác về tốc độ. Trên đường xe điện ngầm không có một vật gì cản trước mặt vì chạy một chiều đường làm sâu dưới đất, hai tường hẹp hai bên đảm bảo xe không thể văng đi đâu, đoàn xe như một con trâu điên chạy lồng trong bóng tối. Thỉnh thoảng mới thấy một ngọn đèn như gắn trên đường hầm chạy vụt lại phía sau nhanh như gió.

Vài phút xe ngừng lại thảng rít lên như những thanh sắt chạm nhau. Cửa nhất loạt mở ra, khách ra vào vội vã, rồi cửa đóng lại như nhịp sóng cuồng nhiệt, hấp tấp của Nữ Uớc.

Tại mỗi trạm những dòng chữ ghi tên phố trên mặt đất được kẻ lặp đi lặp lại nhiều lần trên vách tường dài hàng trăm

thước như quang báo để hành khách có thể nhìn qua cửa kính biết khu phố mình đến để chuẩn bị ra khỏi xe mau chóng khi xe đỗ.

Trên xe đã đông. Hôm nay rất nhiều nữ sinh sử dụng phương tiện bình dân này. Những thiếu nữ trẻ măng lối mười lăm, mười sáu tuổi nhưng đã cao lớn nẩy nở, đường nét vững vàng, dìu nhau lên xe.

Nhiều cô bá vai các cậu trai cùng lứa tuổi tự nhiên như những cặp vợ chồng cưới lâu năm. Phần lớn các cô mặc quần đùi, không phải thử quần đùi may đàn ông mà là những chiếc quần jean cắt ngang bẹn, vẫn để nguyên vết cắt không may lại đôi khi tạo thành những gấu quần nham nhở, sổ lông tua tủa bám lấy cặp bẹn non.

Xe chạy như điên trong hầm tối. Độ nửa giờ sau, xe chui lên trên một cầu sắt bắc bằng trên những nóc nhà thấp phía dưới.

Tôi biết là đã sang tới quận Brooklyn, nhưng tôi không đi trên chiếc cầu Brooklyn nổi danh mà đã đi bằng đường hầm dưới đáy sông East River ngăn cách quận này và đảo Manhattan. Xe điện đi dưới đáy sông, xe hơi đi trên cầu.

Lát sau xe lại bắt đầu chui xuống đất đi chừng mười lăm phút nữa, rồi lại nhoi lên mặt đất leo lên cầu sắt trên cao, cầu xây hai tầng dành riêng cho xe điện đi và về. Cứ thế một giờ sau tôi tới trạm cuối cùng của con đường này, trạm Coney Island.

Bước ra khỏi xe, tôi theo các thiếu nữ quần đùi, đẩy thanh sắt chắn ngang rồi

trạm xe điện bước sang khu dân cư : 20 xu đã hết giá trị. Coney Island là một bãi biển trong số những bãi biển đẹp nhất nước Mỹ dài chừng sáu cây số ở ngay phía Nam quận Brooklyn Nữ Ước.



Bãi biển đã đẹp, đầy màu sắc với những chiếc dù sặc sỡ, những cặp nhân tình trẻ ôm ấp nhau ngay trên bãi cát để tắm nắng, với những thiếu nữ vị thành niên vận quần xé ống đang đi tới, lại được thiết lập nhiều gian hàng cho thiếu

nhi và hải học viện Nữ Uớc ngay gần đây làm Coney Island trở thành một nơi nghỉ ngơi lý tưởng cho dân Nữ Uớc trong ngày chủ nhật.

Vượt năm ngàn cây số băng ngang nước Mỹ, hiện giờ tôi đang đối diện Đại Tây Dương. Tôi nhớ tới một người bạn già rất ghét Hoa Kỳ, cả đời chỉ mơ mộng được viếng thăm Ba Lê hay Luân Đôn một lần trước khi nhắm mắt. Nhưng cả đời ông không được đặt chân tới Âu châu để một lần nhìn thấy biển Đại Tây Dương. Trớ trêu thay chuyến xuất ngoại duy nhất của ông là lần tháp tùng một ông lớn quan sát nước Mỹ. Trong chuyến đi này phái đoàn có thăm Nữ Uớc trong bốn tiếng đồng hồ. Khi ông hồi hương, tôi hỏi :

— Trong chuyến xuất ngoại vừa qua ông làm được điều gì đáng ghi nhớ !

Ông cười thoải mái :

— Tao đâu có thích cái văn minh của Hoa Kỳ. Nhưng nhờ chuyến thăm Nữ Ước tao đã làm một công việc cho dù cái khao khát Âu châu bằng cách tiêu tiền một bãi lên Đại Tây Dương.

Giờ này, đứng nhìn bãi biển Coney Island sạch sẽ, đông nghẹt nam thanh nữ tú, tôi phân vân tự hỏi không hiểu ông bạn vong niên của tôi cách đây mấy năm chỉ tới Nữ Ước vồn vện trong bốn giờ theo một chương trình chính quyền định sẵn và hướng dẫn, thì ông đã áp dụng phép mầu nào để có thể thực hiện cái khoái thú nằm trên biển Đại Tây Dương như ông đã kể.

Tôi ngồi xuống một chiếc ghế công cộng trước khu ấu trĩ viên giờ tờ nhật báo lớn nhất Hoa Kỳ tìm đọc một vài

tin liên quan tới Việt Nam. Ngày thường báo New York Times in lối chín mươi hai trang bán mười xu. Hôm nay ấn bản chủ nhật số trang tăng lên trên 300. Báo khá đầy đủ tin tức ngoại quốc, nhất là Việt Nam từ tin cộng quân khủng bố tại Phan Rang, tới tin tăng lương quân nhân công chức hay cuộc tranh cử tổng thống tại Sài Gòn. Tôi liếc qua vài tin quốc tế quan trọng, rồi chợt chú ý tới câu chuyện tình bi đát của anh Richard P. Loving. Anh là người Mỹ da trắng thuộc tiểu bang Virginia yêu và lấy một người vợ da đen. Hai vợ chồng lên Hoa Thịnh Đốn tìm sinh kế, sinh được ba con. Vì nhớ cha mẹ, hai vợ chồng Loving mang ba con về Virginia thăm quê, thì cảnh sát tới cảnh cáo bắt phải đi ngay nếu không sẽ bị nhốt một năm theo án tòa vì luật của tiểu bang Virginia cấm người da đen và da trắng lấy nhau. Câu chuyện thương tâm này đã

lên tới Tối Cao Pháp Viện.

Nếu Tối Cao Pháp Viện hủy bỏ bản án của tòa án tiểu bang Virginia đồng thời sẽ hủy bỏ luật cấm người da đen và trắng lấy nhau vẫn còn áp dụng cho gần hai mươi tiểu bang. Trong khi chờ đợi phản quyết cuối cùng, ba đứa con cặp vợ chồng đen, trắng lấy nhau vì tình yêu vẫn chưa biết trên pháp lý chúng là những đứa con hoang.

Tôi lật tờ báo xem các trang khác trong những phần phụ nữ, thể thao, du hí v.v... Tờ báo khá đầy đủ tuy phần quảng cáo chiếm tới bảy mươi phần trăm số trang.

Phần đông người Mỹ mua báo chỉ để xem những mục liên quan tới riêng họ, hoặc đọc trong khi đi đường rồi vứt bỏ ngay khi xem xong. Tôi lật qua loa hết

các trang báo liếc thấy những thị trường chứng khoán, những tranh quảng cáo áo phụ nữ mỗi tranh chiếm trọn hai trang, những tin mừng có in hình các tân giai nhân mặc áo cưới không mấy hấp dẫn với tôi, tôi cũng lẳng lặng bỏ tờ báo vào một thùng rác ngay gần ghế ngồi cho đỡ nặng tay.

Ngồi hưởng gió biển và ngắm các cô gái tây phương chán mắt, tôi lững thững ra phía ấu trĩ viên nơi có đủ các trò chơi cho trẻ em như đu bay, phi cơ trực thăng, xe lửa, toboggan, vòng đu khổng lồ v.v... Không những trẻ con mà cả người lớn, cả những cặp tình nhân cũng mua vé để bước vào các ca-bin của vòng đu được máy móc đẩy lên cao trong những nhịp quay cuồng để tìm cảm giác mới lạ. Ngay gần khu ấu trĩ viên là hải học viện Nữ Ước gồm hai khu vực có nhiều bể nuôi

các giống cá tôm cua bắt từ Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. Ngoài hai khu này còn có hai hồ lớn một dành cho hải cẩu và pingouin Bắc Cực.

Hồ lớn thứ hai ngay gần cửa ra vào, suốt ngày có một thợ lặn đùa rồn dưới nước với hai con cá voi trắng năm tuổi, dài mỗi con lối năm thước ! Tôi nghĩ tới Moby Dick, nhưng đây là những Moby Dick nhi đồng hiền từ và đáng yêu.

Tôi thấy hải học viện này quá nhỏ so với hồ cá ở Florida mà cũng phải trả gần một Mỹ kim tiền vào cửa kể ra hơi đắt. Nhưng tôi đã quên Nữ Ước chỉ là một thành phố thương mại, thành phố tài chính nên mọi sự đều phải có tiền. Xem cá mất tiền, xem tranh mất tiền, xem nhà, xem tượng, xem văn phòng làm việc của một cơ sở quốc tế hay trung tâm hãng thép đều phải trả tiền.

Tôi lững thững leo lên cầu trở lại ga xe điện ngầm trả một lần nữa hai mươi xu, để trở về trung tâm thành phố. Tại đây phố xá vẫn đông đúc nhộn nhịp vì là ngày chủ nhật. Tôi đi bách bộ trên các phố thuộc khu thương mại Wall Street và Times Square. Ở một vài tiệm buôn thỉnh thoảng ta đọc những giòng chữ phản ứng hộ việc gửi quân đội Mỹ sang Việt Nam chiến đấu chống cộng sản, trong khi dưới đường rải rác một vài tờ truyền đơn chống động viên và chiến tranh phát xít, những truyền đơn in máy hằn hòi.

✱

Tôi rời Nữ Ước vào buổi chiều thứ hai với cảm tưởng luyến tiếc thành phố xô bồ này. Người ta có thể không thích

nhưng không thể phủ nhận cái vĩ đại của nó. Một thành phố của trên tám triệu dân sống chen chúc với cầu cống, sắt thép, gạch và xi măng cho ta một cảm tưởng bức bối, ngột ngạt. Nhưng không vì thế Нью Уорк thiếu những nơi thanh vắng trong cảnh thiên nhiên cho dân chúng xả hơi như vườn Battery, bãi biển Coney Island, công viên Central Park dài hàng mấy dặm.

Нью Уорк là một thị trấn làm nổi danh cho nước Mỹ nhưng cũng đồng thời làm mờ nhạt cả thủ đô Mỹ là Hoa Thịnh Đốn và thủ đô của chính tiểu bang Нью Уорк là Albany. Có những thành phố điếm lệ ta tới thăm một lần, mến nó nhưng không muốn trở lại lần thứ hai vì còn muốn để thì giờ thăm một nơi mới lạ hơn.

Нью Уорк trái lại không ở trong trường hợp này. Ta thăm nó, ghét nó,

nhưng xa nó ít lâu lại phải trở về với nó như trở lại thăm một tình nhân để rồi cãi nhau, rồi vác nón ra đi, và đêm đêm lại lóp ngóp trở về.

Chiếc xe hơi đưa tôi ra ngoài thành phố, bon bon chạy về phương Nam. Tôi giở tờ báo mới mua ra đọc thấy tin ngày 12-6-67 Tối Cao Pháp Viện Mỹ đã hủy bỏ đạo luật kỳ thị đen trắng của tiểu bang Virginia. Tôi thở phào mừng cho ba đứa con không có khai sinh của vợ chồng Loving. Tôi gấp báo lại lim dim mắt mơ màng. Rồi nhớ tới lời một người bạn tôi gặp ở Hoa Thịnh Đốn cách đây một tháng. Anh qua Mỹ đã lâu từng sống ở nhiều đô thị lớn của quốc gia này. Khi ấy tôi có ý định đi thăm Nữ Ước bèn hỏi ý kiến anh về thành phố :

— Anh ở Mỹ đã lâu, anh cho biết ý kiến về Nữ Ước và thủ đô Hoa Kỳ ?

Anh bạn trầm ngâm một lát rồi trả lời :

— Hiện nay anh ở Hoa Thịnh Đốn đã có ý niệm về thủ đô nước Mỹ, nhưng anh chưa tới Nữ Ước, vậy tôi có thể so sánh như thế này cho anh dễ tưởng tượng nhé. Ví dụ Nữ Ước là Sài Gòn thì Hoa Thịnh Đốn có thể tương đương với quận lỵ Thủ Đức.

Tôi đã thăm Nữ Ước trở về. Tôi đồng ý với bạn tôi rằng căn nhà cao nhất ở Hoa Thịnh Đốn không hơn khách sạn Caravelle Sài Gòn, trong khi ở Nữ Ước có hàng chục buyn-đinh cao trên dưới trăm tầng. Tôi đồng ý với bạn tôi rằng đoạn đường xe điện ngầm chở nghị sĩ từ văn phòng sang điện Capitol ở Hoa Thịnh Đốn đối với những đường hầm ở Nữ Ước thì chỉ là trò chơi con trẻ. Tôi đồng ý Nữ Ước rộng hơn tám trăm

cây số vuông, gấp năm lần Hoa Thịnh Đốn. Dân số Nữ Uớc lên tới trên tám triệu người trong khi Hoa Thịnh Đốn chưa có đủ một triệu dân. Tôi đồng ý ban đêm Hoa Thịnh Đốn yên vắng và Nữ Uớc từng bừng nhã nhạc.

Tuy nhiên nếu chỉ vì thế mà hạ Hoa Thịnh Đốn xuống hàng quận lỵ thì có lẽ bạn tôi đã quá khắt khe.

Nhưng chỉ có lẽ mà thôi.

tháng sáu 1967

ATLANTA THỦ ĐÔ NUỐI TIẾC

Lần này thì tôi đi về phương Nam. Mục tiêu là Atlanta, thành phố được coi như thủ đô kỹ nghệ của miền Đông Nam nước Mỹ.

Atlanta không phải là một thành phố lớn nhưng nổi tiếng nhờ những trận chiến đẫm máu trong thời Nam, Bắc phân tranh. Cuộc nội chiến chấm dứt

gần một trăm năm, Atlanta còn được thế giới biết tới qua cuốn tiểu thuyết trường giang Cuốn Theo Chiều Gió của Margaret Mitchell, rồi cuốn phim cũng trường giang mang cùng một tên với tài tử bộ trai Clark Gable.

Bây giờ, cuốn phim và cuốn sách một thời sôi nổi đã đi vào dĩ vãng nhưng Atlanta vẫn còn đó, vẫn là trung tâm của miền Đông Nam, là giao điểm của những tiểu bang Mississippi, Alabama, Kentucky, Tennessee, những tiểu bang mà nạn kỳ thị đen trắng, kỳ thị Bắc Nam xảy ra triền miên khi sôi động, khi tiềm ẩn.

Chiếc phi cơ đưa tôi tới phi trường ngoại ô này đã cất cánh đi tỉnh khác từ lâu nhưng người bạn hẹn mang xe đón vẫn chưa thấy tới. Thường thường người Mỹ rất ít khi sai hẹn. Tôi đoán anh bị

kết vì một lý do nào ngoài ý muốn nên chưa định dùng điện thoại để hỏi anh. Tôi đi thùng thẳng trong phòng khách phi trường quan sát cảnh sinh hoạt buổi sáng. Phi trường vắng lưa thưa vài người khách. Có lẽ khoảng giờ này ít máy bay đi, đến.

Bỗng tôi chợt chú ý tới một người da vàng đang ngồi ở một góc phòng. Không hiểu anh là người Việt, Thái, Lào hay Mã Lai. Anh cũng không có những nét của một người Nhật hay Trung Hoa. Trông hành lý cũng như dáng điệu, tôi đoán anh đi Mỹ lần đầu, đang chờ máy bay để tới một địa điểm mới.

Thỉnh thoảng lại nhìn đồng hồ, anh có vẻ nóng ruột. Anh đứng dậy mua một tờ Life rồi lại trở về ghế cũ lật tờ tạp chí coi hình ảnh. Một người Mỹ từ ngoài bước vào miệng ngậm điếu thuốc

chưa mỗi, nhìn trước sau thấy vắng tanh
bèn tới gần chỗ người khách châu Á cúi
xuống lễ độ hỏi :

— Do you have a match ? (Ông có
quẹt không ?)

Người đàn ông da vàng ngừng đầu,
nhìn người Mỹ với vẻ khinh bạc rồi nhún
vai trả lời :

— Yes ! (Dạ !)

Người Mỹ đứng im chờ đợi. Người
đàn ông da vàng cúi xuống tiếp tục lật
báo coi hình ảnh. Có vẻ sốt ruột người
Mỹ hỏi lại :

— Do you have a match ?

Ý chừng đoán người đàn ông Mỹ
hỏi mình có mạnh giỏi không nên người
đàn ông chạp Á vẫn thản nhiên nhún vai
trả lời :

— Yes !

Lần này thì người bạn Mỹ đã hiểu nên chia hẳn điều thuốc ra, một tay ra dấu một người đang đánh diêm rồi hỏi lại chậm hơn :

— Do you have a match ?

Lần này người bạn da vàng cũng hiểu, anh vội vã lắc đầu xua tay lia lia và trả lời :

— No ! No ! (Không có ! Không có !)

Người Mỹ bỏ đi, người Á lại tiếp tục coi báo như không có chuyện gì xảy ra.

Tôi định tiến lại làm quen với người đàn ông châu Á để giết thì giờ thì anh bạn hàm thụ của tôi đã đẩy cửa bước vào. Chúng tôi nhận diện nhau rất mau nhờ đã giao ước về mẫu y phục từ hôm qua.

Williams xin lỗi về chuyện đến trễ rồi cúi xuống xách chiếc va-li nhỏ của tôi ra xe.

Rời phi trường một lát tôi đã thấy thành phố Atlanta hiện ở xa với nhà cao ngất. Người Atlanta vẫn tự hào rằng thành phố của họ có những buyn-đỉnh cao nhất miền này và là nơi duy trì dĩ vãng anh dũng vàng son của người Mỹ trắng.



Atlanta là thủ phủ thuộc vùng
Tây Bắc của bang Georgia, Mỹ

Vào tới trung tâm thành phố Williams lái xe đảo qua một vòng những phố chính như Edgewood, Marietta, Walton, Forsyth, Cone Carnegie và Peachtree trước khi gửi xe dắt nhau đi bộ để quan sát kỹ hơn.

Phố xá Atlanta không lấy gì to rộng và sạch sẽ. Khách bộ hành vội vã trên đường đa số là người da đen trông tồi tàn nghèo khổ. Khi qua tiệm Rich's, một tiệm bách hóa lớn hàng nhì sau Davison's tôi thấy một người da đen đeo một chiếc bảng lớn trên lưng đi đi lại lại trước tiệm, trên bảng kẻ một khẩu hiệu hô hào dân chúng tẩy chay tiệm buôn này vì chủ tiệm chủ trương kỳ thị chủng tộc. Cách đây vài thước một cảnh sát viên cũng đi đi lại lại ngó chừng người da đen không biết để giữ an ninh cho anh ta hay chờ

anh ta có hành động nào phạm pháp thì bắt giữ.

Williams bĩu môi nói với tôi :

— Dân da đen lười biếng, bán thúi mà hơi một tí thì biểu tình. Nhưng anh xem, có ai nghe theo lời y đâu, người ra vào tiệm mua bán vẫn đông đảo như thường.

Tôi biết đã gặp một người bạn miền Nam có óc kỳ thị nặng nề. Tôi hỏi xã giao :

— Trong trận nội chiến Hoa Kỳ cách đây hơn một thế kỷ ngoài những tướng lãnh làm rạng danh cho miền Nam như tướng Lee, tướng Bragg, chắc tinh thần quân sĩ miền Nam cũng phải cao lắm thì mới kéo dài cuộc chiến đấu tới bốn năm ?

Williams trả lời câu hỏi của tôi bằng một lời đính chính :

— Ở đây chúng tôi không gọi cuộc chiến tranh 1861-1865 là một cuộc nội chiến (civil war) mà gọi là cuộc chiến tranh giữa các tiểu bang (war between the states). Người miền Nam chúng tôi dù thua nhưng vẫn giữ những truyền thống anh dũng của miền Nam.

— Ở miền Nam này người da đen có thực lòng hợp tác với người da trắng không ?

— Có chứ ! Nếu không thì sao có trường hợp thắng cử vẻ vang như gia đình ông Wallace.

Wallace là thống đốc tiểu bang Alabama, vị thống đốc lừng danh thế giới về những thành tích đàn áp người Mỹ

da đen. Đến nỗi những vụ đàn áp dân da màu đâm máu xảy ra ở Little Rock, Kent State, Augusta không đáng gì tới tiểu bang Alabama nhưng người ở xa nước Mỹ mỗi lần nghe thấy những chuyện tương tự đều có ý nghĩ tưởng như người gây nên những vụ đó vẫn là ông Wallace.

Một người như thế nhưng vẫn được bầu làm thống đốc tới hai lần. Nếu hiến pháp Mỹ cho phép được ứng cử thống đốc ba lần liên tiếp chắc chắn ông Wallace đã trị vì tiểu bang Alabama thêm một nhiệm kỳ nữa. Để đối phó với điều khoản ngặt nghèo trong hiến pháp bà Wallace đã ra ứng cử thay chồng và trở nên thống đốc Alabama, nối tiếp sự nghiệp kỳ thị của ông còn dang dở. Nếu không có những bất ngờ do định mệnh đưa tới chắc bà Wallace tiếp tục trị vì

dân Alabama đủ tám năm để chờ con bà trưởng thành ứng cử tiếp nối như một giòng họ hoàng triều.

Williams đã mang sự kiện Wallace để chứng minh tình đoàn kết đen trắng. Nể người bạn mới, tôi không phản đối tuy tôi biết rằng lẽ lối bầu cử tại Mỹ dành khá nhiều ưu đãi cho những người da trắng, nhất là những người nhiều tiền và phương tiện.

✱

Chúng tôi tiếp tục tản bộ trên mấy phố chính. Nhà cửa Atlanta ít màu sắc. Thỉnh thoảng có nhà thấp một hai cây đèn dầu ngay cửa. Phải chăng dùng nhiều điện quá họ đã chán như một người giàu sang hàng ngày ăn nhiều cao lương mỹ vị

quá bây giờ thấy thèm muốn ăn rau. Số nhà ở Atlanta cũng lạ lùng. Tuy không có những căn nhà mang một phân số nhiều mẫu số như những nhà trong hẻm Sài Gòn nhưng người Atlanta lại thích những con số có đuôi. Bên cạnh những nhà mang số 10, 25, 37 chúng ta có thể thấy những nhà kế cận mang số 10, 5 số 25 rưỡi hay 37 rưỡi.

Chúng tôi đi qua rạp cinerama chuyên chiếu phim nổi không phải đeo kính, những night club với giá vào cửa khá rẻ một đô la nhưng giá uống tối thiểu là hai Mỹ kim một ly. Qua Play Boy Club, Williams bảo tôi :

— Hay anh ráng ở lại đêm nay chúng mình tới đây ăn và nghe nhạc.

Tôi lắc đầu :

— Thì cũng như các hộp đêm ở khắp các thị trấn Mỹ khác chứ có gì lạ đâu.

— Có chứ, có chụp ảnh chung với chiêu đãi viên.

Trong Play Boy Club có nhiều chiêu đãi viên rất đẹp, rất khêu gợi vận đồ hai mảnh đồ lộ ngực căng phồng và cặp đùi thon thon trắng nõn. Bất cứ khách hàng nào cũng có thể chụp ảnh đôi với họ, nếu trả một đô la. Khá nhiều du khách ngoại quốc tốn tiền về cái trò ấy để có những bức ảnh mẫu lấy ngay. Khi hồi hương họ có thể giơ bức hình cô gái Mỹ ra khoe với bạn bè rằng mình đã theo đuổi rất công phu và tốn kém lắm mới xây dựng được một mối tình nơi đất khách thì bạn bè có cách gì mà kiểm chứng.

✱

Rời trung tâm thành phố chúng tôi tới công viên Grant nơi có họa phẩm mô tả trận giao tranh tại Atlanta. Muốn vào xem phải trả tiền cửa một đô la. Họa phẩm nổi lớn nhất thế giới này được thực hiện bởi một nhóm họa sĩ Đức trên bức tường hình ống trên cao mười lăm thước, chu vi hơn một trăm thước. Cứ mỗi nửa giờ khán giả vào đông đủ, đứng trên bệ xây ở giữa phòng, xướng ngôn viên bật đèn màu và bắt đầu kể lại trận đánh. Khán giả vừa nghe vừa xoay người theo ánh đèn màu nhìn bức tranh hết một vòng tròn thì đèn trắng bật sáng. Cuộc xem tranh lâu chừng mười lăm phút, khán giả kéo nhau ra để toán khác kéo vào. Đứng giữa bức tranh tròn mà người miền Nam nước Mỹ rất hãnh diện vì nó, trịnh trọng đặt cho nó một cái tên riêng là Cyclorama, tôi có cảm tưởng như lấy vé xem mô tô bay có điều khác là

xem mô tổ bay tôi đứng ở trên.



Trận Atlanta – bước ngoặt cuộc chiến giữa các tiểu bang Mỹ

Bước ra khỏi Cyclorama, tôi qua khu vực sở thú trên những con đường nhỏ hai bên lề hoa tulipe vàng và đỏ thắm nở chan hòa dưới ánh nắng. Tôi hỏi Williams :

— Atlanta chắc là thành phố có nhiều kỷ niệm, di tích làm cho người

miền Nam yêu mến địa phương của họ hơn các nơi khác nhỉ ?

— Không cứ là ở đây, khắp miền Nam chúng tôi vẫn kiêu hãnh về nền văn hiến của chúng tôi mà không hề thán phục người yankee miền Bắc.

Tôi đồn anh bạn Mỹ vào một câu hỏi khó :

— Có phải vì ghét người Mỹ miền Bắc coi họ như những kẻ xâm lăng nên miền Nam không kỷ niệm ngày sinh nhật tổng thống Lincoln ?

Williams hơi lúng túng trong giây lát. Rồi anh trả lời :

— Không phải tất cả miền Nam không nghĩ việc trong ngày sinh nhật Lincoln mà chỉ có một số tiểu bang mà thôi.

— Trong khi đó thì ngày sinh nhật của một ông tướng miền Nam như tướng Lee được cả miền Nam coi như một ngày đại lễ.

Willams tỏ vẻ bức dọc :

— Một ông tướng anh dũng chỉ huy quân đội miền Nam chống lại xâm lăng anh không cho là một vị anh hùng xứng đáng kỷ niệm hay sao ?

Tôi biết câu chuyện đi hơi xa nên đánh trống lảng :

— Thôi đã muộn rồi anh cho tôi tới một tiệm ăn nào điển hình để tôi thưởng thức món ăn đặc biệt của quê hương tổng thống Davis chứ !

✱



Công viên Núi Đá (Stone Mountain) cách Atlanta chừng mười lăm cây số về hướng Đông là một địa điểm khác để người da trắng miền Nam biểu dương sự nuối tiếc thời vàng son của họ, thời địa chủ da trắng sở hữu những thửa ruộng thẳng cánh cò bay, nắm sinh mạng đám nô lệ da đen như những con vật.

Khu Núi Đá nói là một khu giải trí công cộng của mọi người nhưng khó mà tìm thấy một bóng Mỹ đen lảng vảng. Chiều thứ bảy ngày chủ nhật, Mỹ trắng

và du khách ngoại quốc tràn ngập công viên để ngắm nghía những di vật còn giữ lại từ thời nội chiến, toa xe lửa Texas, chiếc thuyền máy mang tên tướng Lee, bản đồ nổi tiểu bang Georgia và đoàn quân của tướng Sherman tiến về phía biển, bỏ lại sau lưng châu thành Atlanta vừa bị đốt cháy còn rừng rực lửa.

Tôi hỏi một người Mỹ đang đứng cạnh tôi :

— Tướng Sherman đem quân từ Bắc tràn xuống miền Nam cũng triển lãm ở đây sao ?

Người Mỹ đáp :

— Triển lãm cuộc tiến quân của Sherman trong cuộc chiến tranh giữa các tiểu bang chính là để người miền Nam nhớ tới trận chống cự oai hùng của họ và

nói lên sự tàn ác của quân miền Bắc khi đốt Atlanta.

Chưa phân biệt kỹ giọng nói của người đối thoại, nhưng khi nghe anh ta dùng những tiếng chiến tranh giữa các tiểu bang tôi hiểu ngay lại gặp một người sinh quán miền Nam yêu địa phương quá nhiệt thành. Anh nói tiếp :

— Chắc ông ở xa mới tới thăm Atlanta. Dọc đường chắc ông trông thấy nhiều tượng các danh nhân như tướng Lee, Jackson, Cobb, Walker. Họ đều là những anh hùng miền Nam và tượng luôn luôn hướng về phía Nam. Tinh thần người miền Nam bất diệt.

Trốn Williams chưa xong giờ đây tôi lại gặp ông này, để phải ngột ngạt nghe anh khoe khoang miền Nam anh dũng. Tôi cười cười rồi lắc xa anh, tiến ra bến

xe điện dây bỏ một Mỹ kim sáu mươi xu mua vé lên đỉnh núi. Trong khi chờ đợi chiếc xe điện còn lửng lơ trên không trung chưa về bến, tôi nhìn về phía xa.



Stone Mountain không hùng vĩ, chỉ là một hòn núi đá thấp trông như chiếc bánh dầy. Trên vách núi tác phẩm điêu khắc chạm hình Lee, Jackson và Davis trên lưng ngựa đã hoàn thành. Tác phẩm điêu khắc dài trên một trăm thước này được coi là lớn nhất thế giới nhưng vì khắc chìm vào vách núi nên trông xa

bằng phẳng giống như một bức tranh chứ không hùng vĩ sừng sững giữa trời như điêu khắc tạc chân dung bốn ông Washington, Jefferson, Roosevelt và Lincoln trên đỉnh núi Rushmore tiểu bang South Dakota.

Xe điện dây đưa tôi lên đỉnh Stone Mountain. Tại đây có quán ăn có nhà lầu cho khách trèo lên ngắm cảnh, có hồ nước, cuối hồ cắm một dãy cờ của mười ba tiểu bang trong hàng ngũ miền Nam chống lại miền Bắc.

Đỉnh Stone Mountain chỉ tiện cho những kẻ yêu nhau dắt díu lên đây tình tự. Có những cặp sồn sồn, có những cặp thanh niên nhưng cũng có những cặp mà cậu trai và cô gái có lẽ chỉ độ mười một hay mười hai tuổi. Tuyệt nhiên không thấy bóng dáng một người da đen nào. Họ không biết yêu nhau ! Hay luật pháp

cấm không cho họ tới đây ! Hay chỗ này sạch sẽ quá không phải là thiên đường của họ.

*

Khoảng ba giờ chiều tôi tạm biệt Williams ra bến xe buýt để trở về miền Bắc. Tôi lật tờ báo Life trên xấp báo dành cho khách hàng đọc trong khi chờ đợi. Cầm tờ báo tôi sực nhớ tới người đàn ông Á châu buổi sáng tại phi trường. Nghĩ tới ngôn ngữ bất đồng tôi miên man nhớ tới một giai thoại khác. Ngày ấy tôi ở trong một xóm lao động và đang học thêm Anh ngữ. Nhìn sách vở chất đầy nhà hàng xóm láng giềng có vẻ thán phục tôi lắm coi như một nhà trí thức bình dân lạc loài tới xóm này sống chung với họ. Hàng xóm rất quý tôi mỗi

khi có việc gì phải làm đơn từ, hay có giấy tờ, toa thuốc nào bằng Anh, Pháp ngữ họ đều tìm tôi nhờ giảng giải.

Một hôm ông bạn xế của không biết lấy ở đâu được một lọ thuốc xinh xinh của Mỹ nhờ tôi xem hộ thứ thuốc đó chữa bệnh gì. Đó là một loại chai xịt giống như nước hoa nhưng có cái tên rất lạ tôi mới thấy lần đầu. Những dòng chữ giải thích bên dưới cho biết đó là loại thuốc trừ khử mọi mùi hôi thối. Tôi đọc kỹ hai ba lượt rồi bảo ông hàng xóm :

— Cái này là thuốc trừ mùi hôi, chắc dùng để xịt ở bếp hoặc cầu tiêu, nhà tắm ?

Ông hàng xóm cảm ơn rồi rút hí hửng cầm lọ thuốc về.

Tối hôm đó Nga, cô gái bán ba có

chồng Mỹ đen trước cũng ở trong xóm, tới thăm ông bạn tôi. Ông mang lọ thuốc ra khoe và kể lại những lời tôi giải thích cho ông buổi sáng. Nga vừa liếc thấy lọ thuốc bèn phá lên cười :

— Trời ơi ! Cái này đâu phải thuốc xịt cầu. Đó là thuốc xịt vào người để trừ hôi nách nhà em vẫn xịt trước khi đi ngủ mà. Em cứ tưởng ông ấy giỏi tiếng Mỹ lắm thế mà cũng dốt nhỉ !

Tôi nghe biết chuyện buồn hơn tiếng đồng hồ không thiết sờ tới sách Anh ngữ nữa. Làm sao mình có thể thấu hiểu chu đáo một ngoại ngữ như tiếng Mỹ nếu mình chỉ học bằng sách vở, không có thầy, không tiếp xúc với người Mỹ, không là đàn bà để có thể hiểu rõ đời sống khuê phòng của lính Mỹ như cô Nga hàng xóm của tôi.

Tôi vẫn còn đang đi lại chờ đợi giờ xe buýt khởi hành, bỗng có một thiếu tá Mỹ tới gần tôi hỏi chuyện Việt Nam. Ông cũng mới ở Sài Gòn trở về, ông biết tôi đang chờ xe bèn mời tôi lên xe riêng của ông cùng lên miền Bắc. Liếc nhìn ngực áo tôi biết tên ông là Petter.

Xe chạy được vài trăm thước, Petter hỏi tôi :

— Chắc ông tới thăm Atlanta lần đầu, ông nghĩ sao về thành phố này ?

Tôi biết người Mỹ thường luôn tự hào về đất nước họ nên trả lời xã giao :

— Đẹp lắm !

Và tôi hỏi lại :

— Ông quê trên miền Bắc ?

— Phải, gia đình tôi ở Massachusetts.

Yên trí không còn gặp một người Nam, tôi tâm sự :

— Khi chưa tới Atlanta, tôi nghe nói người miền Nam ở đây có óc kỳ thị địa phương và chủng tộc khá nặng, tôi không tin lắm. Nhưng tới nơi tôi thấy điều đó đúng. Tại sao Hoa Kỳ đã thống nhất hơn một thế kỷ rồi mà những tư tưởng đó hãy còn mạnh mẽ như vậy ?

Petter mỉm cười nói đùa, cởi mở :

— Đó là đặc tính của nền dân chủ của chúng tôi đấy.

Tay trái ghì vô lăng, tay phải bật quẹt mỗi lần Salem, Petter nhìn về phía trước mơ màng và nói nhỏ như trong mộng :

— Đến bây giờ nhiều đồng bào chúng tôi ở miền Nam vẫn còn níu kéo lấy dĩ vãng. Chắc cũng còn có nhiều người mơ ước một ngày nào đó họ sẽ tiến quân lên miền Bắc và lập chế độ nô lệ để lại trở thành những địa chủ ngay tận các tiểu bang Vermont, New Hampshire, Maine hay North Dakota.

tháng mười 1970

CỤU KIM SƠN, CỬA CHÂU Á

Người đưa chúng tôi từ thị trấn Pleasant Hill (Đồi Vui) trên đường tới Cựu Kim Sơn là một người đàn bà độc thân ngoài năm mươi tuổi, bà Padelford. Bà rất vui vẻ hoạt bát. Bà ăn mặc rất bảnh bao, nước hoa đủ thơm, son phấn đủ làm trắng thêm làn da tuy không làm mất được những nét nhăn. Theo lời bà kể cho chúng tôi nghe trong bữa ăn tối qua bà có ba đứa con, hai trai

một gái, tuy bà chưa hề lấy chồng lần nào cả. Ở Mỹ có khá nhiều đàn bà sống độc thân như vậy.

Họ vẫn được người đời xưng tụng là cô. Đi nước Lào ăn mắm ngoé. Chúng tôi cũng phải theo tập tục đó. Thành ra điều mong ước của một số chúng tôi là được làm quen với một người đàn bà Mỹ chưa chồng đã đạt được ngay trong ngày thứ hai sau khi đặt chân lên lục địa Hoa Kỳ.

Chiếc xe Plymouth vẫn lao vun vút trên đường nhựa với tốc độ trên một trăm cây số giờ. Cỏ Padelford một tay cầm vô lăng một tay chìa kẹo cao su mời chúng tôi, miệng luôn luôn giảng giải, về phong tục tập quán người Mỹ mà chẳng cần biết chúng tôi nghe có hiểu hay không.

Con đường dẫn tới Cự Kim Sơn thật rộng, được ngăn bởi một luống cỏ ở giữa. Tôi chợt chú ý tới một hàng chữ trắng to kẻ lên mặt đường tráng nhựa đen, một chữ XING rất lớn ngồi trên xe cũng đọc được khi còn cách xa hàng chục thước.

Thùy hỏi tôi :

— Xing là cái gì, mày ?

Tôi lắc đầu. Phong lật với cuốn tự điển Webster lúc nào cũng mang kè kè bên người lúi húi tra cứu nhưng cũng lắc đầu thất vọng :

— Tự điển không có chữ này.

Đành phải cầu cứu tới cuốn tự điển sống đang lái xe :

— Cô Padelford ! Chúng tôi vừa đọc

thấy dưới đường một chữ Xing, nó là nghĩa gì ? Cuốn tự điển này nhỏ quá không có chữ đó.

Cô Padelford cười duyên dáng, nhấn tất cả các vết nhăn :

— Tự điển lớn cũng không có vì Xing chỉ là lỗi viết tắt của chữ Crossing (qua đường). Trước khi các anh đọc thấy chữ Xing còn một chữ nữa ở quãng đường trên mà các anh vô tình chưa chú ý. Đó là chữ PED viết tắt chữ Pedestrian (bộ hành). Hai chữ đó nhắc cho người lái xe coi chừng chỗ này có người đi bộ băng qua.

Chúng tôi nhìn hai bên xa lộ. Vắng tanh không một bộ hành, đường sạch trơn không một gợn bụi, chỉ có xe hơi vun vút chạy nối đuôi nhau. Thùy nói :

— Người Mỹ đâu có thích đi bộ, suốt từ nãy đến giờ chúng tôi có gặp người nào đi bộ đâu mà phải bày đặt pedxing ?

— Các anh nói đúng. Nhưng chỗ chúng ta vừa đi qua chắc có một trường tiểu học gần đó.

✱

Xa lộ đột nhiên mở rộng. Mười sáu chiếc xe hơi có thể song song đi cùng một chiều. Không phải người làm đường cố tình nới rộng đường ra cho xe cộ đỡ ùn ứ nhau nhưng chính là để thu thuế cho mau chóng. Xe hơi cứ mười sáu chiếc một từ từ chui qua mười sáu vòm cửa tò vò có người ngồi thu tiền thuế đường mỗi chiếc nửa Mỹ kim. Qua cửa ải nộp tiền kể như khách đã tới vùng

ngoại ô Cựu Kim Sơn. Chúng tôi đã bắt đầu trông thấy cây cầu lừng danh Golden Gate hiện xa xa mờ mờ. Những người Á châu mới tới Mỹ lần đầu như chúng tôi vội vã xuống xe mang máy ảnh lắp phim mẩu chụp lia lịa những tấm hình kỷ niệm tấm nào cũng phải có mình cười hớn hở, toe toét và bối cảnh phải là chiếc cầu từng nổi danh trên sách, báo, phim ảnh hay những bích chương quảng cáo du lịch. Như sợ rằng sẽ không có dịp nào thấy lại cây cầu đó nữa.

Xe lại bắt đầu tiến về hướng nhiều ánh sáng. Cũng phải còn lối mười cây số nữa mới tới thành phố, nên hai bên đường còn quang đãng nhiều hoa lá. Những cây dogwood (chúng tôi gọi đùa là hoa chó) trồng đầy hai lề đường, hoa nở trắng xóa phủ kín lùm cây thay cho lá, trông xa giống như những cây bàng

phủ đầy tuyết trắng. Thấp hơn là những cây đỗ quyên (azalea) cũng chi chít hoa màu tím hồng, hoa lẫn át lá như bà vợ nặng ký lẫn át một ông chồng gầy còm yếu sức. Hai thứ cây mùa xuân đặc biệt này đã tô điểm rất nhiều cho miền quê nước Mỹ, làm cho người lạ thấy mát dịu trong lòng trước khi vào những thành phố ngọt ngào gạch ngói xi măng và sắt, thép.

Cô Padelford lại mở sách đóng thuế một lần nữa trước khi chiếc xe bắt đầu lăn bánh trên cầu Bay Bridge băng qua eo biển nối liền thị trấn Oakland và phía Bắc Cựu Kim Sơn. Cầu Bay Bridge kiến trúc theo lối hai tầng dành cho xe đi, về nên không phải tránh nhau nhưng cũng không thể trông thấy nhau khi “gặp nhau”. Điểm này cũng khá bất tiện cho những bà vợ theo dõi chồng để bắt ghen.

Đường trên cầu rất rộng đủ cho sáu chiếc xe chạy song song với tốc độ hợp pháp tám mươi cây số giờ. Mỗi ngày có lối 120.000 xe cộ lưu thông trên chiếc cầu dài gần bảy cây số này. Nếu so sánh với những cầu thép thì Bay Bridge dài nhất thế giới. Nhưng kể cả cầu xi măng thì chiếc cầu dài nhất phải là cầu Pontchartrain ba mươi tám cây số thuộc tiểu bang New Orleans.

Cô Padelford chỉ tay sang phía trái :

— Các anh có để ý đến chiếc tàu lớn đậu phía xa kia không ?

— Có.

— Đó là hàng không mẫu hạm America đã từng công tác ở vịnh Bắc Việt, bây giờ được về đây nghỉ ngơi.

Phần tôi, tôi còn mãi nhìn bên phía

tay mặt. Xa xa nhấp nhô một hòn đảo có nhà cửa, tường xám như một lâu đài. Đó là đảo Alcatraz. một thú Côn Đảo của hiệp chúng quốc Hoa Kỳ.

Suốt thời gian từ 1934 tới 1963, đảo Alcatraz là nơi lưu đầy tù nhân trọng tội của Mỹ quốc như Kelly Trung Liên, chuyên viên bắt cóc, Arthur Doc Barber, Baby Face Nelson, tướng cướp Al Capone. Ông tướng cướp nổi danh đã nhiều lần được quay thành phim này sau khi được phóng thích khỏi đảo về quê thì chết rất anh hùng bởi vi trùng bệnh giang mai.

So với Côn Đảo, Alcatraz nhất định phải hơn. Nhà cửa cao ráo hơn, tù nhân đỡ buồn hơn vì ngày đêm có thể ngắm nhà chọc trời rộn ràng đèn xanh đèn đỏ trên thành phố Cựu Kim Sơn cách đó không xa.

Suốt hai mươi chín năm dùng làm nơi nhốt tù nhân, Alcatraz chỉ xảy ra có một vụ nổi loạn làm năm người thiệt mạng. Chưa bao giờ có một tù nhân vượt ngục trốn được khỏi đảo tuy rất gần đất liền. Chẳng biết công tác giữ an ninh của Mỹ giỏi hơn hay tài vượt ngục của tù nhân Mỹ quá xoàng. Sự hơn kém của hai dân tộc Mỹ, Việt về điểm này chưa minh định được vì còn thiếu tài liệu thống kê.

Từ khi giải tán trại tù, Alcatraz trở nên buồn tẻ. Chỉ còn gia đình người gác đảo ở lại mà thôi. Đường điện thoại nối với đất liền hư cũng chẳng ai buồn sửa, nhà cửa đổ nát không ai thềm xây lại, yếm thị bán chẳng ai thềm mua. Hòn đảo bị bỏ lây lất như một bà vợ già tàn tật có ông chồng bay bướm hào hoa.

Đột nhiên đầu tháng mười một 1969 mười bốn người Mỹ Da Đỏ tới chiếm

đảo đòi quyền tự trị. Họ nói rằng chính phủ Mỹ không xài tới đảo nữa thì trả lại họ vì họ mới là những người Mỹ chính cống. Ít ngày sau hơn một trăm người Da Đỏ nữa di cư tới đảo. Chính phủ Mỹ điên đầu vì ngoài vấn đề Mỹ đen nay lại thêm một vấn đề mới về chủng tộc.

Còn dân Mỹ thì rất thờ ơ trước vấn đề này. Họ thấy vui vui. Tặng phẩm được gửi tới đảo tràn ngập. Phóng viên nườm nượp kéo tới đảo quay phim chụp ảnh. Như họ đã quay phim chụp ảnh những nam thanh nữ tú lột quần áo tắm truồng trước tượng vĩ nhân Lincoln ngay chỗ đông người tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn vậy.

*

Qua hết cầu Bay Bridge chúng tôi bắt đầu vào phía Bắc thành phố, phần đẹp của Cựu Kim Sơn. Từ hướng Nam qua các quận Dala, San Bruno, Millbrae chẳng hạn, chúng ta sẽ gặp những cảnh trí, phố xá buồn tẻ, nhà cửa thấp bé. Phía Bắc, thì trái hẳn. Người mới tới Mỹ có thể choáng váng trước những kiến trúc đồ sộ tiêu biểu cho nước Mỹ tại khu vực này.

Chúng tôi đi bộ trên con đường lớn nhất của thành phố, Market street (phố Chợ) ngắm nghía những tiệm buôn sạch sẽ khang trang. Vòng vèo qua một vài phố ngang tới khu Trung Hoa mà ở đây người ta gọi là Chinatown. Khu này quá rộng, phần lớn dân cư đều là người Tàu có Mỹ tịch. Đây là một thứ Chợ Lớn của Cựu Kim Sơn. Những tiệm bán thực phẩm tại khu Trung Hoa tượng trưng

cho dân tộc tính của người Tàu dù rằng họ tha phương cầu thực trên đất Mỹ từ nhiều đời. Các món rau tươi, rau khô, măng, nấm Đông Cô, mộc nhĩ cho tới tương, mắm, ớt, mứt sen, mứt bí, cây kiểng như thủy tiên, thược dược, cúc đều có thể mua được ở khu vực này. Một vài đứa trẻ chạy lăng xăng đốt pháo ném ra đường kêu lẹt đẹt. Chúng tôi sực nhớ hiện giờ theo âm lịch đang là những ngày giáp Tết.

Rời khu Trung Hoa, chúng tôi sang những đường kế cận sạch sẽ hơn. Hai bên lề đường nhà cửa cao ráo và kiến trúc tân kỳ như những hộp diêm. Cao ốc của ngân hàng Wells Fargo bốn mươi hai tầng lầu ngự trị trên miền Bắc Cựu Kim Sơn có lẽ là căn nhà cao nhất thành phố.

Hệ thống đường xá cầu cống Cựu Kim Sơn là một hệ thống pha trộn cũ và

mới, dung hòa lối xây cất trên đất bằng và đồi núi nên trông lạ lùng, đẹp mắt thay đổi luôn luôn không nhàm chán. Đường Broadway lên xuống gập ghềnh khiến những người chưa quen chắc cũng ngập ngừng không dám lên bằng xe hơi. Đường Lombard có cái biệt danh là con đường ngoằn ngoèo nhất thế giới cũng không ngoa. Đầu đường nằm từ trên một khoảng đất cao nhìn xuống như một con trăn dài, khổng lồ, khúc cong, khúc gấp, khúc uốn chữ chi xa tấp và dài hàng cây số với những đoàn xe hơi từ từ lượn theo những khúc quanh trông tưởng như ghé rợn đó.

Tương phản với những con đường cổ kính ấy là các hệ thống cầu cạn hai, ba, bốn, năm tầng để giải quyết nạn kẹt xe ở các ngã tư, ngã năm, ngã sáu. Đứng trên cao nhìn xuống những giao điểm cầu

cạn với từng dãy xe hơi muôn màu sắc leo lên cao rồi lại tóe xuống tứ phía thật là một cảnh linh động và ngoạn mục.

Bên cạnh những xe hơi bóng loáng tối tân, Cựu Kim Sơn bây giờ vẫn còn giữ đủ ba kiểu xe công cộng từ những ngày xa xưa. Những xe cable car cũ kỹ giống như loại xe điện sử dụng ở Sài Gòn cách đây vài chục năm vẫn tự do lưu thông trên đường Powell. Xe chạy trên đường có ba rầy nhất định chỉ khác là điện được truyền tới động cơ xe là điện ngầm dưới đất. Hai loại xe khác là trolleybus và streetcar được lưu thông ngay trên phố lớn nhất của thành phố, đường Market. Cả hai loại xe đều có cần điện gắn cao trên đầu xe, để lấy điện lực từ những dây điện trên không trung. Streetcar chạy trên đường rầy nhất định nhưng trolleybus là loại xe điện tự do không có

đường rầy nên tránh phải tránh trái như một con cá giữa dòng, tùy theo tài năng người tài xế miễn sao cọc cần hút điện đừng trượt khỏi dây như một chiếc xe máy tụt xích. Trông những xe trolleybus lằng xằng tương tự xe buýt vàng đường Trương Minh Giảng bóp chuông kính coong tránh nhau với streetcar tương tự xe điện Kim Liên - Yên Phụ của Hà Nội tiền chiến lẫn đấ với xe Chevrolet, Plymouth trên đại lộ Market giữa trung tâm Cựu Kim Sơn là một cảnh thật tức cười.

Trở về tới chỗ gửi xe cơ Padelford hỏi :

— Các anh xem phố như thế tạm đủ chưa ? Bây giờ tôi đưa các anh lên thiên đường nhé !

Chúng tôi chưa ai hiểu ý cô Mỹ già

này định nói gì thì cô đã mỉm cười giải thích :

— Cựu Kim Sơn là một thành phố xây trên những sườn đồi trùng điệp. Các anh đang ở trung tâm thành phố, tức là ở một trong những thung lũng nhỏ. Tôi muốn đưa các anh lên cao hơn.

Tất cả bọn chúng tôi gật đầu đồng ý. Xe rời khu trung ương lượn vòng vèo rồi lên tới đỉnh đồi Telegraph Hill. Đứng trên ngọn đồi nhìn xuống thành phố xung quanh nhà cửa san sát nhộn nhịp và khá rõ ràng. Tuy vậy người Mỹ vẫn thấy rằng chưa đủ. Một đài quan sát nhỏ nhỏ với những ống viễn kính quay cả bốn hướng được thiết trí cho du khách sử dụng quan sát phong cảnh dưới chân sau khi bỏ vào máy vài cắc. Vui vẻ hể hả cả : nhà thầu khai thác thu được tiền, du khách được xem.

Tôi chỉ tay về phía chân đồi hướng Nam :

— Cái tháp cao kia là tháp gì ?

Người đàn bà Mỹ trả lời :

— Tháp Coit Tower.

Một anh bạn vốn giỏi tiếng Pháp hơn Anh ngữ lắm bầm bằng tiếng Việt :

— Tháp gì mà lại tên là Coit. Hỏi nó xem nghĩa lý làm sao ?

Tôi chưa kịp trả lời thì Thông đã gạt đi :

— Thôi hơi đầu mà tìm hiểu lịch sử thành phố mất thì giờ. Đói bụng rồi. Để cho dễ nhớ thì hãy cứ tạm gọi nó là tháp Giao Hoan.

Thái hỏi cô Padelford :

— Đồi Telegraph Hill có phải là đồi cao nhất chưa ?

— Không. Ở đây có cả hai chục ngọn đồi : đồi Nga, đồi Nob, đồi Kim Cương, đồi Rừng v.v... những đồi này được coi là đẹp nhất. Còn nếu các anh muốn lên đỉnh Cựu Kim Sơn thì xin lại lên xe. Tôi đưa các anh lên Twin Peaks trước khi xuống núi về ăn cơm Tàu.

Không ai phản đối đoạn cuối mỹ miều của chương trình sáng hôm đó.

✱

Twin Peaks là đỉnh hai ngọn đồi nằm kế cận nhau ở cao điểm kế phía Tây Nam khu trung ương có đường cho xe lên từ hướng Bắc rồi xuống bằng hướng Nam, con đường mang tên là đại lộ Đỉnh Đồi.

Địa điểm này không có nhiều kiến trúc nhân tạo nhưng ở một nơi cao nhất và giữ gần nguyên vẹn vẻ thiên nhiên hùng vĩ của nó.

Đã lên tới đây ít ai bỏ qua dịp tốt là chụp một tấm hình mình đứng cao chót vót với bối cảnh là cả một thành phố như đang bị chế ngự dưới chân. Chúng tôi cũng thay phiên nhau làm công việc đó mất gần hai mươi phút mặc dầu đồng hồ đã chỉ hơn mười hai rưỡi và bụng ai nấy đều xôn xao, náo nức khi nghĩ tới những món xào nấu thơm phức của bữa ăn Tàu đầu tiên trên đất Mỹ, sau mấy ngày gắng gượng làm quen với hamburger, hot dog, calsup của Hoa Kỳ.

*

Ngày hôm sau chúng tôi đã khá quen thuộc với thành phố và chia ra từng nhóm

nhỏ tự do đi chơi theo chương trình của nhóm không cần phiên tới người hướng dẫn. Cô Padelford đã từ già chúng tôi trở về Đồi Vui từ mười giờ đêm hôm qua để tiếp tục cuộc sống độc thân.

Thái và tôi lần lượt sử dụng hết cả ba loại xe điện và xe buýt điện cable car, streetcar, trolleybus dạo chơi trên các đường Sutter, Powell, Grant, Market trước khi tới bờ biển. Chúng tôi tản bộ theo lề đường bờ biển tiến về phía Bến Cá (Fisherman's Wharf) một khu lừng danh của những người ham nhậu. Trước khi đi Mỹ bạn tôi, Thái vẫn ấp ủ hai mộng ước mà anh thể quyết tâm thực hiện một khi được đặt chân lên lục địa Hoa Kỳ, đó là mua một chiếc tàu thuốc hiệu Dunhill và nhậu một bữa cua Mỹ no say. Về chiếc tàu anh đã bằng lòng bỏ nửa tháng lương để nhờ mua tại Sài Gòn nhưng không

có. Về cua, thì mỗi lần gỡ những cuốn du ký nói về nước Mỹ, nói về loại king crabe lưới từ vùng Alaska mang về mỗi con đo từ càng nọ sang càng kia dài gần một thước, anh lại thấy nước rãi dâng lên trong miệng như nước thủy triều.

Mộng ước thứ nhất của Thái chiều qua đã bùng bùng lên, khi anh trông thấy chiếc tàu lý tưởng của anh trong tủ kính một tiệm bách hóa trên đường Sacramento. Nhưng chỉ hai phút sau đó anh ỉu xiu từ tiệm trở ra đường tay không, khi biết chiếc tàu Dunhill bé nhỏ đó trị giá đúng bốn mươi lăm đô la chưa kể thuế.

Hôm nay Thái rủ tôi đi về hướng biển để thực hiện mộng ước thứ hai vì anh tin rằng mộng ước này giá rẻ hơn.

Bến Cá đã hiện ra trước mặt. Từng

dãy tiệm bán đồ biển san sát nối tiếp nhau, những tiệm ăn có vẻ bình dân chứ không phải không khí của các cao lâu xa hoa sang trọng. Những bác đầu bếp khoác khăn trước bụng chăm chỉ cắt thái các sơn hào ngay tại quầy hàng trông ra đường, ở mặt tiền của tiệm. Thức ăn được trình diện ngay trên quầy ngoài hiên để quyến rũ thực khách. Nào mực tươi, cá biển đủ loại, tôm hùm đỏ như gạch to bằng cánh tay người. Rùa sống ngo nguậy trong những chậu sên sệt nước, chờ đợi giờ lên bếp theo com-măng của khách, làm tôi nhớ tới những quán chuyên bán thịt rùa tại Cần Thơ giờ đây xa hàng chục ngàn cây số.

Nhưng món mơ ước của bạn tôi và cũng là món ăn lần lượt tất cả những món khác ở vùng Bến Cá này vẫn là cua. Trên mỗi quầy hàng, cả trăm con

cua lược hoặc hấp sẵn được xếp thành hàng ngay ngắn như chờ đợi lệnh xuất quân. Những con cua này tuy không to bằng của mô tả trong sách mà bạn tôi đã đọc nhưng cũng có những vóc dáng lớn quá khổ mà tôi chưa trông thấy tận mắt lần nào. Những con cua Vững Tàu, Nha Trang hay Maxim's, Bát Đạt so với cua ở đây chỉ đáng gọi là những chú dĩa tràng.

Thái nhìn tiệm Fish Grotto ngay trước mặt và bảo tôi :

— Thôi dô đây chứ !

— Có cần liếc qua giá cả trước không ? Nhỡ lại như ống điều Dunhill chiều qua thì tính sao ?

Thái làm theo lời tôi. Chúng tôi cũng khá xúc động khi được biết giá một còng cua, còng không thôi chứ chưa nói tới

toàn vẹn thân thể kiều diễm của nó, thay đổi từ hai tới bốn đô la tùy theo càn to nhỏ, tùy theo tiệm. Thái gật gù nói :

— Thôi cứ vào. Tôi với anh thằng nào cũng còn nguyên vẹn bốn mươi đô la đổi theo giá chính thức và mấy trăm traveller check. Cũng phải xuất kho cho ví tiền của mình nó đỡ tủi chứ !

Chúng tôi ngồi ở bàn ăn gần cửa để có thể vừa nhăm nháp vừa ngắm phố xá. Người đi lại khá đông. Các tiệm ăn tấp nập. Nhiều hàng tranh bày bán ngay ở lề đường, những tranh vẽ thành phố Cựu Kim Sơn và khu Bến Cá trải qua nhiều giai đoạn lịch sử, nhất là cảnh tàn phá sau trận động đất năm 1906. Phía biển có những thuyền đánh cá có động cơ đậu san sát bên nhau, cột buồm thẳng tắp cắt trên nền trời xanh mờ mờ sương. Một mùi hôi pha chút tanh nồng của nước

biển bao phủ vùng Bến Cá khiến khu này có một hương vị đặc biệt, độc đáo mà các thành phố Mỹ khác không có.

Kể cả ăn uống xong chúng tôi rời khỏi tiệm lúc mặt trời đứng bóng. Nhìn lên hàn thử biểu cạnh chiếc đồng hồ lớn trên nóc cao ốc trước mặt tôi thấy kim chỉ năm mươi ba độ F, khoảng mười hai độ Việt Nam. Tuy vậy trời không rét mà chỉ vừa lạnh dịu dịu như Đà Lạt, ánh nắng vẫn le lói.

Thái có vẻ hả hê. Dù phải cùng tôi chi một bữa ăn đắt giá nhất trong đời mình nhưng ít ra anh cũng đã thực hiện được trọn vẹn mộng ước thứ hai mà anh hằng ôm ấp và sau này dù có chết đi anh cũng không ân hận đã phụ lòng ông thần khẩu.

Buổi chiều Thái và tôi mở một cuộc Nam tiến về phi trường Cựu Kim Sơn bằng qua quận Dala. Bắt đầu từ quận này trở xuống thành phố có vẻ buồn và tiêu điều. Nhà cửa thấp, nhỏ, phần lớn chỉ có hai hay ba tầng. Lác đác những cư xá xây ngay trên sườn đồi ẩn hiện trong cây không khác gì cảnh một buổi chiều sương mù Đà Lạt.

Nhà cửa ở Mỹ có thể tạm chia thành ba loại chính. Cao ốc chọc trời thường thấy ở trung tâm thành phố, nơi đất hẹp mà cần chứa nhiều người. Nhà hai tầng có vườn xung quanh là loại nhà lý tưởng của người Mỹ ngoại ô và vùng quê. Loại thứ ba, bình dân và rẻ tiền là những nhà xe kéo. Nhà này có hình dáng giống như một toa xe lửa với nhiều bánh xe phía dưới. Trong nhà cũng đủ tiện nghi tối thiểu như ti vi, tủ lạnh, bếp điện, nhà

cầu. Nhà xe kéo được tập trung ở một khu đất rộng cho thuê đã thiết trí sẵn sàng hệ thống điện nước. Mỗi khi phải di chuyển đi làm ăn xa, chủ nhân nhà xe kéo thuê hãng thầu lôi cả tòa nhà và bầu đoàn thể tử của mình đi theo như chiếc xe của đoàn cải lương lưu diễn miền quê.

Ở những con đường xung quanh phi trường Cựu Kim Sơn là nơi ta dễ gặp nhiều người Việt Nam nhất. Họ mới tới Mỹ hoặc sắp trở về cũng như nhiều người Á châu khác.

Thực vậy, một toán sáu người vận quân phục đang đi về hướng chúng tôi. Trông sáu bộ quần áo mùa đông bằng ga-ba-đin xám do ngành quân nhu thực hiện không lấy gì làm đẹp để cho lắm chúng tôi biết ngay đó là những sĩ quan đồng hương với chúng tôi sang du học.

Thái nảy ra một ý nghĩ nghịch ngợm :

— Anh để yên tôi xem bọn này nếu không có ai quen, tôi rờn chơi họ một lúc cho đỡ buồn.

— Rờn cách nào ?

— Yên trí chờ đấy coi.

Nhưng Thái chưa kịp thực hiện ý định thì nhóm sĩ quan du học đã rẽ vào tiệm cafeteria gần đấy. Họ xếp hàng một sau những người Mỹ để chờ lấy khay, chén, đĩa mua thức ăn theo lối self service. Trời không lạnh lắm, những người địa phương chỉ mặc thêm một áo len hoặc áo choàng mỏng. Trong lúc ấy những sĩ quan Việt Nam mới tới và còn phải đi nữa chưa tiện mở va-li để thay đồ vẫn phải đeo đẳng bộ quân phục tiết đại

hàn, chiếc ba-đờ-xuy còn nặng nề cặp trên tay. Có người mặc luôn trên mình cho tiện mặc dầu dây cộm và có vẻ không hợp thời trang.

Sự hiện diện của những người châu Á, áo rét cùng mình giữa đám quần chúng y phục mùa thu cũng có vẻ đặc thù lôi cuốn sự chú ý của nhiều người. Nhưng sự chú ý của những người Mỹ này biểu lộ cảm tình hay lãnh đạm thì hơi khó đoán vì những cặp mắt màu xanh lơ đờ của họ chẳng biểu lộ một nét tình cảm nào dù yêu, dù ghét.

Phía trái chúng tôi hai sĩ quan khác đang tiến tới. Một người mang cấp hiện thiếu úy và một trung úy. Tôi để ý trên tay áo hai người miếng phù hiệu ghi hai chữ VIET NAM thường lệ đã được gỡ đi còn trơ lại ba nút cúc bấm cô đơn. Có một vài sĩ quan Việt Nam tới Mỹ đã

phải giấu quốc tịch mình nếu nơi đang đi qua phong trào phản chiến quá mạnh hay là họ phải giải quyết những vấn đề quan trọng ngang hàng với ăn và ngủ mà không có ghi trong chương trình du học. Thái tới trước mặt hai người giờ tay chào bằng tiếng Anh :

— Chào hai ông, hai ông là sĩ quan Việt Nam ?

Ông thiếu úy hãnh diện :

— Phải tôi vừa từ Sài Gòn qua. Còn hai ông chắc ở đây lâu rồi ? Các ông là Phi Luật Tân hay Thái Lan ?

Thái trả lời ngay không suy nghĩ, vẫn bằng tiếng Anh :

— Tôi là người Thái. Tôi khâm phục sĩ quan Việt Nam lắm.

Ông thiếu ủy có vẻ đặc ý :

— Ông nhận xét đúng lắm. Các sĩ quan Việt Nam đều giỏi vì họ đều trưởng thành trong khói lửa. Ví dụ như tôi tuy mới gia nhập quân đội chưa đầy hai năm nhưng tôi đã tham dự hầu hết các trận đánh lớn tại Việt Nam. Khe Sanh, Pleime, Ashau, Chu Prong đều có tôi tham dự.

— Chắc ông phải có nhiều huy chương lắm ?

— Phải ! Tôi đã được ân thưởng trên hai mươi huy chương đủ loại trong hai năm qua. Anh trung úy bạn tôi còn gan dạ hơn nữa. Mình anh có tới bốn mươi huy chương.

Viên trung úy hơi bối rối, tỏ vẻ ngượng nghịu trước sự khoe khoang của bạn, chưa kịp nói gì thì đã bị gạt phắt :

— Gật đầu đại đi ! Dân Xiêm chúng ngu si biết mẹ gì đâu mà phải ngượng.

Thái vẫn thản nhiên hỏi thêm :

— Chắc các anh phải chịu sự huấn luyện cực nhọc lắm nên mới xuất sắc như vậy. Tôi có ở Việt Nam sáu tháng. Tôi mến người Việt lắm.

Viên trung úy vẻ mặt thoáng tươi lên. Ông hỏi Thái :

— Ông có sang Việt Nam rồi. Ông sang năm nào ? Ở đâu ?

Thái cười xòa trả lời bằng tiếng Việt :

— Tôi sang từ năm 1945 tới nay và ở Mỹ Tho.

Viên thiếu úy hơi ngượng mặt thoáng ửng đỏ nhưng trấn tĩnh ngay. Ông đập lên vai Thái :

— Bố khỉ, cùng Mít với nhau mà làm bọn này mất bao nhiêu thì giờ để ca tụng cuộc chiến đấu gian khổ của dân tộc... Các anh sang đây từ bao giờ ? Sắp sửa đi phương mô ?

Sau mấy câu xã giao và cái xiết tay, vẻ hoạt bát của ông thiếu úy đã chinh phục cảm tình của chúng tôi và cả bốn người dắt nhau vào uống nước trong một drugstore gần đấy.

✱

Thắng cảnh chót của Cựu Kim Sơn mà chúng tôi tới xem vào sáng hôm sau là cầu Golden Gate. Cây cầu sơn đỏ một nhịp hơn cây số này là cây cầu treo dài thứ nhì thế giới sau cầu treo Brooklyn, Nữ Ước.



Năm người trong bọn chúng tôi háo hức mang theo bốn máy ảnh và khá nhiều phim màu với mục đích chụp thật nhiều hình ảnh kỷ niệm cạnh cây cầu độc đáo lừng danh này. Màu đỏ tươi của cây cầu, màu xanh của nước biển, màu xám của chân cầu như bức cổ thành và muôn màu di động của hàng trăm ngàn xe di chuyển. Tất cả những thứ đó chỉ dùng làm bối cảnh cho một người đứng cười

toe toét là chính mình thiết tưởng không còn tấm hình mẫu nào trên thế giới đẹp cho bằng. Những tấm hình chụp cách đây mấy hôm, cầu nhỏ và mờ mịt quá.

Nhưng thời tiết sáng nay làm chúng tôi thất vọng. Dù đã đứng sững ngay dưới chân, sương phủ mờ mịt chiếc cầu chỉ lộ ra một đoạn chừng vài chục thước, mẫu sắt sơn đỏ tươi đẹp mọi ngày chỉ còn là một mẫu nâu, đục nhờ nhờ như ly đậu đỏ bánh lọc.

Chúng tôi đi bộ sang huê viên Nhật Bản trong khu vườn Golden Gate gần đó. Ở đây có những kiến trúc những cây cối đặc biệt Nhật Bản, có gian hàng bán bưu thiếp kỷ niệm và các sản phẩm Phù Tang do các cô gái Nhật duyên dáng trông coi.

Nói tới sinh hoạt của người Nhật ở Cửu Kim Sơn không thể quên Trung

Tâm Nhật Bản đang được kiến thiết. Người Nhật nuôi tham vọng biến trung tâm thành khu riêng của Nhật trong Cựu Kim Sơn để phục vụ cho mười ngàn người Nhật sống tại vùng này như người Tàu đã biến Chinatown thành một thứ Chợ Lớn trong nước Mỹ vậy.

Bên ngoài huê viên Nhật Bản, nhiều gia đình Mỹ nằm ngổ ngãi rải rác trên cỏ. Hôm nay là chủ nhật họ đưa gia đình tới đây pích ních. Trên một vài con đường xung quanh công viên Golden Gate, từng toán thanh niên nam nữ hip-py, đầu tóc rối bù vận quần áo xanh đỏ lòe loẹt, có cô chỉ vận quần lót và áo lá may bằng quốc kỳ Mỹ đang lảng xảng chặn khách qua đường bán báo riêng của họ.

Mặt trời đã lên cao. Chúng tôi trở lại chân cầu Golden Gate. Sương mù chưa tan được bao nhiêu. Chiếc cầu cũng chỉ

rõ thêm được vài ba thước. Biết dù có chờ tới chiều, cũng không thể chụp được những tấm ảnh rõ hơn, chúng tôi bèn rủ nhau đi vùng khác.

*

Sau mấy ngày lưu lại Cựu Kim Sơn, giờ đây cả bọn mười người chúng tôi lại tập hợp đông đủ tại phi trường để chuẩn bị bay sang miền Đông nước Mỹ. Những người bạn mới quen cũng có mặt đông đủ để chào tạm biệt chúng tôi, trong số này cố nhiên có cả cô Padelford.

Khi chiếc máy bay đã lên khá cao và xa thành phố tới vài cây số, Thái và tôi vẫn còn chăm chú nhìn Cựu Kim Sơn dưới mắt mình qua khung cửa hẹp như luyến tiếc. Cầu Golden Gate, cây cầu mê

hoặc tôi từ khi tôi chỉ nhìn trong sách hay trên màn ảnh, khi tôi đặt chân tới Cựu Kim Sơn, khi tôi từ giã nó, hôm nay éo le thay lại hiện rõ dưới chân đầy đủ, trọn vẹn, đở rục trong ánh nắng chan hòa.

Tôi bảo Thái :

— Cái cầu kia là một kiến trúc làm hãnh diện cho Cựu Kim Sơn, có lẽ vì thế nên người Mỹ đặt tên là cầu Cửa Vàng. Nhưng giá để cho tôi đặt tên tôi sẽ gọi nó là Cửa Châu Á.

— Tại sao ?

— Vì nhiều lý do. Trước hết, với cái tham vọng của một người da vàng có nền văn hóa cổ kính hơn dân bạch diện, người Á châu vẫn thường coi châu Á bao gồm cả Thái Bình Dương, như

vậy Cự Kim Sơn chỉ là một cái cửa để chúng ta đi vào châu Mỹ. Riêng cái thành phố chứa đầy một triệu dân này, dù có cả người Pháp, người Ý, người Tây Ban Nha nhưng người Á vẫn làm nổi bật sắc thái của họ với khu Trung Hoa từ hàng trăm năm nay và Trung Tâm Nhật Bản sắp hoàn thành trong tương lai.

Bằng một giọng châm biếm thường lệ, Thái hỏi :

— Hết hả ? Còn lý do nào nữa không ?

Tôi căn môi không đáp. Còn chứ ! Còn nhiều lý do lắm. Lý do gần gũi và thực tế nhất không ai chối cãi rằng Cự Kim Sơn chính là thành phố để cho người châu Á biết nước Mỹ. Dù lái buôn, du khách, chính trị gia hay du học sinh

nếu từ Á châu tới thẳng Mỹ đều phải qua Cựu Kim Sơn. Ngay cả các quân nhân tới Mỹ qua phi trường quân sự Travis cũng phải tới Cựu Kim Sơn rồi mới đến các quân trường hay đơn vị.

Nếu không có sự bắt buộc này thì sẽ có những người Á tới Mỹ chỉ biết có đồn trại mà họ theo học, chỉ biết có những tỉnh nhỏ mà họ tới vì công việc riêng. Họ sẽ không bao giờ biết tới những thành phố lớn tiêu biểu của Mỹ như Hoa Thịnh Đốn, Chicago, Нью Уорк hay Cựu Kim Sơn. Muốn du lịch tại một quốc gia đặt tiền lên trên tất cả mọi sự như nước Mỹ phải chịu tốn kém lắm.

Do đó sự kiện bắt buộc phải ghé Cựu Kim Sơn là một điều may mắn cho những người châu Á nghèo.

Tuy nhiên những lý do sau này của tôi, tôi chỉ nghĩ trong bụng mà không dám nói ra.

Tôi sợ bạn tôi buồn !

tháng chín 1970

CHÁN CHƯỜNG

Tuý rằng mãi sáu giờ chiều mới lên máy bay nhưng Tuấn đã thanh toán tiền và trả phòng từ tám giờ. Giữ thêm phòng từ sáng tới trưa để nghỉ ngơi cũng phải trả thêm hai đô la như ở qua đêm. Uổng lắm !

Từ phòng trọ ra tới phi trường không xa chỉ độ ba hay bốn trăm thước thế mà tắc-xi cũng tính một đô la. Cái đồng đô la không hay mất giá như đồng bạc Việt nên quý lắm. Tuấn phải tiết

kiệm nó. Tuấn đi bộ. Hai chiếc va-li đầy quần áo, tặng phẩm kỷ niệm và hàng họ Tuấn mua cả năm nay, công kênh quá. Hai tay xách hai chiếc không nổi. Chàng xách từng chiếc một. Đi một quãng lại đặt chiếc này ở lề đường để quay lại xách chiếc kia. Cứ thế khoảng mười lăm hay hai mươi phút sau, Tuấn và hai chiếc va-li cỡ lớn cũng tới được phi trường.

Tại đây chàng cũng đã thấy vài người bạn cùng khóa có mặt rồi. Họ gặp nhau bắt tay hôn hờ mừng rỡ. Một năm trời xa quê hương, gia đình để học hỏi những điều hay, lẽ lạ nơi Mỹ quốc vĩ đại này, hôm nay chuẩn bị trở về thì ai mà không mừng rỡ.

Tuấn và một người bạn cùng ngồi xuống hàng ghế đợi, hai chiếc va-li để dưới đất. Tuấn hỏi :

— Anh và Huy cùng đi với nhau sao anh lại tới đây có một mình ?

Người bạn trả lời :

— Tới cả hai chứ ! Nhưng nó còn ra P.X. mua đồ.

— P.X. nào ?

— P.X. ở căn cứ này chứ đâu ?

— Ở đây không gọi là P.X. mà phải gọi B.X.

Người bạn cãi lại :

— P chứ sao lại B được. Hợp tác xã bán hàng cho quân nhân ở đâu mà chẳng gọi là P.X.

— Nghỉ phép mười lăm ngày tôi về đây ở mười ngày, ngày nào chả đi mua hàng, chả trông thấy biển đề hai chữ B.X.

Anh vừa về tới đây một tiếng đồng hồ mà anh cãi hoài.

Người bạn có vẻ đuối, nhưng vẫn chưa chịu thua. Anh hỏi vặn lại :

— Anh nói thế thì tôi chịu. Nhưng P.X. là viết tắt của hai chữ Post Exchange nghĩa là nơi mua bán trong đồn trại, còn B.X. là viết tắt của cái gì ?

Lần này tới lượt Tuấn có vẻ đuối. Một năm trời ở Hoa Kỳ, Tuấn mua hàng ở cả chục P.X. rồi, Tuấn biết đó là Post Exchange, nhưng B.X. thì từ ngày về căn cứ hàng không Travis này Tuấn mới trông thấy lần đầu. Nhưng hơi đầu mà tầm nguyên từ ngữ mất thì giờ, Cứ biết ở đây bán hàng rẻ là được rồi. Hôm nay bị Khanh hỏi vặn, Tuấn mới ngẩn người ra. Ờ ! Tại sao lại B mà không là P nhỉ ? Hay là ở đây là miền Nam nước Mỹ dân

chúng địa phương cũng có thói quen đọc chữ P thành chữ B như đồng bào của Tuấn ở miền Nam Việt Nam. Tuấn gật gù có vẻ đắc ý !

Chàng toan nói ý kiến cho Khanh nghe thì chợt ngừng lại ngay được khi nghĩ ra rằng nếu người Mỹ miền Nam có đọc chữ P khác người Bắc đi chẳng nữa thì khi viết vẫn viết là P chứ đâu có viết sai chính tả.

Mặt Tuấn lại thừ ra. Khanh thấy dồn được bạn vào chỗ bí cũng khoái rồi nên không hỏi thêm. Vả lại nếu hỏi mãi, Tuấn bí quá lại yêu cầu Khanh giải thích thì gậy ông lại đập lưng ông. Khanh hỏi sang chuyện khác :

— Anh mua gì mà hai va-li đây ắp thế ?

Tuấn ấp úng :

— Có gì đâu. Đồ dùng lật vặt công kênh với ít quà về tặng bà con, bạn bè !

— Mua gì thì nói đại ! Cùng cánh với nhau có gì mà giấu.

Tuấn cười không đáp.

Phi trường lúc ấy đã đông hơn trước. Một chiếc phi cơ phản lực từ Việt Nam chở theo một số lính Mỹ hồi hương. Cũng có cả một số quân nhân Việt du học cùng đi chuyến máy bay này. Mới tới Mỹ lần đầu, họ bối ngỡ, ngỡ ngác, chạy lảng xảng. Gặp người Việt sắp trở về họ mừng rỡ tới gần bắt tay chào hỏi. Họ tíu tít mua bưu thiếp in hình phong cảnh Travis gửi về cho vợ con biết là mình đã tới Hoa Kỳ. Có người làm quen ngay với người sắp trở về, hỏi chỗ ở rồi gửi thư

tay cho người bạn hồi hương mang về hộ cho vợ con mau biết tin là mình đã vượt Thái Bình Dương bình an vô sự.

Khanh rủ Tuấn :

— Còn nhiều thì giờ lắm, tôi với anh ra commissary mua ít nho đi !

— Mua để vào đâu ?

Hỏi xong câu ấy, Tuấn chợt nhớ ra không thấy Khanh mang theo va-li. Chàng ngạc nhiên hỏi bạn :

— Va-li của anh và Huy để đâu ?

— Trong kia.

Vừa nói Khanh vừa chỉ tay về phía cuối phòng nơi có một dãy ô kéo ở sát tường. Đó là những ngăn tủ cho thuê. Bạn chỉ việc bỏ một đồng hai mươi lăm xu bằng kim khí vào cái lỗ nhỏ phía trên

mỗi ngăn tủ, một chiếc chìa khóa sẽ rơi ra. Bạn mở ngăn tủ và cho đồ đạc vào, khóa lại rồi đi chơi. Chỉ phiền một nỗi ngăn tủ chỉ có cỡ nhỏ nên không thể để được những va-li cỡ lớn như của Tuấn. Chàng hỏi Khanh :

— Va-li của anh và Huy gửi trong đó được. Thế các anh không mua đồ gì mang về à ?

Khanh lắc đầu :

— Mua làm gì cho nặng. Hàng lậu của Mỹ ở Sài Gòn thứ gì không có mà phải mua ở đây mất công.

— Thế anh mang tiền về ư ? Về Tân Sơn Nhất phải khai rồi đổi theo giá chính thức thì ăn thua gì ?

Khanh bĩu môi :

— Sức mấy mà khai !

— Không khai, quan thuế họ khám thấy họ tịch thu.

Khanh cười hể hể :

— Một năm trời ở Mỹ anh có để danh được hai ngàn đơn không ? Nếu được, anh đổi lấy toàn giấy một đồng để mang về hay sao mà sợ khám. Anh vào băng đổi toàn lạc biêu bỏ vào ví thì ai khám ví anh ?

Muốn để cho Tuấn hiểu lạc biêu (large bill) là những thứ giấy lớn mà dụng tâm đổi cũng không khó khăn gì, Khanh móc ví lấy ra năm tờ giấy trăm xòe ra như cái quạt phẩy phẩy lên má và nói đùa :

— Lên máy bay nóng, lấy cái này mà quạt thì sướng biết mấy. Về Sài Gòn đổi

giả chợ đen ba trăm đồng một đôn. Anh xách cả hai va-li đầy quần cao bồi và áo banlon mướt mà có bằng không ? Mà lúc nào anh cũng khu khu ngồi trông va-li không dám đi đâu.

Quả là Khanh nói đúng. Kẹt hai chiếc va-li Tuấn không thể bỏ đồ đi theo Khanh, nên Khanh đã đi một mình. Hoa quả ở đây chỉ có nho ngon và rẻ nhất. Ba cắc một bịch nho tươi mòng mọng nặng tới hơn nửa cân tây. Mua ở Sài Gòn phải bốn năm trăm đồng, Nhiều bạn bè của Tuấn cũng đã bàn tính khi về sẽ mua vài ký nho mang về làm quà. Nho bỏ vào sắc cầm tay không sợ bể nát mà cũng không bị trù vào số 100 cân Anh được phép mang theo. Nhưng bây giờ đã lỡ, Tuấn không thể rời phi trường. Tuấn đành tới mấy tiệm bán đồ lặt vặt ngay bên trong phi trường ngắm nghía

những đồ bán tại đây như quần áo, dao cạo, sách báo, thuốc đánh răng, đồng hồ, nước hoa v.v... Thịnh thoảng chàng lại liếc về phía hai chiếc va-li lớn ở phía xa xem còn hay mất.

✱

Đồng hồ chỉ mười giờ. Các bạn bè cùng học một khóa, ở cùng một trại với Tuấn, giờ đây đã có mặt gần đủ tại phi trường. Khi mãn khóa học tất cả đều được nghỉ mười lăm ngày phép có lương và được phát trước một số tiền lộ phí tinh theo khoảng cách từ trường học tới phi trường Travis là chặng cuối để lên máy bay về nước.

Vì nơi Tuấn học ở miền Đông nước Mỹ, phi trường Travis ở tận miền Tây

nên số tiền lộ phí phát trước lên tới gần hai trăm đô la. Có người xài sang dùng tiền này mua vé máy bay cho nhanh. Phương tiện này đắt tiền nhất. Có người đi bằng xe lửa để xem xe lửa của Mỹ ra sao ? Nhưng đa số đều sử dụng xe buýt, một phương tiện giao thông rẻ tiền và dễ la cà. Đi xe buýt chỉ hết nửa số tiền lộ phí được cấp phát, dọc đường khi băng ngang nước Mỹ, thấy thị trấn nào thích thú thì xuống ở lại một hai ngày. Chán lại lên xe buýt khác không phải đổi vé. Đồ đạc đã được hãng xe gửi về Travis từ trước.

Có người tiết kiệm tiền mà cũng không thích du lịch thì thời gian nghỉ phép họ ở lại ngay nơi học, tiền trợ được rẻ chỉ phải trả năm cắc hay một đô la một ngày. Tuấn cũng không thích du lịch, nên măn khóa là về hưởng những

ngày phép ngay ở căn cứ này để chờ ngày về nước. Có điều Tuấn tưởng giá tiền trọ ở đây cũng như ở các căn cứ khác không ngờ lại đắt gấp đôi ba.

Một cô bạn gái cùng học với Tuấn nghỉ phép đi Nữu Ước, Chicago lu bù giờ này cũng có mặt kia rồi. Trông cô có vẻ bánh lăm. Mặc duýp ngắn, cô cũng mang đôi vớ ni-lông mỏng bó sát đùi như những người đàn bà Mỹ chính cống. Một hai anh Mỹ trẻ đi cùng xe, tíu tít xách vali hộ cô, lịch sự như người Tây phương.

Nhiều người Việt học ở các tiểu bang khác cũng có mặt tại đây để về nước cùng chuyến máy bay với Tuấn.

✱

Khanh đi khỏi một lúc thì Tuấn gặp

Hiệp và Tri, hai người được bọn Tuấn gọi là cặp bài trùng. Họ cũng rời trường ngay sau khi tan khóa, nói là đi Hoa Thịnh Đốn. Tuấn hỏi :

— Hai anh ở Hoa Thịnh Đốn lâu thế chắc vui lắm nhỉ ?

— Đâu có. Ở Hoa Thịnh Đốn tốn lắm, có một ngày là bọn này về đây liền.

— Sao tôi không gặp các anh ?

— Chúng tôi ở Cựu Kim Sơn.

— Trời ! Ở đó chịu sao nổi tiền ô ten. Chắc phải ít nhất năm đôn một ngày.

Hiệp nói :

— Ở khu Tàu còn rẻ hơn ở đây. Khu đó có những ô ten cho thuê tuần, mỗi tuần mười đôn. Hai thằng chúng tôi ở chung nhau mỗi thằng mất có năm đôn

có rẻ hơn anh ở đây một tuần mười bốn đôn không. Ăn uống cũng tiện. Ra khu Tàu mua đủ thứ về nấu lấy. Rau cải, rau cần, xu hào, mộc nhĩ, dưa chua có đủ. Tội gì mà về đây ăn hamburger...

Tuấn ngẩn người, ngửa đầu nhìn lên trần có chiều như tiếc rẻ.

*

Mười một giờ bắt đầu cân đồ. Không khí khu vực này nhộn nhịp hẳn lên. Hành khách có vé xếp hàng một, lần lượt tới quầy cân Mỹ và Việt Nam xếp hàng lẫn lộn. Khanh và Huy chỉ có mỗi người một va-li nhỏ nên phẳng phẳng xếp hàng trước. Những người có nhiều đồ còn nấn ná nghe ngóng. Trọng lượng mỗi người được mang theo tối đa là một trăm cân

Anh. Khanh và Huy cân xong lấy giấy, thông thả đi ra. Một người khác bị các nhân viên cân hàng từ chối cấp giấy vì va-li ông nặng tới một trăm hai mươi cân. Họ yêu cầu ông bỏ bớt đồ. Nản nì, phân trần, cãi cọ rồi cuối cùng ông phải xách va-li ra ngoài hàng. Sự kiện này là một biến cố đối với những người chưa cân mà mang đồ quá công kênh như Tuấn. Họ xúm lại xung quanh ông khách một trăm hai mươi ký hỏi thăm. Ông mở va-li lấy đồ đạc ra ngắm nghía cân nhắc, xem nên bỏ thứ nào giữ thứ nào.

Một ông to con đứng bên nói :

— Tôi ở đây mười ngày rồi. Hôm nào tôi cũng ra coi cân đồ. Thường thường quá một hai chục cân nó vẫn cho đi. Hôm nay khó vì cách đây mấy hôm có một ống người mình gây gổ với tụi nó đấy mà.

— Sao ? Đầu đuôi làm sao ?

— Của đáng tội ông ấy mang hơi nhiều đồ. Có lẽ tới một trăm sáu mươi ký. Ở đây chúng nó không chịu. Ông năn nỉ mãi nó cũng không nghe, ông nói với một thằng trung úy Mỹ nó cũng từ chối. Tức mình ông lấy bột đồ vứt vào sọt rác và bảo thằng Mỹ rằng :

— Anh ở đây yên ổn anh làm khó bao giờ anh sang Việt Nam thì anh mới biết.

Hôm sau thì thấy có một nữ đại úy Mỹ kiểm soát việc cân đồ. Con mẹ nói rằng :

— Tôi là đàn bà nên không sang Việt Nam chiến đấu đâu.

Trong lúc ấy, những hành khách Việt Mỹ và các quốc gia khác vẫn tuần tự xếp

hàng để chờ cân đồ. Người Mỹ sang Việt Nam, Wake hay Xung Thăng đảo nhằm đơn vị mới thường mang ít đồ đạc, hơn là các hành khách Á châu từ Mỹ trở về.

Hai va-l i của Tuấn tuy đồ sộ công kênh nhưng bên trong chỉ có quần áo, búp bê, và các đồ nhẹ nên tổng số trọng lượng chưa tới một trăm cân. Nhân viên phụ trách cân mỉm cười chứng nhận trên vé máy bay của Tuấn. Tuấn thở phào khoan khoái. Giờ thì nhẹ nhàng, thơ thới rong chơi để chờ tới giờ lên máy bay mà thôi. Không biết làm gì, Tuấn ngồi xuống hàng ghế gần đó giải trí bằng cách quan sát những người cân sau.

Lúc đó tới lượt Đản. Chiếc va-li lớn của anh nặng 115 cân. Không có gì trở ngại. Nhưng người lính Hoa Kỳ yêu cầu anh cân chiếc ti vi Zenith 12 inh anh đang cầm trên tay.

Đản cười duyên :

— It's my handbag. (Cái này xách tay mà) !

Người linh Mỹ không chịu. Đản phân trần bằng một thứ Anh ngữ ôn tồn, chậm rãi. Viên nữ đại úy tới gần và giải thích :

— Ti vi không được kể là đồ xách tay. Xách tay phải nhẹ và nhỏ như ấn định trên bảng kia.

Nói rồi, bà ghi trên vé của Đản một dòng chữ “Không có xách tay mang theo” trước khi trao trả Đản và cũng ân cần dặn chiều nay khi ra cửa chiếc ti vi của chàng sẽ không được chấp nhận.

Vụ rắc rối thứ hai này đã tạo ra nhiều quyết định mới ở phía sau. Còn mười hai người nữa thì tới lượt Thuận được

cân, nhưng chàng tách ra khỏi hàng mang chiếc va-li nhỏ tới một trụ sở bưu điện gần đây gửi về Việt Nam theo lối bưu kiện. Không biết bên trong có nhiều đồ đáng tiền hay không, nhưng Thuận đã phải chịu trả cước phí gần hai mươi đô la.

Trên hàng ghế chờ đợi chỗ gần tiệm ăn, Ban vừa mở chiếc va-li nhỏ : hơn mười bịch nho và đào tươi mòng mọng hiện ra dưới mắt mọi người. Ban bóc hết các bịch nho ra mời bạn bè. Chàng chia cả cho mấy em nhỏ Hoa Kỳ, mỗi đứa vài chùm. Mẹ chúng cảm ơn người bạn Việt rồi rít. Trong vòng mười lăm phút bữa tiệc trái cây hoàn tất. Ban thu nhặt những cuống trái cây vào va ly đóng lại rồi liệng cả va ly vào thùng rác. Va-li đồ của Ban, chàng đã cân thử hôm qua : vừa đúng một trăm mười cân. Số nho mới

mua trên hai mươi cân, Ban định xách tay mang làm quà nhưng kế hoạch đã phải hủy bỏ vào phút chót.

Hải và Nhật là những kẻ ăn chơi hào hoa phong nhã nên không có lo lắng gì cả. Bao nhiêu tiền họ đã tiêu gần hết khi ở Mỹ. Hành lý hồi hương của họ kể cả đồ đạc bạn bè gửi mang hộ cũng chưa tới một trăm cân mỗi người. Quả là lúc nghèo tâm hồn thanh thoi thật.

Trên hàng ghế dài đối diện dãy học tử cho thuê, một người Việt khác đang ngồi nói huyền thuyên với một hạ sĩ và hai trung sĩ Mỹ về phong cảnh Sài Gòn, về chiến cuộc tại Việt Nam, về quần áo và nhan sắc đàn bà Á Đông. Ông nói tiếng Anh rất thạo và lịch sự. Tuy cấp bậc ba người Mỹ sắp sang Việt Nam chiến đấu bảo vệ tự do còn nhỏ hơn người bạn Á châu rất nhiều nhưng ông này vẫn gọi họ

là sir (ngài) như đa số những người nói tiếng Anh lịch thiệp.

Cuộc đàm thoại tay tư rất tương đắc : Người bạn Á châu mời Coca Cola. Những người bạn Hoa Kỳ mời lại thuốc Salem, la-ve Budweiser. Có đi có lại đàng hoàng.

Lát sau cả bốn người đứng dậy tiến tới xếp hàng chờ cân hành lý. Người Á châu khệ nệ xách chiếc va ly Samsonite lớn và mới. Hai quân nhân Mỹ mau tay xách hộ hai chiếc va-li nhỏ cho ông bạn vui vẻ có duyên nhưng quá kênh càng.

★

Thời giờ còn nhiều, không biết làm gì để tiêu khiển trong khi chờ đợi, Tuấn vào tiệm tạp phẩm chọn một số bưu

thiếp hình ảnh để kỷ niệm. Chàng cũng mua thêm ba cặp khuy áo. Ở đây họ bán rẻ, mỗi cặp có một đô la. Một đô la mà tính giả chính thức cũng hơn một trăm đồng, nếu giá chợ đen có thể lên tới ba trăm. Từ ngày đi Mỹ, Tuấn mắc phải cái tật xấu là hễ mỗi lần tiêu món gì là lại hay đối chiếu tiền Mỹ với tiền ta theo cả hai giá đen và trắng.

Chọn mãi chỉ có những cặp khuy có khắc chữ N là kiểu đẹp. Suy nghĩ cân nhắc rồi Tuấn móc túi trả tiền bụng nghĩ thầm :

– Giá nó khắc chữ T. hay chữ S. thì tiện quá. Nhưng thôi rẻ thì cứ mua. Cất đi, biết đâu chả có lúc mình phải giao dịch với những người tên Ngân, Ngạc hay Nhạ, Nhã thì có sẵn đồ biếu họ.

Tuấn thùng thảng đi về phía cuối dãy ra ngoài ngắm trời. Ngắm cho kỹ đi. Hôm nay là ngày cuối cùng mà được nhìn ngắm nền trời văn minh Mỹ quốc. Mai đây mà lại trở về quê hương tao loạn, đau khổ, chết chóc với những công việc hằng ngày nặng nề trong sứ mệnh bảo vệ tự do.

Đang mơ màng, Tuấn giật mình khi Khanh tới phía sau vỗ lên vai :

— Anh ăn gì chưa ?

— Tôi ăn rồi ?

— Khát quá ! Vào cafeteria kiếm ly sữa tươi uống đi anh !

— Cám ơn anh tôi không khát.

Khanh đi khỏi, Tuấn rùng mình. Nói tới sữa tươi, Tuấn lại nhớ tới những cơn

đau bụng triền miên khi Tuấn "tiếp xúc" lần đầu với những món đồ Mỹ này cách đây một năm khi chàng ở trên đường từ Việt Nam ra đi.

Vốn tính cẩn thận lo xa, Tuấn đi lần về phía dãy nhà cuối phi trường để đi giải quyết mọi vấn đề sinh lý một lần chót. Chàng đẩy cửa bước vào phòng tắm để cởi bỏ bộ quần áo dạ cho đỡ nóng.

Trước mắt Tuấn gần hai chục quân nhân Hoa Kỳ đang tắm dưới hàng hoa sen công cộng. Tất cả đều trần truồng như nhộng. Những người Mỹ đen trần trụi như những con gấu. Những người Mỹ trắng nhể nhại, cao lớn, lực lưỡng. Họ vừa kỳ cọ vừa nhai kẹo cao su, vừa nói chuyện với nhau như khi dự dạ tiệc. Ở đây mọi người bình đẳng. Không kỳ thị, không cấp bậc, không áo quần.

Tuấn thay xong áo, bước vội ra khỏi phòng tắm. Ở Mỹ đã lâu nhưng Tuấn vẫn không quen cái sắc thái cộng đồng, quá tự nhiên kiểu này.

Chàng tìm sang phòng bên cạnh, nhìn thấy hình vẽ đầu người đàn ông trên cánh cửa, bèn móc túi lấy một cục bỏ và lỗ máy tự động, rồi đẩy cửa bước vào.

✱

Trời đã xâm xẩm tối. Chiếc Boeing 727 có lẽ đã lên cao tới tám ngàn thước. Những hành khách Mỹ lim dim mắt ngủ. Hành khách Việt Nam nôn nao nghĩ tới quê hương mỗi lúc một gần, chưa thể ngủ được. Họ đọc báo, đọc sách hay nói chuyện rì rầm.

Trên hàng ghế phía trước Tuấn, hai người đang bàn nhau chi tiêu nốt những Mỹ kim cuối cùng họ còn giữ :

— Này, cậu còn được hai chục đơn không ?

— Còn.

— Cậu có xem thời khắc biểu lúc ở Travis không ? Máy giờ chuyển bay này ghé phi trường Okinawa ?

— Không nhớ.

Im một lát, rồi lại có tiếng nói :

— P X. ở Okinawa rẻ hơn ở Mỹ nhiều lắm đấy ?

— Sao vậy ?

— Ở Mỹ là vùng đất thái bình. Wake, Okinawa hay Việt Nam được coi là vùng

chiến trận nên giá hàng P X. rẻ hơn vì được miễn mọi sắc thuế.

— Thật không ?

— Có thằng bạn mình đi chuyển trước nói Okinawa là đất Nhật nên đồng hồ Seiko ở đây chỉ có hai mươi đôn một cái.

Giọng người đối thoại có vẻ hơn hớn :

— Nếu thế còn bốn chục phải bắt thêm hai cái nữa.

Tuấn không mấy chú ý tới toan tính, của các bạn phía trước vì Tuấn không còn tiền. Tuấn dở xấp ảnh phong cảnh Travis ra coi lại. Tuấn chợt chú ý tới hai chữ Base Exchange. Thì ra B.X. là viết tắt hai chữ này. Tuấn định gọi Khanh nhưng bạn chàng ngồi cách những sáu hàng ghế.

Tuấn lẩm bẩm :

— Travis AFB là Travis Air Force Base, Căn Cứ Không Quân Travis. Base Exchange là nơi mua bán đặt trong một căn cứ.

Nhưng mà thôi ! Nghĩ tới B.X. hay P.X. làm gì khi trong túi chỉ còn vài đồng bạc các mang về để làm vòng đeo tay.

Tuấn hận lắm. Ở Mỹ học cả năm trời mà còn quá ngớ ngẩn. Tại sao Tuấn không giữ lạc biêu như Khanh ? Tại sao Tuấn không giữ vài chục đồng để lát nữa mua đồng hồ. Tại sao Tuấn lại ở Travis tốn tiền phòng hơn ở Cựu Kim Sơn. Tại sao ? Tại sao ?

Tuấn giận lắm, buột miệng chửi thề :

— Tới Okinawa thế đếch nào cũng có thằng gãy chân.

Đang lim dim ngủ, người bạn ngồi bên Tuấn tưởng có tai nạn xảy ra, giật mình hốt hoảng :

— Sao ? Sao ? Ai gây chân ?

Tuấn nhắc lại :

— Tới Okinawa sẽ có thằng gây chân.

— Tại sao ?

— Máy bay chỉ ghé có bốn mươi lăm phút mà thằng nào cũng muốn chen lấn xuống trước để vào P.X. mua đồng hồ Seiko rẻ, thì thế nào chả có đứa té hay què chân !

tháng chạp 1969

ĐÓN ĐỌC :

CHUYỆN VỢ CHỒNG

của ĐẶNG TRẦN HUÂN

* CHUYỆN VỢ CHỒNG tập truyện vui đặc sắc với chủ đề ái tình nam nữ của muôn loài trên trái đất từ sâu bọ, chim cá, voi ngựa tới... con người.

* Các bạn đã say mê CHUYỆN CẨM ĐÀN BÀ, (cuốn sách xuất bản 3 lần trong 4 tháng và đã hết) các bạn không thể bỏ qua CHUYỆN VỢ CHỒNG.

* CHUYỆN VỢ CHỒNG, là tập truyện nối tiếp CHUYỆN CẨM ĐÀN BÀ.

SÁCH ĐẶNG TRẦN HUÂN

ĐÃ XUẤT BẢN :

ngày vui - truyện ngắn

hải đảo thần tiên - truyện dịch (in lần thứ hai)

chuyện cấm đàn bà - truyện vui (in lần thứ ba)

thành phố buồn thiêu - ký sự

SẼ XUẤT BẢN :

di chúc gửi lệ hà - tiểu thuyết

chuyện vợ chồng - truyện vui

THÀNH PHỐ BUỒN THIU CỦA
ĐẶNG TRẦN HUÂN, HIẾU ĐỆ VẼ
BÌA, SÁNG TẠO XUẤT BẢN, IN XONG
NGÀY 5-11-1970. GIẤY PHÉP XUẤT
BẢN SỐ 4206/BTT/PHNT NGÀY 2-10-
1970.

Giá : 200đ.

